

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ THƯƠNG MẠI TNG/TNG INVESTMENT AND TRADING
JOINT STOCK COMPANY

Số 434/1, Đường Bắc Kạn, Phường Hoàng Văn Thụ Thành phố Thái Nguyên, Tỉnh Thái Nguyên

No. 434/1, Bac Kan Street, Hoang Van Thu Ward Thai Nguyen City, Thai Nguyen Province
MSDN/EC:4600305723 | Website: www.tng.vn | Email: info@tng.vn



ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN 2025
ANNUAL GENERAL MEETING OF SHAREHOLDERS 2025

PHIẾU BẦU CỬ THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
VOTING BALLOT MEMBER OF BOARD OF DIRECTOR

Họ tên cổ đông/Đại diện theo ủy quyền (nếu có)/Full name of shareholder /Authorized representative (if any):

Số ĐKSH/Regisnation code:

Số cổ phần sở hữu và đại diện/Number of shares owned and represented:
.....

1. Bầu thành viên HĐQT độc lập thay thế thành viên hết nhiệm kỳ/Bầu thành viên HĐQT độc lập thay thế thành viên hết nhiệm kỳ:

STT/No	Ứng cử viên/Candidate	Số phiếu bầu/Number of votes(*)

(*) Tổng số phiếu bầu cho ứng cử viên trong danh sách này tối đa bằng số cổ phần sở hữu và đại diện/The total number of votes for candidates on this list is equal to the number of shares owned and represented.

2. Bầu thành viên HĐQT thông thường để thay thế thành viên miễn nhiệm/Elect ordinary board members to replace dismissed members

STT/No	Ứng cử viên/Candidate	Số phiếu bầu/Number of votes(*)

(*) Tổng số phiếu bầu cho ứng cử viên trong danh sách này tối đa bằng số cổ phần sở hữu và đại diện/The total number of votes for candidates on this list is equal to the number of shares owned and represented.

Phần chữ ký xác nhận của cổ đông(Hoặc người đại diện theo ủy quyền)
Shareholder signature confirmation section(Or authorized representative)

(Ký, ghi rõ họ tên)
(Signature and Full name)

TỜ TRÌNH

V/v Bầu thành viên Ban Kiểm phiếu Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2025

Kính gửi: Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2025 Công ty Cổ phần Đầu tư và Thương mại TNG

- Căn cứ Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 được Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 17/06/2020;
- Căn cứ Điều lệ hiện hành của Công ty cổ phần Đầu tư và Thương mại TNG;
- Căn cứ Nghị quyết số 46/NQ-HĐQT ngày 17/02/2025 của Hội đồng quản trị Công ty.

Chủ tọa cuộc họp Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2025 (“ĐHĐCĐ”) kính trình ĐHĐCĐ thông qua thành phần Ban kiểm phiếu của ĐHĐCĐ gồm các thành viên dưới đây:

1. Bà Lương Thị Thúy Hà – Phó Chủ tịch HĐQT - Trưởng ban;
 2. Bà Trần Thị Thu Hà – Kế toán trưởng – Thành viên
 3. Ông Lê Xuân Vĩ – Phó tổng giám đốc – Thành viên
 4. Bà Nguyễn Thúy Ngân - Phó Ban KTNB – Thành viên
 5. Bà Hà Thị Tuyết – Thành viên HĐQT/Thành viên UBKT – Thành viên
 6. Ông Nguyễn Xuân Tùng - Phó phòng TCHC - Thành viên
 7. Ông Nguyễn Xuân Bảo - Phó phòng KD-KHSX - Thành viên
 8. Bà Nguyễn Thị Thu Giang - Kế toán trưởng CN May Sông Công 3 - Thành viên
 9. Bà Chu Thị Vân Ngọc - Cổ đông không nắm giữ chức vụ trong Công ty
- Kính trình Đại hội đồng cổ đông xem xét thông qua.

Nơi nhận:

- Như trên;
- HĐQT;
- Lưu HC;

**TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH**



NGUYỄN VĂN THỜI

BÁO CÁO CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Kính gửi: *ĐHĐCĐ thường niên năm 2025 Công ty Cổ phần Đầu tư và Thương mại TNG*

CĂN CỨ PHÁP LÝ

- Căn cứ Nghị định số 155/2020/NĐ CP ngày 31/12/2020;
- Luật doanh nghiệp năm 2020.
- Căn cứ Điều lệ Công ty Cổ phần Đầu tư và Thương mại TNG;
- Căn cứ quy chế quản lý nội bộ của công ty CP Đầu tư và Thương mại TNG
- Căn cứ tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty.

I. ĐÁNH GIÁ VỀ VIỆC THỰC HIỆN NGHỊ QUYẾT CỦA ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG NĂM 2024

- Năm 2024, TNG đạt tổng doanh thu 7.656 tỷ đồng, tương ứng 97% so kế hoạch ĐHĐCĐ năm 2024 giao và tăng trưởng 7,86% so với năm 2023.

- Lợi nhuận sau thuế năm 2024 đạt 314,82 tỷ đồng, đạt 101,6% kế hoạch ĐHĐCĐ năm 2024 giao, tăng 92 tỷ tương đương 41,58% so với năm 2023.

- Đã thực hiện chia cổ tức 2023 16% Vốn điều lệ, trong đó 8% bằng tiền mặt và 8% bằng cổ phiếu.

- Thù lao cho Hội đồng quản trị năm 2024 là 2,4% Lợi nhuận sau thuế năm 2024

- Lựa chọn Công ty TNHH Kiểm toán DELOITTE VIET NAM là đơn vị kiểm toán báo cáo tài chính năm 2024 của Công ty.

- Đã phát hành cổ phiếu trả cổ tức năm 2023 với số cổ phiếu phát hành là: 9.078.204 cổ phiếu được chấp thuận tại công văn số 4690/UBCK-QLCB ngày 26/07/2024 của UBCKNN.

- Đã bầu bổ sung thành viên hội đồng quản trị nhiệm kỳ 2024-2029.

- Đã thực hiện Sửa đổi, bổ sung điều lệ Công ty: Điều lệ Công ty sửa đổi lần thứ 36.

Thay đổi ngành nghề kinh doanh: Đã thực hiện.

- Đã phát hành thành công trái phiếu ra công chúng. Chưa niêm yết được trái phiếu đã phát hành năm 2024.

II. BÁO CÁO THEO NGHỊ ĐỊNH 155, ĐIỀU LỆ CÔNG TY/ LUẬT DOANH NGHIỆP 2023

1. Thù lao, chi phí hoạt động và các lợi ích khác của Hội đồng quản trị quản trị theo quy định tại Điều 280 nghị định 155, Luật doanh nghiệp và Điều lệ công ty trong năm 2024;

1 |-----
Văn bản này được công bố đồng thời bằng tiếng Việt và tiếng Anh. Trong trường hợp có sự khác biệt hoặc có cách hiểu khác giữa văn bản tiếng Việt và tiếng Anh thì văn bản bằng tiếng Việt sẽ được ưu tiên.

Tổng thù lao cho HĐQT là 7.555.780.996 VNĐ cho năm 2024 chiếm 2.4 % LNST.

Hội đồng quản trị có các thành viên kiêm nhiệm các vị trí trong Ban Tổng giám đốc, do đó ngoài thù lao, các thành viên này nhận được tiền lương theo từng vị trí.

Thu nhập bao gồm tiền lương và thù lao của Tổng Giám đốc và các thành viên Hội đồng Quản trị trong năm như sau:

STT	Họ và tên	Chức vụ	Tiền lương và thù lao - VNĐ
1	Ông Nguyễn Văn Thời	Chủ tịch Hội đồng Quản trị	3.035.179.800
2	Ông Nguyễn Đức Mạnh	Tổng Giám đốc kiêm thành viên Hội đồng Quản trị	3.632.486.200
3	Bà Đoàn Thị Thu	Phó Tổng Giám đốc kiêm thành viên Hội đồng Quản trị	2.004.573.700
4	Bà Lương Thị Thúy Hà	Phó Chủ tịch Hội đồng Quản trị kiêm Phó Tổng Giám đốc	1.849.389.600
5	Ông Nguyễn Mạnh Linh	Thành viên Hội đồng Quản trị (bổ nhiệm ngày 21 tháng 4 năm 2024)	180.000.000
6	Ông Nguyễn Hoàng Giang	Thành viên độc lập Hội đồng Quản trị	180.000.000
7	Bà Hà Thị Tuyết	Thành viên độc lập Hội đồng Quản trị (bổ nhiệm ngày 21 tháng 4 năm 2024)	120.000.000
TỔNG THU NHẬP			11.001.629.300

Thu nhập của các thành viên Hội đồng quản trị và Tổng giám đốc đều được trình bày tại Báo cáo tài chính năm 2024 đã kiểm toán.

2. Tổng kết các cuộc họp của Hội đồng quản trị và các quyết định của Hội đồng quản trị;

2.1 Thông tin về thành viên Hội đồng quản trị (HĐQT):

Trước Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2024

TT	Thành viên HĐQT	Chức vụ	Số cổ phần sở hữu	Tỷ lệ
1	Ông Nguyễn Văn Thời	Chủ tịch HĐQT	21.031.410	18,53%
2	Ông Nguyễn Đức Mạnh	Thành viên HĐQT	9.097.465	8,01%
3	Bà Lương Thị Thúy Hà	Phó Chủ tịch HĐQT	748.881	0,66%
4	Ông Nguyễn Mạnh Linh	Thành viên HĐQT	1.517.812	1,34%
5	Ông Nguyễn Hoàng Giang	Thành viên HĐQT độc lập	0	0,00%

Sau Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2024

TT	Thành viên HĐQT	Chức vụ	Số cổ phần sở hữu	Tỷ lệ
1	Ông Nguyễn Văn Thời	Chủ tịch HĐQT	21.031.410	18,53%
2	Bà Lương Thị Thúy Hà	Phó Chủ tịch HĐQT	748.881	0,66%
3	Ông Nguyễn Đức Mạnh	Thành viên HĐQT	9.097.465	8,01%
4	Ông Nguyễn Mạnh Linh	Thành viên HĐQT	1.517.812	1,34%
5	Ông Nguyễn Hoàng Giang	Thành viên HĐQT độc lập	-	0,00%

2 |-----
Văn bản này được công bố đồng thời bằng tiếng Việt và tiếng Anh. Trong trường hợp có sự khác biệt hoặc có cách hiểu khác giữa văn bản tiếng Việt và tiếng Anh thì văn bản bằng tiếng Việt sẽ được ưu tiên.

6	Bà Đoàn Thị Thu	Thành viên HĐQT	151.255	0,13%
7	Bà Hà Thị Tuyết	Thành viên HĐQT độc lập	-	0,00%

2.2 Các cuộc họp HĐQT:

TT	Thành viên HĐQT	Số buổi họp HĐQT tham dự	Tỷ lệ tham dự họp	Lý do không tham dự họp
1	Ông Nguyễn Văn Thời	29/29	100%	
2	Bà Lương Thị Thúy Hà	29/29	100%	
3	Ông Nguyễn Đức Mạnh	29/29	100%	
4	Ông Nguyễn Mạnh Linh	29/29	100%	
5	Ông Nguyễn Hoàng Giang	29/29	100%	
6	Bà Đoàn Thị Thu	23/23	100%	
7	Bà Hà Thị Tuyết	23/23	100%	

3. Các Nghị quyết/Quyết định của Hội đồng quản trị (năm 2024):

TT	Số nghị quyết/Quyết định	Ngày	Nội dung	Tỷ lệ thông qua
1	11/NQ-HĐQT	08/01/2024	Nghị quyết của HĐQT về việc chi trả cổ tức đợt 2 năm 2023 bằng tiền	5/5
2	14/NQ-HĐQT	08/01/2024	Nghị quyết của HĐQT về việc giải thể Công ty TNHH Golf Yên Bình TNG	5/5
3	60/NQ-HĐQT	01/02/2024	Nghị quyết của HĐQT về việc thông qua việc ký hợp đồng, giao dịch với bên có liên quan	5/5
4	68/NQ-HĐQT	20/02/2024	Nghị quyết của HĐQT về việc tổ chức Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2024	5/5
5	88/NQ-HĐQT	11/03/2024	Nghị quyết của HĐQT về việc thay đổi người được ủy quyền công bố thông tin	5/5
6	04.03/NQ-HĐQT	08/04/2024	Nghị quyết về việc giới thiệu ứng cử viên và thông qua danh sách ứng cử viên bầu bổ sung HĐQT nhiệm kỳ (2024-2029)	5/5
7	1004.01/NQ-HĐQT	10/04/2024	Nghị quyết về việc sửa đổi bổ sung nghị quyết số 2612/NQ-HĐQT ngày 26/12/2023 thông qua toàn văn phương án phát hành trái phiếu ra công chúng	5/5
8	1004.02/NQ-HĐQT	10/04/2024	Nghị quyết về việc thông qua hồ sơ đăng ký chào bán trái phiếu ra công chúng	5/5
9	190/NQ-ĐHĐCĐ	23/04/2024	Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2024	5/5

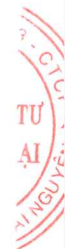
TT	Số nghị quyết Quyết định	Ngày	Nội dung	Tỷ lệ thông qua
10	195/NQ- HĐQT	23/04/2024	Nghị quyết về việc thành lập các tiểu ban trực thuộc Hội đồng quản trị	7/7
11	199/NQ- HĐQT	24/04/2024	Nghị quyết về việc triển khai phương án phát hành trái phiếu ra công chúng	7/7
12	1106.01/NQ- HĐQT	11/06/2024	Nghị quyết về việc thông qua toàn văn phương án phát hành trái phiếu ra công chúng	7/7
13	1106.03/NQ- HĐQT	11/06/2024	Nghị quyết về việc thông qua hồ sơ đăng ký chào bán trái phiếu ra công chúng	7/7
14	326/NQ- HĐQT	12/06/2024	Nghị quyết về việc miễn nhiệm chức danh Phó tổng giám đốc	7/7
15	354/NQ- HĐQT	19/06/2024	Nghị quyết về việc bán/chuyển nhượng cổ phần để giảm tỷ lệ sở hữu tại Công ty cổ phần đầu tư và xây dựng Bắc Thái	7/7
16	356/NQ- HĐQT	19/06/2024	Nghị quyết về việc lựa chọn đơn vị kiểm toán soát xét BCTC kỳ bán niên và cả năm 2024	7/7
17	455/NQ- HĐQT	29/07/2024	Nghị quyết về việc tăng vốn điều lệ và sửa đổi Điều lệ Công ty lần thứ 37	7/7
18	458/NQ- HĐQT	30/07/2024	Nghị quyết về việc thông qua ký hợp đồng cấp hạn mức tín dụng tại BIDV – CN Thái Nguyên	7/7
19	459/NQ- HĐQT	30/07/2024	Nghị quyết về việc thông qua việc vay vốn và mở thư tín dụng tại Vietinbank – CN Thái Nguyên	7/7
20	470/NQ- HĐQT	31/07/2024	Nghị quyết về việc thông qua ký kết hợp đồng, giao dịch với bên có liên quan – CTCP TNG Land	7/7
21	482/NQ- HĐQT	05/08/2024	Nghị quyết về việc tạm ứng cổ tức đợt 1 năm 2024 bằng tiền	7/7
22	1908.01/NQ- HĐQT	19/08/2024	Nghị quyết về việc sửa đổi bổ sung NQ HĐQT số 1106.01/NQ-HĐQT ngày 11/06/2024	7/7
23	1908.02/NQ- HĐQT	19/08/2024	Nghị quyết về việc phê duyệt hồ sơ đăng ký chào bán trái phiếu ra công chúng	7/7
24	546/NQ- HĐQT	26/08/2024	Nghị quyết về việc thành lập chi nhánh LAB (Trung tâm thử nghiệm TNG)	7/7

TT	Số nghị quyết Quyết định	Ngày	Nội dung	Tỷ lệ thông qua
25	552/NQ- HĐQT	27/08/2024	Nghị quyết về việc thông qua ký kết hợp đồng, giao dịch với bên có liên quan	7/7
26	607/NQ- HĐQT	26/09/2024	Nghị quyết về việc thông qua ký hợp đồng tín dụng, hợp đồng thế chấp bất động sản, thế chấp động sản và quyền tài sản tại BIDV – CN Thái Nguyên	7/7
27	632/NQ- HĐQT	30/09/2024	Nghị quyết về việc chấm dứt hợp đồng nguyên tắc chuyển nhượng toàn bộ dự án NOTM TNG Village	7/7
28	654/NQ- HĐQT	11/10/2024	Nghị quyết về việc ký hợp đồng cấp tín dụng/ cho vay hạn mức tại Vietinbank – CN Thái Nguyên	7/7
29	668/NQ- HĐQT	22/10/2024	Nghị quyết của HĐQT về việc tạm ứng cổ tức đợt 2 năm 2024 bằng tiền	7/7
30	701/NQ- HĐQT	04/11/2024	Nghị quyết của HĐQT về việc thông qua việc vay vốn tại Ngân hàng Liên doanh Việt - Nga (VRB)	7/7
31	720A/NQ- HĐQT	15/11/2024	Nghị quyết của HĐQT về việc xây dựng kế hoạch, chiến lược phát triển Công ty đến năm 2030	7/7
32	720B/NQ- HĐQT	15/11/2024	Nghị quyết của HĐQT về việc thông qua việc vay vốn để thực hiện dự án và thế chấp tài sản tại Ngân hàng cổ phần Công thương Việt Nam - Chi nhánh	7/7
33	730/NQ- HĐQT	26/11/2024	Nghị quyết của HĐQT về kết quả chào bán trái phiếu TNGH2428001 ra công chúng	7/7
34	740A/NQ- HĐQT	02/12/2024	Nghị quyết của HĐQT về việc chấp thuận giao dịch giữa Công ty và người có liên quan	7/7
35	740B/NQ- HĐQT	02/12/2024	Nghị quyết của HĐQT về việc chốt danh sách Người Sở Hữu Trái Phiếu để thực hiện đăng ký chứng khoán tại VSDC và đăng ký niêm yết tại HNX	7/7
36	783/NQ- HĐQT	17/12/2024	Nghị quyết của HĐQT về việc góp vốn vào công ty liên kết trong phạm vi cam kết góp vốn khi thành lập doanh nghiệp để thực hiện giải thể Công ty TNHH	7/7
37	825A/NQ- HĐQT	30/12/2024	Nghị quyết HĐQT về việc tạm ứng cổ tức đợt 3 năm 2024 bằng tiền	7/7
38	825B/NQ- HĐQT	30/12/2024	Nghị quyết HĐQT về việc thay đổi địa chỉ chi nhánh may Việt Đức	7/7

4. Báo cáo về các giao dịch giữa công ty, công ty con, công ty do công ty đại chúng nắm quyền kiểm soát trên 50% trở lên vốn Điều lệ với thành viên Hội đồng quản trị và những người có liên quan của thành viên đó; giao dịch giữa công ty với công ty trong đó thành viên Hội đồng

5 |-----

Văn bản này được công bố đồng thời bằng tiếng Việt và tiếng Anh. Trong trường hợp có sự khác biệt hoặc có cách hiểu khác giữa văn bản tiếng Việt và tiếng Anh thì văn bản bằng tiếng Việt sẽ được ưu tiên.



quản trị là thành viên sáng lập hoặc là người quản lý doanh nghiệp trong thời gian 03 năm gần nhất trước thời điểm giao dịch.

Các giao dịch này đã được Công ty công bố trong Báo cáo tình hình quản trị công ty năm 2024 lập ngày 24/01/2025 và báo cáo tài chính năm 2024 đã kiểm toán. Nội dung các giao dịch chủ yếu là cung cấp dịch vụ, bán hàng, giảm vốn. Các giao dịch đã được công bố và chấp thuận đúng theo quy định của pháp luật và điều lệ Công ty. Chi tiết tham khảo tại Báo cáo tình hình quản trị Công ty năm 2024 và Báo cáo tài chính năm 2024 đã kiểm toán.

5. Đánh giá vai trò của thành viên Hội đồng quản trị độc lập, không điều hành trong năm 2024

TT	Họ tên	Lĩnh vực phụ trách
1	Nguyễn Mạnh Linh Thành viên HĐQT không điều hành	Thực hiện các nhiệm vụ của thành viên HĐQT được quy định trong Điều lệ và Quy chế nội bộ về Quản trị Công ty; Chủ trì giúp HĐQT theo dõi, giám sát, tổng hợp việc thực hiện các lĩnh vực: Bất động sản; đầu tư Các quyền và nhiệm vụ khác theo quy định của pháp luật, Điều lệ của Công ty và quyết định của HĐQT.
2	Nguyễn Hoàng Giang Thành viên HĐQT độc lập	Thực hiện các nhiệm vụ của thành viên HĐQT được quy định trong Điều lệ và Quy chế nội bộ về quản trị Công ty; Chủ trì giúp HĐQT theo dõi, giám sát, tổng hợp việc thực hiện các lĩnh vực: Kiểm soát rủi ro; kiểm toán nội bộ; Các quyền và nhiệm vụ khác theo quy định của pháp luật, Điều lệ của Công ty và quyết định của HĐQT.
3	Hà Thị Tuyết Thành viên HĐQT độc lập	Thực hiện các nhiệm vụ của thành viên HĐQT được quy định trong Điều lệ và Quy chế nội bộ về quản trị Công ty; Chủ trì giúp HĐQT theo dõi, giám sát, tổng hợp việc thực hiện các lĩnh vực: Pháp lý, thủ tục kiểm soát, Pháp chế. Các quyền và nhiệm vụ khác theo quy định của pháp luật, Điều lệ của Công ty và quyết định của HĐQT.

6. Kết quả giám sát đối với Giám đốc (Tổng giám đốc);

Đánh giá việc thực hiện các Nghị quyết HĐQT năm 2024 và kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2024:

HĐQT chỉ đạo Ban Tổng Giám đốc thực hiện các Nghị quyết của ĐHĐCĐ và HĐQT, cụ thể như: rà soát và thực hiện kế hoạch kinh doanh năm 2024; chuẩn bị kế hoạch kinh doanh năm 2025 trình ĐHĐCĐ thường niên năm 2025; tiếp tục cập nhật và nâng cấp hệ thống quản trị công ty nhằm nâng cao năng suất lao động, kiểm soát chất lượng sản phẩm và tăng lợi nhuận; rà soát lại các điều kiện sản xuất như nhà xưởng, kho bãi, hệ thống phòng cháy chữa cháy, hệ thống xử lý nước thải..đảm bảo được cải tạo và sửa chữa đáp ứng quy định hiện hành; thực hiện trả cổ tức bằng tiền mặt năm 2024 cho cổ đông; chỉ đạo triển khai thực hiện phương án chào bán trái phiếu ra công chúng năm 2024, tăng cường sự gắn kết lợi ích giữa người lao động và Công ty; sử dụng nguồn vốn huy động từ đợt phát hành trái phiếu ra công chúng trong năm đúng với quy định; đề xuất kế

hoạch huy động vốn để tăng nguồn vốn phục vụ cho các hoạt động kinh doanh của Công ty và các nhiệm vụ khác để phát triển kinh doanh gắn liền với an toàn hoạt động.

Công ty đã triển khai thành công Phương án phát hành trái phiếu ra công chúng theo Giấy chứng nhận đăng ký chào bán trái phiếu ra công chúng số 162/GCN-UBCK do UBCKNN cấp ngày 29/10/2024. Số tiền huy động từ trái phiếu là 400.000.000.000 VNĐ.

Ngày 17/02/2025, Hội đồng quản trị đã ra nghị quyết số 53/NQ-HĐQT về việc thay đổi phương án sử dụng vốn thu được từ đợt phát hành trái phiếu ra công chúng mã TNG124027, theo đó Công ty đã thay đổi phương án sử dụng vốn chi tiết như sau:



TT	Tên nhà cung cấp	Số tiền trước điều chỉnh	Số tiền sau điều chỉnh
2.1	CÔNG TY TRÁCH NHIỆM HỮU HẠN YKK VIỆT NAM – CHI NHÁNH HÀ NAM	51.000.000.000	61.453.803.065
2.2	Công ty CP SX&TM Việt Hàn TLP	30.000.000.000	30.000.000.000
2.3	Công ty TNHH Sản xuất và Thương mại Trung Dũng	10.000.000.000	12.000.000.000
2.4	Chi nhánh công ty TNHH Coats Phong Phú	5.000.000.000	5.000.000.000
2.5	Cty TNHH Avery Dennison Ris Việt Nam	5.000.000.000	5.000.000.000
2.6	CÔNG TY TNHH BUILD - UP VIỆT NAM CHI NHÁNH 2	5.000.000.000	4.409.461.813
2.7	CÔNG TY CỔ PHẦN VP BÌNH MINH	5.000.000.000	5.000.000.000
2.8	Cty TNHH Mainetti (Việt Nam)	5.000.000.000	5.000.000.000
2.9	Công ty TNHH nhãn mác và bao bì Maxim Việt Nam	5.000.000.000	3.247.566.485
2.10	Công ty cổ phần dệt Trần Hiệp Thành	5.000.000.000	5.000.000.000
2.11	CHI NHÁNH CÔNG TY TNHH AVERY DENNISON RIS VIỆT NAM TẠI TỈNH BẮC NINH	5.000.000.000	5.000.000.000
2.12	CN CTCP dịch vụ hàng hải hàng không con Cá Heo	5.000.000.000	3.957.827.874
2.13	CÔNG TY CỔ PHẦN DỆT TQT	4.000.000.000	4.000.000.000
2.14	Công Ty TNHH SX và TM Tổng hợp Hưng Thành	4.000.000.000	2.578.950.036
2.15	Công ty TNHH Bao Bì Nexgen Việt Nam	4.000.000.000	522.304.704
2.16	Công ty Cổ phần Dệt Toàn cầu	4.000.000.000	3.992.720.725
2.17	CÔNG TY TNHH SẢN XUẤT PHỤ LIỆU MAY HÙNG PHÁT HN	3.000.000.000	3.000.000.000
2.18	Công ty TNHH Việt Nam Pailho	3.000.000.000	3.000.000.000
2.19	Công Ty TNHH Thái Bình Nguyên VN	2.000.000.000	2.000.000.000
2.20	CÔNG TY TNHH IN THÊU TÂN HÙNG NGỌC	2.000.000.000	2.000.000.000
2.21	Công ty TNHH Việt Phú	2.000.000.000	-
2.22	Công Ty Cổ Phần MIZA	2.000.000.000	2.000.000.000
2.23	Công ty TNHH tiếp vận Thái Dương	2.000.000.000	670.933.260
2.24	CTCP đầu tư và phát triển hàng hải Bình Minh	2.000.000.000	2.000.000.000
2.25	Bưu điện tỉnh Thái Nguyên	2.000.000.000	1.483.423.985
2.28	CÔNG TY TNHH NATCO VIỆT NAM	2.000.000.000	1.683.008.053
2.29	CÔNG TY TNHH ĐẦU TƯ VÀ PHÁT TRIỂN ĐỒNG TIẾN THỊNH	1.000.000.000	1.000.000.000
2.30	CÔNG TY TNHH R-PAC VIETNAM	1.000.000.000	1.000.000.000
Tổng cộng Thanh toán tiền nguyên phụ liệu, dịch vụ		176.000.000.000	176.000.000.000

Ngày 19/03/2025, Hội đồng quản trị đã ra nghị quyết số 111/NQ-HĐQT về việc sử dụng lãi tiền gửi thu được từ phát hành trái phiếu TNG124027 ra công chúng. Theo đó ngày 20/03/2025, Công ty đã hoàn tất việc sử dụng tiền thu được từ phát hành trái phiếu ra công chúng theo đúng quy định.

7. Hoạt động của các tiểu ban thuộc Hội đồng quản trị:

A, Tiểu Ban Nhân sự - Lương thưởng

- Góp ý kiến đối với các đề xuất về việc bổ nhiệm thành viên Hội đồng quản trị hoặc thành viên Ban giám đốc
- Đề ra các tiêu chí về phẩm chất và năng lực của thành viên Hội đồng quản trị hoặc thành viên Ban giám đốc
- Soạn thảo hoặc đánh giá nội dung soạn thảo về các quy trình bổ nhiệm thành viên Hội đồng quản trị hoặc thành viên Ban giám đốc
- Chỉ đạo việc chuẩn bị và viết tài liệu về nội quy lao động của công ty
- Thực thi những nhiệm vụ khác liên quan tới chính sách nhân sự của công ty, được Hội đồng quản trị giao phó.

B, Tiểu Ban chính sách phát triển

- Xác định các chiến lược phát triển, mục tiêu và kế hoạch, cũng như những chỉ tiêu thành tích cơ bản của công ty
- Xác định các ưu tiên hoạt động
- Xây dựng chính sách tổ chức
- Đánh giá năng suất dài hạn trong các hoạt động của công ty

C, Tiểu Ban phát triển bền vững

- Xây dựng kế hoạch phát triển dài hạn của công ty theo định hướng phát triển bền vững
- Kiểm tra, giám sát tất cả hoạt động công ty về hoạt động sản xuất kinh doanh, tài chính, nhân sự, môi trường.. nhằm đảm bảo cho công ty có được hoạt động sản xuất kinh doanh, tài chính bền vững, nhân sự bền vững và môi trường làm việc cải thiện
- Giám sát và đánh giá hoạt động lập Báo cáo Doanh nghiệp bền vững hàng năm theo tiêu chuẩn GRI

- Giám sát và đánh giá việc thực hiện đánh giá Doanh nghiệp theo Bộ chỉ số Doanh nghiệp bền vững CSI của VCCI;

D. Tiểu ban quan hệ cổ đông:

- Cung cấp thông tin về tình hình hoạt động của công ty trên các phương tiện thông tin, trong đó kênh thông tin chủ yếu là website chính thức của TNG: www.tng.vn . Đây là cổng thông tin trực tuyến cung cấp thông tin nhanh và đầy đủ nhất về tình hình hoạt động của TNG, bao gồm một số nội dung cơ bản như: Báo cáo tài chính hàng tháng/quý/năm; Các nghị quyết HĐQT,

3057
NG T
N ĐÀI
ONG
NG
- T. T.

ĐHĐCĐ; Dự kiến đầu tư và nhu cầu vốn hàng năm.

- Tiếp nhận và phản hồi những thắc mắc, yêu cầu thông tin của các nhà đầu tư quan tâm đến TNG, đồng thời là kết nối các nhà đầu tư và HĐQT, Ban Tổng giám đốc công ty;

- Tham mưu tổ chức Đại Hội đồng cổ đông theo quy định của pháp luật và điều lệ;

- Chịu trách nhiệm về những vấn đề pháp lý liên quan đến thủ tục phát hành chứng khoán tăng vốn điều lệ, trả cổ phiếu thưởng, trả cổ tức bằng cổ phiếu; tham mưu cho lãnh đạo Công ty lựa chọn các đơn vị tư vấn phù hợp;

E. Ủy ban kiểm toán

Tham khảo báo cáo của Ủy ban kiểm toán

HĐQT trực tiếp chỉ đạo Ban Tổng giám đốc thực hiện một số nội dung chính như sau:

- Ban hành các quy trình hoạt động sản xuất kinh doanh chưa được văn bản hóa

- Yêu cầu Ban Giám đốc phân tích Báo cáo kết quả kinh doanh thành tích và các điểm còn hạn chế, từ đó đưa ra kiến nghị khắc phục, thực hiện đảm bảo hoàn thành kế hoạch doanh thu lợi nhuận năm 2023 do Đại hội đồng cổ đông giao phó.

- Thực hiện lập, đánh giá, phân tích tình hình tài chính, hiệu quả hoạt động sản xuất kinh doanh hàng tháng và công bố Báo cáo Kết quả sản xuất kinh doanh hàng tháng theo quy định;

- Tập trung rà soát các quy trình nghiệp vụ đang thực hiện trong toàn công ty, từ đó cập nhật, sửa đổi và viết mới các quy trình nghiệp vụ nhằm thống nhất và phối hợp hoạt động giữa các bộ phận.

8. Các kế hoạch trong tương lai.

Chiến lược, kế hoạch

- Tiếp tục làm công tác đầu tư và đưa vào kinh doanh cụm công nghiệp Sơn cảm 70 ha.

- Tiếp tục nâng cao Quản trị Doanh nghiệp theo công nghệ ERP, số hóa trên phần mềm để kiểm soát.

- Đầu tư hệ thống điện năng lượng mặt trời trên các nhà máy tại TNG

- Tiếp tục đầu tư cải tạo tất cả các nhà máy của TNG theo tiêu chuẩn nhà máy XANH và Phát triển doanh nghiệp bền vững.

- Thực hiện kiểm kê khí nhà kính

- Tiếp tục đầu tư ứng dụng công nghệ mới vào trong sản xuất kinh doanh để nâng cao hiệu quả suất đầu tư.

9. Kế hoạch sản xuất kinh doanh 2025

a. Kế hoạch:

- Doanh thu: 8.100 tỷ

- Lợi nhuận sau thuế: 340 tỷ

b. Giải pháp chủ yếu thực hiện



Về Công tác quản trị Công ty

- Kien toàn hệ thống kiểm toán nội bộ theo tiêu chuẩn quy định của Nghị định 05/2019/NĐ-CP ngày 22 tháng 1 năm 2019 về hoạt động Kiểm toán nội bộ.

- Vận hành hệ thống kiểm soát và quản lý rủi ro, tiếp tục nâng cấp không ngừng hệ thống quản trị doanh nghiệp ERP.

Vận hành sản xuất

- Tăng cường đầu tư máy và hệ thống tự động giúp nâng cao năng suất lao động, hướng tới áp dụng công nghệ 4.0

Kinh doanh và phát triển thị trường

- Tiếp tục hoàn thiện, đánh giá lại các bộ chỉ số KPI phù hợp đối với công việc của từng đơn vị hoạt động sản xuất kinh doanh, coi đây là một chốt kiểm soát trong nhiều mắt xích hoạt động của hệ thống quản trị rủi ro.

- Nâng cấp, hoàn thiện hệ thống phần mềm quản trị doanh nghiệp ERP đáp ứng phù hợp với những thay đổi của môi trường kinh doanh, gắn liền với sự phát triển của cuộc cách mạng công nghiệp 4.0.

- Quản trị mọi hoạt động gắn liền với việc đánh giá lợi ích sẽ đạt được cũng như chi phí, rủi ro cũng như những biện pháp để kiểm soát rủi ro ở vùng có thể chấp nhận được.

**TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH**



NGUYỄN VĂN THỜI

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Kính gửi: **DHĐCĐ thường niên năm 2025 Công ty Cổ phần Đầu tư và Thương mại TNG**

1. Căn cứ pháp lý

- Căn cứ Nghị định số 155/2020/NĐ CP ngày 31/12/2020;
- Luật doanh nghiệp 2020.
- Căn cứ Điều lệ Công ty Cổ phần Đầu tư và Thương mại TNG;
- Căn cứ quy chế quản lý nội bộ của công ty CP Đầu tư và Thương mại TNG
- Căn cứ tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty.

2. Cơ cấu ban tổng giám đốc:

- Nguyễn Đức Mạnh Tổng Giám đốc
- Lương Thị Thúy Hà Phó Tổng Giám đốc
- Trần Minh Hiếu Phó Tổng Giám đốc
- Đoàn Thị Thu Phó Tổng Giám đốc
- Lưu Đức Huy Phó Tổng Giám đốc
- Phạm Thanh Tuấn Phó Tổng Giám đốc (Miễn nhiệm ngày 12/06/2024)
- Nguyễn Thị Phương Phó Tổng Giám đốc
- Lê Xuân Vĩ Phó Tổng Giám đốc
- Trần Thị Thu Hà Kế toán trưởng

3. Kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh năm 2024:

3.1 Một số chỉ tiêu về hoạt động sản xuất kinh doanh trong 3 năm gần nhất

CHỈ TIÊU	NĂM 2022	NĂM 2023	NĂM 2024
Tổng giá trị tài sản	5.291.843.839.200	5.230.414.452.595	5.816.875.229.408
Doanh thu thuần	6.772.345.206.702	7.095.204.710.246	7.655.752.759.635
Lợi nhuận thuần từ hoạt động KD	372.633.970.045	291.963.176.068	400.866.133.017
Lỗ khác	-13.838.058.561	-20.897.439.287	- 10.386.808.530
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	358.795.911.484	271.065.736.781	390.479.324.487
Lợi nhuận sau thuế	292.996.521.233	219.442.316.421	314.824.208.164
Tỷ lệ chi trả cổ tức	16%	16%	Dự kiến 20%

3.2 Kết quả thực hiện các chỉ tiêu sản xuất kinh doanh

STT	CHỈ TIÊU	ĐVT	2023	2024	SO SÁNH %
1	Tổng kim ngạch xuất khẩu	Triệu USD	349	353	1,15%
2	Tổng kim ngạch nhập khẩu	Triệu USD	144	164	14,12%
3	Tổng doanh thu	Tỷ đồng	7.095	7.656	7,90%
4	Lợi nhuận trước thuế	Tỷ đồng	271	390,48	44,09%
5	Lợi nhuận sau thuế	Tỷ đồng	219	314,82	43,75%
6	Lợi nhuận sau thuế/Doanh thu	%	3,09%	4,11%	33,08%
7	Nộp ngân sách nhà nước	Tỷ đồng	95,72	124,86	30,44%
8	Lao động bình quân làm việc	Người	18.174	19.052	4,83%
9	Số chuyên may	Chuyên	322	336	4,35%
10	Số chuyên in	Chuyên	124	126	1,61%
11	Số chuyên bông	Chuyên	3	3	0,00%

3.3 Tình hình tài chính

Đơn vị: tỷ đồng

CHỈ TIÊU	TẠI 31/12/2023	TỶ TRỌNG %	TẠI 31/12/2024	TỶ TRỌNG %	TĂNG/GIẢM (VNĐ)	TĂNG TRƯỞNG
I. TÀI SẢN NGẮN HẠN	2.073	40,27%	2.621	45,06%	548	26,43%
1. Tiền và các khoản tương đương tiền	283	5,50%	445	7,64%	161	56,92%
2. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	15	0,29%	260	4,47%	245	1633,33%
3. Các khoản phải thu ngắn hạn	745	14,48%	723	12,44%	-22	-2,94%
4. Hàng tồn kho	888	17,26%	1.068	18,36%	180	20,25%
5. Tài sản ngắn hạn khác	141	2,74%	125	2,15%	-16	-11,61%
II. TÀI SẢN DÀI HẠN	3.074	59,73%	3.196	54,94%	122	3,96%
1. Các khoản phải thu dài hạn	11	0,21%	11	0,18%	0	0,00%
2. Tài sản cố định	2.193	42,60%	2.117	36,40%	-76	-3,46%
3. Bất động sản đầu tư	325	6,31%	300	5,16%	-25	-7,63%
4. Tài sản dở dang dài hạn	271	5,26%	476	8,18%	205	75,48%
5. Đầu tư tài chính dài hạn	140	2,72%	140	2,41%	0	0,00%
6. Tài sản dài hạn khác	135	2,62%	152	2,62%	18	13,18%
Tổng cộng tài sản	5.147	100,00%	5.817	100,00%	669	13,01%
I. NỢ PHẢI TRẢ	3.421	66,46%	3.924	67,47%	503	14,71%
1. Nợ ngắn hạn	2.541	49,37%	2.751	47,29%	210	8,25%
2. Nợ dài hạn	880	17,09%	1.173	20,17%	294	33,37%
II. VỐN CHỦ SỞ HỮU	1.726	33,54%	1.892	32,53%	166	9,62%
1. Vốn góp của chủ sở hữu	1.135	22,05%	1.226	21,08%	91	8,00%
2. Thặng dư vốn cổ phần	41	0,80%	41	0,70%	0	0,00%
3. Vốn khác của chủ sở hữu	0	0,00%	0	0,00%	0	0,00%
4. Quỹ đầu tư phát triển	271	5,26%	291	5,00%	20	7,39%

5. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	102	1,99%	112	1,93%	10	9,78%
6. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	177	3,44%	222	3,82%	45	25,61%
Tổng cộng nguồn vốn	5.147	100,00%	5.817	113,01%	669	13,01%

4. Phân tích kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh năm 2024:

Năm 2024, xét chung ngành dệt may Việt Nam đã ghi nhận những tín hiệu tích cực trong bối cảnh thị trường toàn cầu dần hồi phục sau thời gian dài chịu tác động của suy thoái kinh tế và giảm sút nhu cầu tiêu dùng. Riêng đối với Công ty Cổ phần Đầu tư và Thương mại TNG đã có một năm vượt lên mạnh mẽ, khai phá những cơ hội mới và đặc biệt đã hoàn thành xuất sắc các nhiệm vụ được Đại hội đồng cổ đông đề ra về doanh thu và lợi nhuận.

Trong đó, những nguyên nhân chính, tác động trực tiếp đến hoạt động sản xuất kinh doanh cũng như giúp TNG gặt hái được kết quả khả quan năm 2024 là:

Trước xu thế phát triển của ngành may mặc ngày càng chú trọng đến các yếu tố về sản xuất xanh, tiêu dùng xanh, bên cạnh việc chú trọng xây dựng hệ thống quy trình, quy định rõ ràng, minh bạch, vận hành đồng bộ, TNG đã có sự dịch chuyển mạnh mẽ sang tiêu chí ESG (Môi trường - Xã hội - Quản trị) nhằm đảm bảo mọi hoạt động sản xuất hướng đến đáp ứng tối nhất bộ tiêu chí đo lường phát triển bền vững này.

Trong suốt quá trình hoạt động, với thế mạnh duy trì một đội ngũ người lao động ổn định, TNG luôn đáp ứng được mọi tiến độ đơn hàng của khách hàng. Công ty cũng luôn duy trì tốt các chế độ chính sách về lương, thưởng, cải tiến môi trường làm việc tốt nhất cho người lao động, đặc biệt khác với các doanh nghiệp may mặc truyền thống, TNG cam kết với người lao động về chính sách kết thúc công việc lúc 17h30 hằng ngày, không áp dụng chính sách tăng ca nhưng vẫn đảm bảo được mức thu nhập ổn định cho người lao động, nhờ đó TNG có được sự tin tưởng cũng như sự gắn kết lâu dài bền vững của người lao động đối với Công ty.

Tăng cường đầu tư công nghệ, máy móc thiết bị hiện đại ngành may, nhờ đó nâng cao năng suất lao động, chất lượng sản phẩm. TNG luôn nỗ lực hướng đến mang lại nhiều giá trị tốt hơn cho khách hàng, vượt cả những gì khách hàng mong đợi thông qua các hoạt động thực tế như: tham gia phát triển sản phẩm, phát triển vật tư, cải tiến sản phẩm; quản lý chặt chẽ chất lượng, đơn đặt hàng, ngày giao hàng... nhờ đó kể cả khi kinh tế khó khăn, biến động, đơn hàng giảm nhưng khách hàng vẫn ưu tiên đơn hàng cho TNG, gắn bó với TNG.

TNG tiếp tục duy trì được các hợp đồng, đơn hàng từ các khách hàng lớn nước ngoài nhờ vào uy tín thương hiệu và chất lượng sản phẩm cũng như cũng chú trọng khai thác thêm dòng hàng mới của những khách hàng hiện tại. Đặc biệt năm 2024, TNG tiếp tục tăng cường xuất khẩu sang thị trường chính tại Mỹ và ghi nhận tỷ lệ xuất khẩu chiếm đến 47,13%, tăng 1,05% so với năm 2023, kể đến là thị trường Pháp với tỷ lệ xuất khẩu chiếm 14,60%. Đồng thời, TNG cũng tìm kiếm cơ hội và tăng cường phát triển khách hàng mới ở các nước Russia, Korea, các nước châu Á, khách hàng Studioray, Purple door (thị trường Mỹ).

5. Đánh giá các hoạt động đã triển khai năm 2024

5.1 Công tác vận hành sản xuất

Năm 2024, toàn bộ các Nhà máy, Chi nhánh may của TNG đều vận hành ổn định liên tục, đảm bảo công ăn việc làm cho 19.052 người lao động. Doanh số sản xuất năm 2024 tăng 17% so với năm

2023. Dự án truy vết sản phẩm đã được nâng cấp và áp dụng rộng rãi trên hầu hết các nhà máy tại TNG giúp quản lý chặt chẽ toàn bộ quy trình sản xuất khép kín của sản phẩm từ nguyên liệu đầu vào cho ra đến thành phẩm hoàn thiện.

5.2 Công tác nghiên cứu phát triển

Năm 2024, Chi nhánh TRE đã ký kết hợp đồng với thêm 5 khách hàng mới (bao gồm cả khách hàng ngoài lĩnh vực dệt may), nâng tổng số khách hàng mà TRE cung cấp giải pháp phần mềm lên 15 đối tác, khách hàng với những sản phẩm nổi trội: Quản lý kho thông minh, Phần mềm quản lý tài sản, Giao việc tự động Ai, Văn phòng số...

Tháng 08 năm 2024, đánh dấu khởi đầu mới khi hệ thống AGV - Robot vận hành do TNG tự chế tạo đã đi vào hoạt động tại các nhà máy. Đáng chú ý, hệ thống AGV - Robot đã được cải tiến vượt trội khi bổ sung chức năng tự vận hành lên xuống thang máy, cho phép điều phối đồng bộ nhiều AGV hoạt động cùng lúc một cách hiệu quả. Song song đó, TNG cũng nghiên cứu và chế tạo thêm các AGV - robot dạng kéo.

Năm 2024, đánh dấu sự tiên phong trên hành trình tìm kiếm những chất liệu ưu việt, thân thiện với môi trường, sự ra đời của bông nhồi sợi Microfiber 0.6D được xem như một giải pháp đột phá, thay thế hoàn hảo cho lông vũ truyền thống. Với cấu trúc sợi siêu nhỏ, Microfiber 0.6D mang đến khả năng lấp đầy tuyệt vời, tạo hiệu ứng phòng tự nhiên, êm ái mà không gây nặng nề, bí bách. Đồng thời, đây là giải pháp bảo vệ môi trường hiệu quả, giảm thiểu sử dụng lông vũ, góp phần bảo tồn động vật.

5.3 Công tác quản lý phát triển nguồn nhân lực

Năm 2024, nhằm nâng cao hiệu quả công tác tuyển dụng, Công ty đã ban hành các chính sách phát động thi đua tuyển dụng cho các đơn vị như: chính sách thưởng 1.000.000 đồng cho 01 lao động công nghệ tăng trong tháng, sau khi NLD được ký hợp đồng.

Năm 2024, số lượng tuyển dụng đạt 5.862 người, cao hơn so với năm 2023, góp phần nâng cao số lượng nhân lực cho Công ty, đảm bảo ổn định sản xuất.

TNG đang sử dụng hệ thống Đánh giá năng lực, áp dụng cho CBNV nghiệp vụ toàn Công ty trở lên để đánh giá về năng lực đáp ứng công việc. Năm 2024, 100% các Khối, phòng ban Công ty và ngành dọc Chi nhánh triển khai đánh giá năng lực đến cấp Nhân viên nghiệp vụ cho trên 1.000 người.

Phòng Tổ chức Hành chính đã tham mưu ban hành Quy chế đào tạo, đặc biệt có sự cập nhật qua từng năm để phù hợp với định hướng phát triển của Công ty. Nổi bật trong năm 2024, Phòng Tổ chức Hành chính đã triển khai thành công các chương trình đào tạo nội bộ, giúp tạo động lực, đào tạo kỹ năng, định hướng cho người lao động.

5.4 Hoạt động kinh doanh - tiếp thị truyền thông

Minh bạch được xem là một trong những tiêu chí hàng đầu của TNG để gắn kết và tạo niềm tin cổ đông, khách hàng. TNG luôn đảm bảo công bố đầy đủ, chính xác, trung thực thông tin theo quy định trên các nền tảng, website khác nhau. Ngày 29/04/2024, TNG được bình chọn “Doanh nghiệp niêm yết vốn hóa vừa có hoạt động IR được Nhà đầu tư yêu thích nhất”, theo kết quả công bố tại IR Awards 2024 do Vietstock, Hiệp hội Các nhà Quản trị Tài chính Việt Nam (VAFE) và Tạp chí Fiti đồng tổ chức.

Năm 2024, TNG đã những tiếp cận và phát triển thành công thêm khách hàng mới như: G-III, Centric. Phát triển thêm dòng hàng Softshell cho khách hàng Studio. Ký kết được đơn hàng FOB trái vụ với khách hàng Victory time.

Đặc biệt năm 2024, TNG đã đáp ứng được tiêu chí thực hiện CBTT 100% song ngữ Việt - Anh, đáp ứng tốt hơn công tác CBTT theo chuẩn mực quốc tế.

5.5 Hoạt động đầu tư xây dựng cơ bản

Trong năm 2024, TNG đã thực hiện di dời Chi nhánh may Việt Đức từ địa chỉ số 160 đường Minh Cầu, phường Phan Đình Phùng, thành phố Thái Nguyên lên CCN Sơn Cẩm, xã Sơn Cẩm, huyện Phú Lương, thành phố Thái Nguyên, tỉnh Thái Nguyên. Tổng mức đầu tư của nhà máy Việt Đức lên đến hơn 400 tỷ.

Để đáp ứng tốt các tiêu chí về môi trường trên hành trình kiên định con đường phát triển bền vững, năm 2024 TNG đã tiến hành nâng cấp hệ thống nhà máy xử lý nước thải CCN Sơn Cẩm để mở rộng phạm vi tiêu chuẩn tiếp nhận nước thải đầu vào. Đặc biệt trong năm 2024, TNG đã tiến hành đầu tư lắp đặt hệ thống môi trường quan trắc tự động tại tất cả nhà máy.

Năm 2024, hoạt động đầu tư mở rộng hệ thống sản xuất được tiếp tục gia tăng để đáp ứng tốt nhất nhu cầu cung ứng hàng hóa cho thị trường xuất khẩu. Tổng số chuyền may năm 2024 là 336 chuyền may tăng 14 chuyền may so với năm 2023 là 322 chuyền may.

5.6 Hoạt động văn hóa doanh nghiệp

Chương trình Alo 108 - Tiếng nói người lao động TNG ra đời nhằm những băn khoăn, trăn trở, mong muốn đóng góp cho sự phát triển của TNG, ước mong của người lao động TNG hoàn thành tốt công việc giao khoán hàng ngày, để có thu nhập tốt hơn.

Các câu hỏi và tình huống đưa ra trong chương trình là xoay quanh những câu chuyện hàng ngày, sự cố phát sinh trong quá trình sản xuất kinh doanh, những vấn đề của người lao động; các câu hỏi về những chủ đề như luật lao động, Luật công đoàn, tiền lương, nội quy lao động, chống quấy rối tình dục, thoả ước lao động tập thể... Với mong muốn thông qua tổ chức công đoàn, phòng tổ chức của các đơn vị và công ty, bộ phận chăm sóc người lao động sẽ luôn song hành cùng người lao động, tạo điều kiện, giúp công nhân tự tin, tiến bộ.

6. Kế hoạch năm 2025 và giải pháp thực hiện:

6.1 Kế hoạch năm 2025:

- Doanh thu: 8.100 tỷ
- Lợi nhuận sau thuế: 340 tỷ

6.2 Giải pháp thực hiện:

Vận hành sản xuất

- Tối ưu hóa quy trình sản xuất

Chuẩn hóa quy trình làm việc: Xây dựng các quy trình làm việc chi tiết và chuẩn hóa để tránh sự lặp lại và giảm thiểu lỗi trong sản xuất.

Phân công công việc hợp lý: Đảm bảo rằng mỗi công nhân có một công việc rõ ràng và đúng vị trí, từ đó giảm thiểu thời gian chờ đợi và tăng hiệu quả.

- Sử dụng công nghệ tự động hóa

Ứng dụng máy móc tự động, đầu tư vào các máy móc hiện đại như máy may tự động, máy cắt tự động, máy đính cúc tự động... để giảm thiểu thời gian sản xuất và tăng độ chính xác.

- Quản lý và tối ưu hóa tồn kho

Kiểm soát chặt chẽ nguyên vật liệu: Đảm bảo việc cung ứng nguyên vật liệu luôn đủ và kịp thời để tránh gián đoạn sản xuất.

Tối ưu hóa kho bãi: Sử dụng phần mềm quản lý kho để theo dõi và sắp xếp nguyên vật liệu một cách khoa học, giúp giảm thời gian tìm kiếm và vận chuyển nguyên vật liệu.

Công tác nghiên cứu phát triển

- Nghiên cứu và phát triển sản phẩm mới

Sản phẩm bền vững và thân thiện với môi trường: Đầu tư vào nghiên cứu và phát triển các sản phẩm may mặc sử dụng chất liệu tái chế, hữu cơ hoặc bền vững hơn. Thị trường thời trang bền vững đang phát triển mạnh mẽ và nhu cầu đối với các sản phẩm này ngày càng cao.

Quản lý phát triển nguồn nhân lực

- Đào tạo và phát triển kỹ năng chuyên môn

- Xây dựng một môi trường làm việc tích cực: Khuyến khích sự sáng tạo và cải tiến, tạo động lực làm việc, đảm bảo sự công bằng trong đánh giá.

- Tuyển dụng nhân sự có chuyên môn cao, Chế độ đãi ngộ hợp lý: bao gồm mức lương hợp lý, các phúc lợi bảo hiểm sức khỏe, đào tạo nghề, và các cơ hội thăng tiến.

Kinh doanh và phát triển thị trường

- Nghiên cứu và mở rộng thị trường quốc tế

- Đa dạng hóa sản phẩm và mẫu mã

- Tối ưu hóa kênh phân phối và logistics

- Tham gia các hội chợ, triển lãm quốc tế

- Nâng cao khả năng quản lý và kiểm soát chất lượng

Đầu tư xây dựng cơ bản

- Tăng cường đầu tư máy và hệ thống tự động giúp nâng cao năng suất lao động, hướng tới áp dụng công nghệ 4.0.

- Đầu tư và cải tạo sửa chữa cơ sở vật chất tại các nhà máy, nhà xưởng hiện đại để đáp ứng tốt điều kiện sản xuất.

TM. BAN TỔNG GIÁM ĐỐC



TỔNG GIÁM ĐỐC
Nguyễn Đức Mạnh

BÁO CÁO CỦA ỦY BAN KIỂM TOÁN

Kính gửi: **DHĐCD thường niên năm 2025 Công ty Cổ phần Đầu tư và Thương mại TNG**

CĂN CỨ PHÁP LÝ

- Căn cứ Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31/12/2020;
- Căn cứ Luật doanh nghiệp 2020.
- Căn cứ Điều lệ Công ty Cổ phần Đầu tư và Thương mại TNG;
- Căn cứ quy chế quản lý nội bộ của công ty CP Đầu tư và Thương mại TNG
- Căn cứ tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty.
- Căn cứ nghị định số 05/2019/NĐ-CP ngày 22/01/2019

1. Thông tin về thành viên Ủy Ban Kiểm toán (sau đây gọi tắt là “UBKT”)

- Trước 23/04/2024
 - + Ông Nguyễn Hoàng Giang Chủ nhiệm
 - + Ông Nguyễn Mạnh Linh Ủy viên
- Sau 23/04/2024
 - + Ông Nguyễn Hoàng Giang Chủ nhiệm
 - + Bà Hà Thị Tuyết Ủy viên
 - + Ông Nguyễn Mạnh Linh Ủy viên

2. Thù lao, chi phí hoạt động và các lợi ích khác của Ủy ban kiểm toán năm 2024

Thành viên Hội đồng đồng thời là thành viên UBKT nhận thù lao theo một chức danh là Thành viên HĐQT. Thù lao Thành viên HĐQT đã được công bố chi tiết tại Báo cáo tài chính năm 2024 đã kiểm toán của Công ty.

3. Tổng kết các cuộc họp của Ủy ban Kiểm toán

TT	Thời gian	Nội dung họp
1	11/03/24	Kiểm tra, soát xét báo cáo tài chính riêng và hợp nhất quý IV và cả năm 2023; Đánh giá kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2024 do Tổng giám đốc trình Hội đồng quản trị; Xây dựng kế hoạch kiểm toán nội bộ và kế hoạch kiểm toán độc lập năm 2024.
2	08/04/24	Kiểm tra soát xét báo cáo tài chính riêng và hợp nhất năm 2023 đã được kiểm toán; Rà soát lại công tác chuẩn bị nhân sự và chuẩn bị tài liệu cho Đại hội đồng cổ đông thường niên 2024; Chuẩn bị báo cáo của Ban Kiểm toán trong Đại hội đồng cổ đông thường niên 2024
3	19/06/24	Soát xét kết quả kinh doanh quý 1/2024 và tiến độ thực hiện các chỉ tiêu sản xuất kinh doanh đề ra đến tháng 5/2024; Rà soát nghĩa vụ công bố

1 |-----
Văn bản này được công bố đồng thời bằng tiếng Việt và tiếng Anh. Trong trường hợp có sự khác biệt hoặc có cách hiểu khác giữa văn bản tiếng Việt và tiếng Anh thì văn bản bằng tiếng Việt sẽ được ưu tiên.

TT	Thời gian	Nội dung họp
		thông tin của công ty 5 tháng đầu năm 2024. Đề xuất đơn vị thực hiện soát xét báo cáo tài chính bán niên 2024 và kiểm toán báo cáo tài chính năm 2024
4	21/10/24	Soát xét báo cáo tài chính quý 3/2024; Rà soát các công nợ quá hạn, hàng tồn kho chậm luân chuyển để lên phương án dự phòng tài chính cho năm 2024; Đánh giá việc thực hiện sản xuất kinh doanh 9 tháng theo kế hoạch đã được đề ra tại Đại hội đồng cổ đông thường niên 2024 và soát xét phương án xây dựng kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2025

4. Hoạt động giám sát của Ủy ban Kiểm toán đối với HĐQT, Ban Giám đốc điều hành và cổ đông:

- Ít nhất hàng năm, nhận và xem xét Báo cáo kiểm toán độc lập.
- Kiểm tra về các báo cáo tài chính hàng quý và báo cáo tài chính năm đã được kiểm toán với Ban Giám đốc và kiểm toán độc lập
 - Thảo luận việc công bố báo chí về lợi nhuận công ty, cũng như các thông tin tài chính và hướng dẫn việc đọc hiểu các con số lợi nhuận cho các cơ quan phân tích và đánh giá tín nhiệm.
 - Sử dụng dịch vụ tư vấn pháp luật, kế toán hoặc cá tư vấn khác bên ngoài khi cần thiết
 - Bàn bạc các chính sách về đánh giá và quản lý rủi ro
 - Hàng tuần, tháng, quý, họp riêng với Ban giám đốc, Kiểm toán nội bộ và Kiểm toán độc lập
- Thực hiện tự đánh giá kết quả hoạt động hàng năm của Ủy Ban kiểm toán.
- Thực hiện tự đánh giá kết quả việc công bố thông tin theo Thông tư số 96/2020/TT-BTC ngày 16/11/2020 của Bộ tài chính về việc hướng dẫn công bố thông tin trên thị trường chứng khoán.
- Ủy ban kiểm toán chỉ đạo ban Kiểm toán nội bộ thực hiện kiểm toán 2 dự án

5. Báo cáo đánh giá về giao dịch giữa công ty, công ty con, công ty do công ty đại chúng nắm quyền kiểm soát trên 50% trở lên vốn điều lệ với thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc (Giám đốc), người Điều hành khác của doanh nghiệp và những người có liên quan của đối tượng đó; giao dịch giữa công ty với công ty trong đó thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc (Giám đốc), người điều hành khác của doanh nghiệp là thành viên sáng lập hoặc là người quản lý doanh nghiệp trong thời gian 03 năm gần nhất trước thời điểm giao dịch;

Các giao dịch này đã được Công ty công bố trong Báo cáo tình hình quản trị công ty năm 2024 lập ngày 24/01/2025 và báo cáo tài chính năm 2024 đã kiểm toán. Nội dung các giao dịch chủ yếu là cung cấp dịch vụ, bán hàng, giảm vốn. Các giao dịch đã được công bố và chấp thuận đúng theo quy định của pháp luật và điều lệ Công ty. Chi tiết tham khảo tại Báo cáo tình hình quản trị Công ty năm 2024 và Báo cáo tài chính năm 2024 đã kiểm toán.

6. Kết quả giám sát đối với báo cáo tài chính, tình hình hoạt động, tình hình tài chính của Công ty

2 |-----

Văn bản này được công bố đồng thời bằng tiếng Việt và tiếng Anh. Trong trường hợp có sự khác biệt hoặc có cách hiểu khác giữa văn bản tiếng Việt và tiếng Anh thì văn bản bằng tiếng Việt sẽ được ưu tiên.

Công ty đã lập và công bố các Báo cáo tài chính định kỳ phù hợp với các quy định của pháp luật. Báo cáo tài chính năm 2024 được kiểm toán bởi công ty kiểm toán độc lập là Công ty TNHH Kiểm toán Deloitte Việt Nam đúng theo quy định hiện hành.

Năm 2024, TNG đạt tổng doanh thu 7.656 tỷ đồng, tương ứng 97% so kế hoạch ĐHCĐ năm 2024 giao và tăng trưởng 7,86% so với năm 2023. Lợi nhuận sau thuế năm 2024 đạt 314,82 tỷ đồng, đạt 101,6% kế hoạch ĐHCĐ năm 2024 giao, tăng 92 tỷ tương đương 41,58% so với năm 2023.

7. Kết quả đánh giá hệ thống kiểm soát nội bộ và quản lý rủi ro của công ty

Hoạt động kiểm toán nội bộ và quản lý rủi ro đã đánh giá việc thực hiện các quy trình toàn diện trên các mặt hoạt động của Công ty.

- Đánh giá quy trình xây dựng kế hoạch SXKD năm 2024 toàn Công ty.
- Đánh giá quy trình thực hiện của Hội đồng kiểm kê vốn và tài sản công ty hàng năm;
- Đánh giá quy trình tổ chức ĐHCĐ 2024 theo đúng Điều lệ công ty, Luật Doanh nghiệp 2020;
- Đánh giá quy trình đầu tư mua sắm tài sản cố định của Công ty trong năm 2024;
- Đánh giá quy trình quản lý máy móc thiết bị, luân chuyển máy móc thiết bị trong Công ty;
- Đánh giá quản lý hồ sơ và lưu trữ hồ sơ của các lao động được tuyển dụng;
- Đánh giá quy trình quản lý chi phí xe ca và phụ cấp xăng xe

Trong năm 2024, Ban kiểm toán nội bộ đã tiến hành 12 cuộc kiểm toán tại các phòng ban và nhà máy về các lĩnh vực: quản lý máy móc thiết bị; quy định về hồ sơ và lưu trữ hồ sơ người lao động; quản lý chi phí xe ca và phụ cấp xăng xe; quản lý thành phẩm tồn kho, quy trình quyết toán và hoàn thuế GTGT hàng nhập khẩu...

Đồng thời trong năm 2024, Ủy Ban kiểm toán cũng đã thực hiện kiểm toán 2 dự án đầu tư: Dự án đầu tư xây dựng nhà máy Việt Thái (Sơn Cẩm) và dự án mở rộng nhà máy TNG Phú Bình.

8. Kết quả giám sát đối với Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc (Giám đốc) và người điều hành khác của doanh nghiệp;

+ HĐQT, Tổng Giám đốc và người điều hành khác đã điều hành hoạt động Công ty theo đúng mục tiêu được ĐHCĐ đề ra. UBKT chưa ghi nhận trường hợp nào vi phạm quy định về trách nhiệm, nghĩa vụ của người điều hành doanh nghiệp.

+ HĐQT, Tổng Giám đốc đã triển khai một số nội dung được ghi nhận tại các Nghị quyết của ĐHCĐ và HĐQT. Kết quả thực hiện các nội dung đã thông qua theo Nghị quyết của ĐHCĐ được HĐQT báo cáo đầy đủ.

+ Ban Tổng giám đốc đã thực hiện giám sát thông qua hệ thống ERP về các HDSXKD hàng ngày.

9. Sự phối hợp hoạt động giữa Ủy ban Kiểm toán đối với hoạt động của HĐQT, Ban Giám đốc điều hành và các cổ đông

Trong năm 2024, UBKT nhận được sự phối hợp chặt chẽ và được tạo điều kiện thuận lợi để thực hiện nhiệm vụ giám sát của mình từ phía HĐQT, Tổng Giám đốc và các cán bộ quản lý của Công ty, thông qua việc được cung cấp đầy đủ và chính xác các thông tin, báo cáo, tài liệu liên

quan đến tình hình quản trị công ty, các hoạt động kinh doanh và tình hình tài chính của Công ty. Trưởng kiểm toán nội bộ được truy cập không giới hạn, trao đổi trực tiếp với Ủy ban Kiểm toán, bao gồm cả việc họp riêng với Ủy ban Kiểm toán mà không có sự hiện diện của Ban Điều hành hay Tổng Giám đốc.

10. Kết luận và kiến nghị

- Qua công tác giám sát và kiểm tra của Ủy ban kiểm toán nhận thấy HĐQT, BĐH triển khai và thực thi đúng tinh thần của nghị quyết ĐHĐCĐ 2024, quy chế quản trị Công ty, điều lệ Công ty, trên cơ sở lợi ích của Công ty, của Cổ đông.

Để tiếp tục duy trì và phát triển, hoàn thành tốt các chỉ tiêu 2025, đồng thời tăng cường tính công khai, minh bạch, hạn chế những sai sót, rủi ro trong quá trình điều hành hoạt động sản xuất kinh doanh công ty, Ủy ban kiểm toán kiến nghị HĐQT, BĐH một số nội dung sau:

1. Đẩy mạnh công tác giám sát việc chấp hành các qui định của Pháp luật, điều lệ công ty, tình hình thực hiện các Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị Công ty.

2. Tiếp tục triển khai và kiểm soát các hoạt động điều hành, hoạt động quản lý kinh doanh trong công ty.

3. Duy trì việc xem xét và thẩm định các báo cáo tài chính của Công ty, phối hợp hoạt động giữa Hội đồng quản trị, Ban điều hành và Ban kiểm soát.

4. Tiếp tục đẩy mạnh công tác đào tạo và phát triển nguồn nhân lực, xây dựng chính sách nhân sự và luân chuyển nhân sự hợp lý, phù hợp với hiện tại và nhu cầu phát triển của công ty.

5. Duy trì hoạt động của BKTNB đúng qui định trên nguyên tắc quản trị rủi ro.

Trên đây là Báo cáo năm 2024 của Ủy ban kiểm toán nội bộ. Kính trình ĐHĐCĐ thường niên 2025.

**TM. ỦY BAN KIỂM TOÁN NỘI BỘ
CHỦ NHIỆM**



NGUYỄN HOÀNG GIANG

TỜ TRÌNH

Kính gửi: Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2025 Công ty Cổ phần Đầu tư và Thương mại TNG

- Căn cứ Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 ngày 17 tháng 6 năm 2020;
- Căn cứ Điều lệ Công ty cổ phần Đầu tư và Thương mại TNG;
- Căn cứ tình hình sản xuất kinh doanh năm 2024 của Công ty.

Hội đồng quản trị Công ty Cổ phần Đầu tư và Thương mại TNG kính trình Đại hội đồng cổ đông thông qua:

I. BÁO CÁO KẾT QUẢ SXKD NĂM 2024; BÁO CÁO CỦA HĐQT, BAN TỔNG GIÁM ĐỐC, ỦY BAN KIỂM TOÁN; PHƯƠNG ÁN PHÂN PHỐI LỢI NHUẬN NĂM 2024 VÀ BÁO CÁO KẾT QUẢ PHÁT HÀNH CỔ PHIẾU TĂNG VỐN ĐIỀU LỆ NĂM 2024:

1. Báo cáo kết quả SXKD năm 2024:

Số liệu chi tiết trong bảng Báo cáo tài chính năm 2024 đã được kiểm toán.

2. Báo cáo của HĐQT, Ban Tổng giám đốc, Ủy Ban kiểm toán:

Chi tiết như trình bày tại đại hội.

3. Thông qua phương án phân phối lợi nhuận 2024:

PHƯƠNG ÁN PHÂN PHỐI LỢI NHUẬN NĂM 2024

STT	NỘI DUNG	SỐ TIỀN (VNĐ)
A	Lợi nhuận có thể phân phối (A=1+2)	320.404.749.427
1	Lợi nhuận năm 2023 chưa phân phối	5.580.541.263
2	Lợi nhuận sau thuế 2024	314.824.208.164
B	Phân phối lợi nhuận (B=I+II+III)	316.839.142.881
I	Trả cổ tức 2024 bằng tiền mặt (20% vốn góp của chủ sở hữu)	245.202.412.000
II	Thù lao HĐQT năm 2024 (II=2,4% x (2)) (2,4% lợi nhuận sau thuế năm 2024)	7.555.780.996
III	Trích lập quỹ khen thưởng phúc lợi (III=20%x A) (20% tổng lợi nhuận có thể phân phối)	64.080.949.885
C	Lợi nhuận còn lại chưa phân phối của năm nay (C=A-B)	3.565.606.546

II. CHI TRẢ CỔ TỨC NĂM 2024:

Chi trả cổ tức năm 2024 cho cổ đông là 20% Vốn điều lệ bằng tiền mặt. Chi tiết cụ thể Ủy quyền cho HĐQT phê duyệt.

III. CHI TRẢ THÙ LAO CỦA HĐQT NĂM 2024

Chi trả thù lao cho HĐQT năm 2024 là 2,4% lợi nhuận sau thuế năm 2024 của Công ty, tương đương 7.555.780.996 VNĐ. Chi tiết cụ thể Ủy quyền cho HĐQT phê duyệt.

IV. KẾ HOẠCH SXKD NĂM 2025, DỰ KIẾN KẾ HOẠCH CHI TRẢ CỔ TỨC NĂM 2025 VÀ DỰ KIẾN KẾ HOẠCH CHI TRẢ THÙ LAO HĐQT NĂM 2025

1. Kế hoạch SXKD năm 2025:

Doanh thu	8.100 tỷ đồng
Lợi nhuận sau thuế	340 tỷ đồng

2. Dự kiến kế hoạch chi trả cổ tức năm 2025

Kế hoạch chi trả cổ tức năm 2025 cho cổ đông: Dự kiến chi trả từ 16% đến 20% vốn điều lệ bằng tiền mặt hoặc cổ phiếu. Ủy quyền cho Hội đồng Quản trị quyết định phương án về việc tạm ứng, chi trả cổ tức đảm bảo lợi ích cổ đông.

3. Dự kiến kế hoạch chi trả thù lao HĐQT năm 2025

Dự kiến chi trả thù lao cho HĐQT năm 2025 là 2,4% lợi nhuận sau thuế năm 2025 bằng tiền mặt. Chi tiết cụ thể Ủy quyền cho HĐQT phê duyệt.

Kính trình Đại hội đồng cổ đông xem xét thông qua.

Nơi nhận:

- Như trên;
- HĐQT;
- Lưu: VP.

TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH



NGUYỄN VĂN THỜI

TỜ TRÌNH

Về việc phương án phát hành cổ phiếu tăng vốn điều lệ và
niêm yết trái phiếu của Công ty

Kính gửi: Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2024 Công ty cổ phần Đầu tư và Thương mại TNG

I. PHƯƠNG ÁN PHÁT HÀNH CỔ PHIẾU TĂNG VỐN ĐIỀU LỆ

Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông năm 2024 đã thông qua phương án tăng vốn từ 1.135.230.020.000 đồng lên 1.348.653.260.000 đồng thông qua 02 hình thức:

- + Phát hành cổ phiếu để trả cổ tức năm 2024: tối đa 9.081.840 cổ phần.
- + Phát hành cổ phiếu cho cổ đông hiện hữu: tối đa 12.260.484 cổ phần.

TNG đã hoàn thành xong việc chi trả cổ tức bằng cổ phiếu. Chưa thực hiện xong phương án tăng vốn phát hành cho cổ đông hiện hữu do thị trường chứng khoán trong năm 2024 có nhiều biến động ảnh hưởng tới giá cổ phiếu. Để đảm bảo lợi ích cổ đông, Hội đồng Quản trị sẽ lựa chọn thời điểm thích hợp để triển khai vì vậy Hội đồng Quản trị kính trình Đại hội đồng cổ đông thông qua việc huỷ bỏ phương án phát hành cổ phiếu cho cổ đông hiện hữu đã được đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2024 thông qua theo Nghị quyết số 190/2024/NQ-ĐHĐCĐ ngày 21/04/2024. Đồng thời, HĐQT kính trình Đại hội đồng cổ đông xem xét phê duyệt phương án tăng vốn điều lệ năm 2025 thông qua việc phát hành cổ phiếu cụ thể như sau:

1. CĂN CỨ PHÁP LÝ CHO VIỆC PHÁT HÀNH CỔ PHIẾU

- Phương án này được xây dựng căn cứ vào:
- Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 được Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam khóa XIV, kỳ họp thứ 9 thông qua ngày 17 tháng 6 năm 2020.
- Luật Chứng khoán số 54/2019/QH14 được Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam khóa XIV, kỳ họp thứ 8 thông qua ngày 26 tháng 11 năm 2019;
- Luật số 56/2024/QH15 sửa đổi, bổ sung một số điều của luật chứng khoán, luật kế toán, luật kiểm toán độc lập, luật ngân sách nhà nước, luật quản lý, sử dụng tài sản công, luật quản lý thuế, luật thuế thu nhập cá nhân, luật dự trữ quốc gia, luật xử lý vi phạm hành chính được Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam khóa XV, kỳ họp thứ 8 thông qua ngày 29 tháng 11 năm 2024;

- Nghị định 155/2020/NĐ-CP do Chính Phủ ban hành ngày 31/12/2020.
- Căn cứ Điều lệ Công ty Cổ phần Đầu tư và Thương mại TNG;
- Căn cứ tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty.

2. TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ THƯƠNG MẠI TNG

Kết quả kinh doanh trong 02 năm gần nhất:

Đơn vị tính: đồng

Chỉ tiêu	Năm 2023	Năm 2024	So sánh (%)
Tổng giá trị tài sản	5.147.382.019.124	5.816.875.229.408	13,01%
Doanh thu thuần	7.098.010.025.347	7.655.752.759.635	7,86%
Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	292.017.179.261	400.866.133.017	37,27%
Lợi nhuận khác	(18.020.644.508)	(10.386.808.530)	-42,36%
Lợi nhuận trước thuế	273.996.534.753	390.479.324.487	42,51%
Lợi nhuận sau thuế	222.362.313.754	314.824.208.164	41,58%
ROA	4,27%	5,74%	34,43%
ROE	13,26%	17,40%	31,22%

Hội đồng quản trị Công ty cổ phần Đầu tư và Thương mại TNG kính trình Đại hội đồng cổ đông thông qua phương án phát hành cổ phiếu theo chương trình lựa chọn người lao động của Công ty như sau:

3. PHƯƠNG ÁN PHÁT HÀNH CỔ PHIẾU THEO CHƯƠNG TRÌNH LỰA CHỌN CHO NGƯỜI LAO ĐỘNG

- Tên tổ chức phát hành: Công ty cổ phần Đầu tư và Thương mại TNG
- Tên cổ phiếu phát hành: Cổ phiếu Công ty cổ phần Đầu tư và Thương mại TNG
- Mã chứng khoán: TNG
- Vốn điều lệ trước khi phát hành: 1.226.012.060.000 đồng
- Số lượng cổ phần đang lưu hành trước khi phát hành: 122.601.206 cổ phần
- Phương thức phát hành: Phát hành cổ phiếu theo chương trình lựa chọn cho người lao động trong Công ty (ESOP)
- Đối tượng được chào bán: người lao động đang làm việc tại Công ty (người làm việc cho Công ty theo hợp đồng lao động và người quản lý Công ty theo điều lệ Công ty không bao gồm thành viên Hội đồng quản trị độc lập)
- Tiêu chuẩn người lao động tham gia: ĐHĐCĐ thông qua tiêu chuẩn người lao động được chào bán như sau: (1) các thành viên trong Hội đồng quản trị trừ thành viên Hội đồng quản trị độc lập (2) người lao động đã ký hợp đồng lao động với Công ty tại thời

điểm lập danh sách là nhân viên tiêu biểu của TNG, và/hoặc là cán bộ chủ chốt đang nắm giữ các vị trí là chức danh lãnh đạo, điều hành, quản lý trong hoạt động tại TNG.

Căn cứ tiêu chuẩn trên, ĐHĐCĐ ủy quyền cho HĐQT thông qua tiêu chuẩn và danh sách chi tiết người lao động được tham gia chương trình ESOP, nguyên tắc xác định số cổ phần được phân phối cho từng đối tượng, thời gian thực hiện phù hợp quy định pháp luật.

- Thời gian thực hiện: Dự kiến trong năm 2025-2026, Ủy quyền cho HĐQT quyết định thời gian chào bán cổ phiếu sau khi được Ủy ban Chứng khoán Nhà nước gửi văn bản thông báo về việc nhận đầy đủ hồ sơ báo cáo phát hành của Tổ chức phát hành hoặc văn bản khác có giá trị tương đương.

- Số lượng cổ phần phát hành dự kiến: 6.130.060 cổ phần

- Số tiền thu được từ đợt phát hành dự kiến: 61.300.600.000 đồng

- Giá phát hành: 10.000 đồng/cổ phiếu.

- Nguyên tắc xác định giá phát hành cho người lao động: Dựa trên cơ sở giá trị sổ sách, giá thị trường, có tính đến mức độ ưu tiên của đối tượng được phân phối và tính đến mức độ hạn chế thanh khoản do cổ phiếu bị hạn chế chuyển nhượng.

+ Giá trị sổ sách của cổ phiếu TNG tại thời điểm 31/12/2024 là: 15.436 đồng/cổ phần;

+ Giá trị thị trường của cổ phiếu TNG tại ngày 20/03/2025 là: 21.500 đồng/cổ phần

+ Đối với cổ phiếu của Công ty được chào bán cho cho cán bộ công nhân viên, do tính chất ưu tiên của đối tượng phân phối, đồng thời căn cứ vào tình hình thị trường chứng khoán, nhu cầu sử dụng vốn, giá trị thị trường và giá trị sổ sách của cổ phiếu, giá chào bán cổ phiếu cho cán bộ công nhân viên được xác định là 10.000 đồng/cổ phiếu.

- Phương án xử lý trong các trường hợp Cán bộ nhân viên không còn đủ tiêu chuẩn nắm giữ cổ phiếu mua theo chương trình lựa chọn cho người lao động: ĐHĐCĐ ủy quyền và giao HĐQT quyết định nội dung cụ thể về phương án xử lý trong các trường hợp cán bộ nhân viên không còn đủ tiêu chuẩn nắm giữ cổ phiếu được mua theo chương trình lựa chọn cho người lao động, bao gồm nhưng không giới hạn việc quyết định các trường hợp công ty mua lại cổ phiếu của người lao động, phương án mua lại, giá mua lại và phương án bán ngay số cổ phiếu đã được công ty mua lại, hoặc giao Công đoàn công ty mua lại, nắm giữ và các vấn đề khác có liên quan đến việc xử lý cổ phiếu.

- Điều kiện hạn chế chuyển nhượng: Số lượng cổ phần phát hành cho người lao động bị hạn chế chuyển nhượng trong vòng 03 năm kể từ ngày hoàn thành đợt phát hành.

- Nguyên tắc xử lý số lượng cổ phiếu không phân phối hết:

+ Trong trường hợp các cán bộ công nhân viên không mua hết số lượng cổ phần chào bán, uỷ quyền cho HĐQT phân phối cho người lao động khác đáp ứng tiêu chí đã được Hội đồng Quản trị thông qua, với giá chào bán là 10.000 đồng/cổ phiếu. Số lượng cổ

600
HỘI
HÀNH
HƯỚNG
TN
YÊN

phiếu này bị hạn chế chuyển nhượng trong vòng 03 năm kể từ ngày hoàn thành đợt phát hành.

+ ĐHĐCĐ ủy quyền cho HĐQT xây dựng tiêu chí và lựa chọn người lao động khác có nhu cầu mua số cổ phần còn lại chưa phân phối hết; phê duyệt nguyên tắc xác định số cổ phiếu được phân phối cho từng đối tượng và thời gian thực hiện.

+ Việc phân phối số cổ phiếu chưa phân phối hết cho người lao động khác phải đảm bảo đáp ứng quy định tại Điều 42 Nghị định số 155/2020/NĐ-CP do Chính Phủ ban hành ngày 31/12/2020 về việc quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán và các văn bản pháp luật có liên quan.

- Phương án sử dụng số tiền thu được từ việc chào bán cổ phiếu cho CBCNV: Tổng số tiền dự kiến thu được từ việc chào bán cổ phiếu cho CBCNV được sử dụng để bổ sung vốn lưu động phục vụ cho hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty. ĐHĐCĐ ủy quyền cho HĐQT lập kế hoạch sử dụng vốn chi tiết.

- Phương án đảm bảo việc phát hành cổ phiếu đáp ứng quy định về Tỷ lệ sở hữu nước ngoài tối đa của Công ty tại thời điểm phát hành: ĐHĐCĐ ủy quyền cho HĐQT thông qua phương án đảm bảo việc phát hành cổ phiếu đáp ứng quy định về tỷ lệ sở hữu nước ngoài;

- Thông qua việc cán bộ công nhân viên được mua cổ phiếu theo chương trình phát hành cổ phiếu cho người lao động được lựa chọn này sẽ không phải thực hiện các thủ tục chào mua công khai kể cả khi khối lượng mua vượt tỷ lệ quy định về chào mua công khai theo quy định tại Điều 35 Luật Chứng khoán 2019 (tỷ lệ sở hữu sau khi mua cổ phần đạt từ 25% trở lên số cổ phiếu đang lưu hành của công ty đại chúng hoặc đã nắm giữ từ 25% cổ phiếu có quyền biểu quyết mua tiếp để vượt mức 35%, 45%, 55%, 65%, 75% số cổ phiếu có quyền biểu quyết của một công ty đại chúng).

- Đăng ký, lưu ký chứng khoán bổ sung, đăng ký niêm yết bổ sung: ĐHĐCĐ thông qua việc đăng ký lưu ký bổ sung toàn bộ số lượng cổ phần mới phát hành tại Tổng công ty lưu ký và bù trừ chứng khoán Việt Nam và niêm yết bổ sung toàn bộ số lượng cổ phần mới phát hành tại Sở Giao dịch Chứng khoán theo quy định.

- Thay đổi điều lệ: Thông qua tăng vốn điều lệ và sửa đổi vốn điều lệ trên Điều lệ của Công ty theo kết quả thực tế phát hành.

- Thay đổi Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp: Thông qua việc thay đổi giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp với mức vốn điều lệ mới theo kết quả thực tế phát hành.

- Ủy quyền cho Hội đồng quản trị: Ngoài các vấn đề ủy quyền cho Hội đồng quản trị được nêu cụ thể trên, Đại hội đồng cổ đông ủy quyền cho Hội đồng quản trị thực hiện các nội dung sau đây:

+ Lựa chọn thời điểm phát hành phù hợp;

+ Chủ động xây dựng, giải trình hồ sơ xin phép phát hành gửi Ủy ban Chứng khoán Nhà nước, cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền, đồng thời chủ động quyết định, điều chỉnh, bổ sung phương án phát hành và các hồ sơ khác có liên quan đảm bảo phương án phát hành được thực hiện phù hợp quy định pháp luật, hướng dẫn của cơ quan có thẩm quyền, điều lệ công ty và điều kiện thị trường cụ thể;

+ Xây dựng và thông qua Phương án sử dụng vốn chi tiết cho các mục đích sử dụng vốn thu được từ đợt phát hành.

+ Điều chỉnh/ thay đổi việc phân bổ số tiền thu được từ đợt chào bán cho các mục đích sử dụng vốn đã được thông qua và/hoặc thay đổi mục đích sử dụng vốn thu được từ đợt chào bán cho phù hợp với tình hình thực tế và báo cáo ĐHĐCĐ gần nhất về các nội dung điều chỉnh liên quan đến phương án sử dụng vốn này.

+ Quyết định ban hành Quy chế phát hành cổ phiếu theo chương trình lựa chọn cho người lao động và có quyền sửa đổi Quy chế;

+ Sau khi hoàn thành toàn bộ các công việc phát hành, ủy quyền cho HĐQT Công ty thực hiện các công việc cần thiết để sửa đổi, bổ sung Điều lệ Công ty và thay đổi đăng ký kinh doanh liên quan đến việc thay đổi mức vốn điều lệ sau khi hoàn tất đợt phát hành.

+ Quyết định, thông qua việc thực hiện các công việc liên quan và phê duyệt Hồ sơ để đăng ký lưu ký bổ sung toàn bộ số lượng cổ phần mới phát hành trên Tổng công ty lưu ký và bù trừ chứng khoán Việt Nam và niêm yết bổ sung toàn bộ số lượng cổ phần mới phát hành tại Sở Giao dịch Chứng khoán theo quy định của pháp luật.

+ Ủy quyền cho HĐQT thực hiện các công việc liên quan khác đến đợt phát hành tăng vốn điều lệ này theo đúng quy định của Điều lệ Công ty và Pháp luật hiện hành.

+ Trong quá trình thực hiện các nội dung nêu trên, Hội đồng quản trị có quyền: (i) Quyết định các nội dung trong phạm vi nhiệm vụ được giao và ủy quyền; (ii) Thực hiện, hoặc chỉ đạo, phân công, hoặc Ủy quyền lại cho người đại diện theo pháp luật, Tổng Giám đốc để thực hiện một hoặc một số công việc cụ thể nêu trên và các vấn đề khác có liên quan đến việc phát hành cổ phiếu theo chương trình lựa chọn cho người lao động.

II. ĐĂNG KÝ NIÊM YẾT TRÁI PHIẾU CHÀO BÁN RA CÔNG CHÚNG

- Căn cứ Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 được Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam khóa XIV, kỳ họp thứ 9 thông qua ngày 17 tháng 6 năm 2020;

- Căn cứ Luật Chứng khoán số 54/2019/QH14 được Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam khóa XIV, kỳ họp thứ 8 thông qua ngày 26 tháng 11 năm 2019;

- Căn cứ Nghị định 155/2020/NĐ-CP do Chính Phủ ban hành ngày 31/12/2020;

- Căn cứ Điều lệ Công ty cổ phần Đầu tư và Thương mại TNG;

- Căn cứ Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông số 505/2023/TNG-ĐHĐCĐ ngày 23/04/2023 về việc thông qua phương án phát hành trái phiếu;

5 |-----

Văn bản này được công bố đồng thời bằng tiếng Việt và tiếng Anh. Trong trường hợp có sự khác biệt hoặc có cách hiểu khác giữa văn bản tiếng Việt và tiếng Anh thì văn bản bằng tiếng Việt sẽ được ưu tiên.

- Căn cứ Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông số 190/2024/TNG-ĐHĐCĐ ngày 21/04/2024 về việc tiếp tục triển khai phương án phát hành trái phiếu ra công chúng và thông qua niêm yết trái phiếu chào bán ra công chúng;

Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông năm 2024 đã thông qua nội dung tiếp tục triển khai phương án phát hành trái phiếu ra công chúng đã được Đại hội đồng cổ đông thông qua tại Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông số 505/2023/TNG-ĐHĐCĐ ngày 23/04/2023 và thông qua việc đăng ký trái phiếu tại Tổng Công ty lưu ký và bù trừ chứng khoán Việt Nam và đăng ký niêm yết tại Sở Giao dịch Chứng khoán theo quy định đối với tất cả các trái phiếu chào bán ra công chúng do Công ty cổ phần Đầu tư và Thương mại TNG phát hành trong khoảng thời gian trong năm 2024 và cho đến trước ngày tổ chức Đại hội đồng cổ đông năm 2025.

TNG đã hoàn thành xong việc phát hành trái phiếu ra công chúng và đăng ký trái phiếu tại Tổng công ty lưu ký và bù trừ chứng khoán Việt Nam. Chưa thực hiện xong việc đăng ký niêm yết tại Sở giao dịch chứng khoán Hà Nội. Hội đồng Quản trị kính trình Đại hội đồng cổ đông thông qua việc đăng ký niêm yết trái phiếu tại Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội theo quy định trong khoảng thời gian trong năm 2025 và cho đến trước ngày tổ chức Đại hội đồng cổ đông năm 2026.

ĐHĐCĐ ủy quyền cho HĐQT tổ chức thực hiện và quyết định các vấn đề cần thiết để niêm yết Trái phiếu theo đúng nội dung đã được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt và đảm bảo tuân thủ các quy định pháp luật và phù hợp với Chiến lược và nhu cầu vốn của TNG.

Kính trình Đại hội đồng cổ đông xem xét thông qua.

Nơi nhận

- Như trên;
- HĐQT;
- Lưu HC.

**TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH**



NGUYỄN VĂN THỜI

TỜ TRÌNH

V/v thông qua danh sách và lựa chọn công ty kiểm toán

Kính gửi: Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2025 Công ty Cổ phần Đầu tư và Thương mại TNG

Hội đồng quản trị Công ty Cổ phần Đầu tư và Thương mại TNG kính trình Đại hội đồng cổ đông thông qua:

PHƯƠNG ÁN LỰA CHỌN ĐƠN VỊ KIỂM TOÁN BÁO CÁO TÀI CHÍNH VÀ CÁC BÁO CÁO KHÁC NĂM 2025 CỦA CÔNG TY

- Căn cứ Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 được Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 17/06/2020;
- Căn cứ Điều lệ hiện tại của Công ty CP Đầu tư và Thương mại TNG;
- Căn cứ chức năng nhiệm vụ, năng lực của Công ty kiểm toán đã được Bộ Tài chính chấp nhận cho kiểm toán các Công ty niêm yết trên sàn giao dịch;
- Theo đề nghị của Ủy ban kiểm toán

Hội đồng quản trị kính đề nghị Đại hội đồng cổ đông thường niên phê chuẩn danh sách các Công ty kiểm toán và ủy quyền cho Hội đồng quản trị chọn một công ty để thực hiện kiểm toán các Báo cáo tài chính và các Báo cáo kiểm toán khác trong năm 2025 và đến thời điểm tiến hành Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2026 cho Công ty như sau:

1. Đơn vị: CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN DELOITTE VIET NAM

Địa chỉ: Tầng 15 - Tòa nhà Vinaconex - 34 Láng Hạ - Quận Đống Đa - Hà Nội.

2. Đơn vị: CÔNG TY TNHH HĂNG KIỂM TOÁN AASC

Địa chỉ: Số 01 Lê Phụng Hiểu - quận Hoàn Kiếm – Hà Nội.

Đây là các công ty kiểm toán đã được Ủy ban Chứng khoán Nhà nước chấp thuận cho kiểm toán các công ty niêm yết và hoàn toàn độc lập với Công ty và độc lập với cán bộ quản lý của Công ty.

Kính trình Đại hội đồng cổ đông xem xét thông qua.

Nơi nhận:

- Như trên;
- HĐQT, BKTNB;
- Lưu HC;



NGUYỄN VĂN THỜI

Số: 04/TTr-TNG-ĐHĐCĐ2025

Thái Nguyên, ngày 25 tháng 3 năm 2025

TỜ TRÌNH

Về việc thay đổi ngành, nghề kinh doanh; sửa đổi, bổ sung Điều lệ công ty và phê duyệt Quy chế nội bộ về quản trị công ty sửa đổi, bổ sung năm 2025

Kính gửi: Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2025 Công ty Cổ phần Đầu tư và Thương mại TNG

Căn cứ Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 ngày 17 tháng 6 năm 2020 và các văn bản hướng dẫn thi hành;

Căn cứ Luật Chứng khoán số 54/2019/QH14 ngày 26 tháng 11 năm 2019 và các văn bản hướng dẫn thi hành;

Căn cứ Quyết định số 27/2018/QĐ-TTg ngày 06 tháng 7 năm 2018 của Thủ tướng Chính phủ về việc ban hành hệ thống ngành kinh tế Việt Nam;

Căn cứ Điều lệ Công ty cổ phần Đầu tư và Thương mại TNG;

Căn cứ tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty.

Hội đồng quản trị Công ty Cổ phần Đầu tư và Thương mại TNG kính trình Đại hội đồng cổ đông thông qua việc thay đổi ngành, nghề kinh doanh; sửa đổi, bổ sung Điều lệ công ty và phê duyệt Quy chế nội bộ về quản trị Công ty sửa đổi, bổ sung năm 2025 như sau:

I. THAY ĐỔI NGÀNH, NGHỀ KINH DOANH

1. Bổ sung ngành, nghề kinh doanh sau:

TT	Tên ngành, nghề kinh doanh được bổ sung	Mã ngành	Ngành, nghề kinh doanh chính (*)
1	Sản xuất vải dệt kim, vải đan móc và vải không dệt khác Chi tiết: Thêu gia công trên vải, thêu các sản phẩm may mặc khác (trừ thêu trang phục)	1391	
2	Sản xuất điện Chi tiết: Điện mặt trời	3511	
3	Thoát nước và xử lý nước thải	3700	
4	Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng khác	4299	
5	Hoạt động tư vấn quản lý	7020	

* Trường hợp ngành, nghề kinh doanh được bổ sung là ngành, nghề kinh doanh chính thì đánh dấu X để chọn một trong các ngành, nghề đã kê khai

1 |

Văn bản này được công bố đồng thời bằng tiếng Việt và tiếng Anh. Trong trường hợp có sự khác biệt hoặc có cách hiểu khác giữa văn bản tiếng Việt và tiếng Anh thì văn bản bằng tiếng Việt sẽ được ưu tiên.

Số: 04/TTr-TNG-ĐHĐCĐ2025

Thái Nguyên, ngày 25 tháng 3 năm 2025

TỜ TRÌNH

Về việc thay đổi ngành, nghề kinh doanh; sửa đổi, bổ sung Điều lệ công ty và phê duyệt Quy chế nội bộ về quản trị công ty sửa đổi, bổ sung năm 2025

Kính gửi: Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2025 Công ty Cổ phần Đầu tư và Thương mại TNG

Căn cứ Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 ngày 17 tháng 6 năm 2020 và các văn bản hướng dẫn thi hành;

Căn cứ Luật Chứng khoán số 54/2019/QH14 ngày 26 tháng 11 năm 2019 và các văn bản hướng dẫn thi hành;

Căn cứ Quyết định số 27/2018/QĐ-TTg ngày 06 tháng 7 năm 2018 của Thủ tướng Chính phủ về việc ban hành hệ thống ngành kinh tế Việt Nam;

Căn cứ Điều lệ Công ty cổ phần Đầu tư và Thương mại TNG;

Căn cứ tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty.

Hội đồng quản trị Công ty Cổ phần Đầu tư và Thương mại TNG kính trình Đại hội đồng cổ đông thông qua việc thay đổi ngành, nghề kinh doanh; sửa đổi, bổ sung Điều lệ công ty và phê duyệt Quy chế nội bộ về quản trị Công ty sửa đổi, bổ sung năm 2025 như sau:

I. THAY ĐỔI NGÀNH, NGHỀ KINH DOANH

1. Bổ sung ngành, nghề kinh doanh sau:

TT	Tên ngành, nghề kinh doanh được bổ sung	Mã ngành	Ngành, nghề kinh doanh chính (*)
1	Sản xuất vải dệt kim, vải đan móc và vải không dệt khác Chi tiết: Thêu gia công trên vải, thêu các sản phẩm may mặc khác (trừ thêu trang phục)	1391	
2	Sản xuất điện Chi tiết: Điện mặt trời	3511	
3	Thoát nước và xử lý nước thải	3700	
4	Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng khác	4299	
5	Hoạt động tư vấn quản lý	7020	

* Trường hợp ngành, nghề kinh doanh được bổ sung là ngành, nghề kinh doanh chính thì đánh dấu X để chọn một trong các ngành, nghề đã kê khai

1 |-----
Văn bản này được công bố đồng thời bằng tiếng Việt và tiếng Anh. Trong trường hợp có sự khác biệt hoặc có cách hiểu khác giữa văn bản tiếng Việt và tiếng Anh thì văn bản bằng tiếng Việt sẽ được ưu tiên.

Số: 04/TT-*TNG*-ĐHĐCĐ2025

Thái Nguyên, ngày 25 tháng 3 năm 2025

TỜ TRÌNH

Về việc thay đổi ngành, nghề kinh doanh; sửa đổi, bổ sung Điều lệ công ty và phê duyệt Quy chế nội bộ về quản trị công ty sửa đổi, bổ sung năm 2025

Kính gửi: Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2025 Công ty Cổ phần Đầu tư và Thương mại TNG

Căn cứ Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 ngày 17 tháng 6 năm 2020 và các văn bản hướng dẫn thi hành;

Căn cứ Luật Chứng khoán số 54/2019/QH14 ngày 26 tháng 11 năm 2019 và các văn bản hướng dẫn thi hành;

Căn cứ Quyết định số 27/2018/QĐ-TTg ngày 06 tháng 7 năm 2018 của Thủ tướng Chính phủ về việc ban hành hệ thống ngành kinh tế Việt Nam;

Căn cứ Điều lệ Công ty cổ phần Đầu tư và Thương mại TNG;

Căn cứ tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty.

Hội đồng quản trị Công ty Cổ phần Đầu tư và Thương mại TNG kính trình Đại hội đồng cổ đông thông qua việc thay đổi ngành, nghề kinh doanh; sửa đổi, bổ sung Điều lệ công ty và phê duyệt Quy chế nội bộ về quản trị Công ty sửa đổi, bổ sung năm 2025 như sau:

I. THAY ĐỔI NGÀNH, NGHỀ KINH DOANH

1. Bổ sung ngành, nghề kinh doanh sau:

TT	Tên ngành, nghề kinh doanh được bổ sung	Mã ngành	Ngành, nghề kinh doanh chính (*)
1	Sản xuất vải dệt kim, vải đan móc và vải không dệt khác Chi tiết: Thêu gia công trên vải, thêu các sản phẩm may mặc khác (trừ thêu trang phục)	1391	
2	Sản xuất điện Chi tiết: Điện mặt trời	3511	
3	Thoát nước và xử lý nước thải	3700	
4	Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng khác	4299	
5	Hoạt động tư vấn quản lý	7020	

* Trường hợp ngành, nghề kinh doanh được bổ sung là ngành, nghề kinh doanh chính thì đánh dấu X để chọn một trong các ngành, nghề đã kê khai

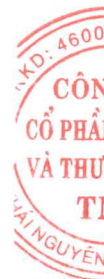
1 |-----
Văn bản này được công bố đồng thời bằng tiếng Việt và tiếng Anh. Trong trường hợp có sự khác biệt hoặc có cách hiểu khác giữa văn bản tiếng Việt và tiếng Anh thì văn bản bằng tiếng Việt sẽ được ưu tiên.

2. Bỏ ngành, nghề kinh doanh sau:

TT	Tên ngành, nghề kinh doanh được bỏ khỏi danh sách đã đăng ký	Mã ngành
1	Bán buôn máy vi tính, thiết bị ngoại vi và phần mềm	4651
2	Bán lẻ máy vi tính, thiết bị ngoại vi, phần mềm và thiết bị viễn thông trong các cửa hàng chuyên doanh	4741

3. Sửa đổi chi tiết ngành, nghề kinh doanh sau:

STT	Tên ngành, nghề kinh doanh được sửa đổi chi tiết	Mã ngành	Ngành, nghề kinh doanh chính (*)
1	Bán buôn đồ dùng khác cho gia đình (Trừ: - Các hàng hóa mà tổ chức kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài không được quyền xuất khẩu, nhập khẩu, phân phối theo quy định của pháp luật. - Các hàng hóa thuộc danh mục hàng hóa thực hiện độc quyền nhà nước trong lĩnh vực thương mại.)	4649	
2	Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khác (Trừ các hàng hóa tổ chức kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài không được thực hiện quyền xuất khẩu, quyền nhập khẩu, quyền phân phối theo quy định của pháp luật).	4659	
3	Bán lẻ thuốc, dụng cụ y tế, mỹ phẩm và vật phẩm vệ sinh trong các cửa hàng chuyên doanh (Trừ: - Các hàng hóa mà tổ chức kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài không được quyền xuất khẩu, nhập khẩu, phân phối theo quy định của pháp luật. - Các hàng hóa thuộc danh mục hàng hóa thực hiện độc quyền nhà nước trong lĩnh vực thương mại.)	4772	
4	Hoạt động dịch vụ công nghệ thông tin và dịch vụ khác liên quan đến máy vi tính Chi tiết: - Khắc phục các sự cố máy vi tính và cài đặt phần mềm; - Hoạt động tư vấn máy tính; - Dịch vụ thực hiện phần mềm; - Hoạt động công nghiệp phần mềm (hoạt động thiết kế, sản xuất và cung cấp sản phẩm và dịch vụ phần mềm): + Sản xuất phần mềm đóng gói; + Sản xuất phần mềm theo đơn đặt hàng; + Sản xuất phần mềm nhúng; + Hoạt động gia công phần mềm; + Hoạt động cung cấp, thực hiện các dịch vụ phần mềm (trừ dịch vụ tư vấn định giá phần mềm): Dịch	6209	



STT	Tên ngành, nghề kinh doanh được sửa đổi chi tiết	Mã ngành	Ngành, nghề kinh doanh chính (*)
	vụ quản trị, bảo hành, bảo trì hoạt động của phần mềm và hệ thống thông tin; Dịch vụ tư vấn, đánh giá, thẩm định chất lượng phần mềm; Dịch vụ tư vấn, xây dựng dự án phần mềm; Dịch vụ chuyển giao công nghệ phần mềm; Dịch vụ tích hợp hệ thống; Dịch vụ bảo đảm an toàn, an ninh cho sản phẩm phần mềm, hệ thống thông tin; Dịch vụ cho thuê phần mềm; Các dịch vụ phần mềm khác.		
5	Xử lý dữ liệu, cho thuê và các hoạt động liên quan (Trừ: - Kinh doanh sản phẩm, dịch vụ trung gian dữ liệu. - Kinh doanh sản phẩm, dịch vụ phân tích, tổng hợp dữ liệu. - Kinh doanh dịch vụ sàn dữ liệu.)	6311	
6	Kiểm tra và phân tích kỹ thuật Chi tiết: - Kiểm tra, thử nghiệm cơ, lý, hóa, các sản phẩm dệt may, da giày; - Giám định, chứng nhận các sản phẩm dệt may, da giày; - Kiểm tra kỹ thuật các thiết bị, máy móc ngành dệt, may và da. - Kiểm định, hiệu chuẩn các thiết bị đo lường dùng trong: + Kiểm tra, thử nghiệm cơ, lý, hóa, giám định các sản phẩm dệt may, da giày; + Kiểm tra kỹ thuật các thiết bị, máy móc ngành dệt, may và da; - Phân tích lỗi đối với: + Các sản phẩm dệt may, da giày; + Các thiết bị, máy móc ngành dệt, may và da. - Dịch vụ kiểm định, hiệu chuẩn, thử nghiệm phương tiện đo, chuẩn đo lường.	7120	



* Trường hợp ngành, nghề kinh doanh được sửa đổi là ngành, nghề kinh doanh chính thì đánh dấu X để chọn một trong các ngành, nghề đã kê khai

II. SỬA ĐỔI, BỔ SUNG ĐIỀU LỆ CÔNG TY

1. Phê duyệt việc sửa đổi, bổ sung các nội dung sau trong Điều lệ Công ty:

1.1. Sửa đổi Khoản 1 Điều 4 Điều lệ Công ty về ngành, nghề kinh doanh của Công ty theo nội dung thay đổi ngành, nghề kinh doanh nêu trên.

1.2. Sửa đổi, bổ sung nội dung các điều khoản khác trong Điều lệ Công ty, bao gồm:

- Điều 2. Tên, hình thức, trụ sở, chi nhánh, văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh và thời hạn hoạt động của Công ty

- Điều 19. Các điều kiện tiến hành họp Đại hội đồng cổ đông

- Điều 23. Nghị quyết, Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông

- Điều 25. Ứng cử, đề cử thành viên Hội đồng quản trị

- Điều 26. Thành phần và nhiệm kỳ của thành viên Hội đồng quản trị

- Điều 29. Chủ tịch Hội đồng quản trị, Phó Chủ tịch Hội đồng quản trị thường trực

- Điều 30. Cuộc họp của Hội đồng quản trị

- Điều 35. Bổ nhiệm, miễn nhiệm, nhiệm vụ và quyền hạn của Tổng giám đốc

- Điều 43. Quyên tra cứu sổ sách và hồ sơ

(Chi tiết nội dung sửa đổi, bổ sung được nêu tại bản dự thảo Điều lệ đính kèm theo Tài liệu họp Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2025)

2. Thông qua bản Điều lệ Công ty đã cập nhật các nội dung được sửa đổi, bổ sung nói trên

Điều lệ được sửa đổi, bổ sung sẽ có hiệu lực từ ngày 20/4/2025 và thay thế cho bản Điều lệ đã được ban hành ngày 29/07/2024.

(Dự thảo Điều lệ đính kèm theo Tài liệu họp Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2025)

III. PHÊ DUYỆT QUY CHẾ NỘI BỘ VỀ QUẢN TRỊ CÔNG TY (SỬA ĐỔI, BỔ SUNG NĂM 2025)

Thông qua bản Quy chế nội bộ về quản trị công ty (được sửa đổi, bổ sung năm 2025), thay thế bản Quy chế nội bộ về quản trị Công ty đã được Đại hội đồng cổ đông thông qua ngày 25/4/2021. Giao cho Hội đồng quản trị ban hành Quy chế này theo quy định của pháp luật.

(Dự thảo Quy chế nội bộ về quản trị công ty sửa đổi, bổ sung năm 2025 đính kèm theo Tài liệu họp Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2025)

Kính trình Đại hội đồng cổ đông xem xét thông qua/phê duyệt.

Nơi nhận

- Như trên;
- HĐQT;
- Lưu HC.



NGUYỄN VĂN THỜI

ĐIỀU LỆ
CÔNG TY CỔ PHẦN
CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ THƯƠNG MẠI TNG

Thái Nguyên, ngày 20 tháng 04 năm 2025

MỤC LỤC

PHẦN MỞ ĐẦU.....	5
I. ĐỊNH NGHĨA CÁC THUẬT NGỮ TRONG ĐIỀU LỆ.....	5
Điều 1. Giải thích thuật ngữ	5
II. TÊN, HÌNH THỨC, TRỤ SỞ, CHI NHÁNH, VĂN PHÒNG ĐẠI DIỆN, ĐỊA ĐIỂM KINH DOANH, THỜI HẠN HOẠT ĐỘNG VÀ NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT CỦA CÔNG TY.....	6
Điều 2. Tên, hình thức, trụ sở, chi nhánh, văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh và thời hạn hoạt động của Công ty	6
Điều 3. Người đại diện theo pháp luật của Công ty	6
III. MỤC TIÊU, PHẠM VI KINH DOANH VÀ HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY.....	7
Điều 4. Mục tiêu hoạt động của Công ty	7
Điều 5. Phạm vi kinh doanh và hoạt động của Công ty	12
IV. VỐN ĐIỀU LỆ, CỔ PHẦN, CỔ ĐÔNG SÁNG LẬP	12
Điều 6. Vốn điều lệ, cổ phần, cổ đông sáng lập	12
Điều 7. Chứng nhận cổ phiếu	13
Điều 8. Chứng chỉ chứng khoán khác	13
Điều 9. Chuyển nhượng cổ phần	14
Điều 10. Thu hồi cổ phần	14
V. CƠ CẤU TỔ CHỨC, QUẢN TRỊ VÀ KIỂM SOÁT.....	15
Điều 11. Cơ cấu tổ chức, quản trị và kiểm soát	15
VI. CỔ ĐÔNG VÀ ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG.....	15
Điều 12. Quyền của cổ đông	15
Điều 13. Nghĩa vụ của cổ đông	16
Điều 14. Đại hội đồng cổ đông	17
Điều 15. Quyền và nghĩa vụ của Đại hội đồng cổ đông	19
Điều 16. Ủy quyền tham dự họp Đại hội đồng cổ đông	21
Điều 17. Thay đổi các quyền	21
Điều 18. Triệu tập họp, chương trình họp và thông báo mời họp Đại hội đồng cổ đông	22
Điều 19. Các điều kiện tiến hành họp Đại hội đồng cổ đông	23
Điều 20. Thể thức tiến hành họp và biểu quyết tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông	24
Điều 21. Điều kiện để Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông được thông qua	26
Điều 22. Thẩm quyền và thể thức lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản để thông qua Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông	27

Điều 23. Nghị quyết, Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông	29
Điều 24. Yêu cầu hủy bỏ Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông.....	30
VII. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ.....	30
Điều 25. Ứng cử, đề cử thành viên Hội đồng quản trị	30
Điều 26. Thành phần và nhiệm kỳ của thành viên Hội đồng quản trị	32
Điều 27. Quyền hạn và nghĩa vụ của Hội đồng quản trị.....	33
Điều 28. Thù lao, thưởng và lợi ích khác của thành viên Hội đồng quản trị.....	35
Điều 29. Chủ tịch Hội đồng quản trị, Phó Chủ tịch Hội đồng quản trị.....	35
Điều 30. Cuộc họp của Hội đồng quản trị	37
Điều 31. Các tiểu ban thuộc Hội đồng quản trị	40
Điều 32. Người phụ trách quản trị công ty	40
VIII. TỔNG GIÁM ĐỐC VÀ NGƯỜI ĐIỀU HÀNH KHÁC	41
Điều 33. Tổ chức bộ máy quản lý.....	41
Điều 34. Người điều hành Công ty	41
Điều 35. Bổ nhiệm, miễn nhiệm, nhiệm vụ và quyền hạn của Tổng giám đốc	42
IX. ỦY BAN KIỂM TOÁN TRỰC THUỘC HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ	43
Điều 36. Ứng cử, đề cử thành viên Ủy ban kiểm toán.....	43
Điều 37. Thành phần Ủy ban Kiểm toán.....	43
Điều 38. Quyền và nghĩa vụ của Ủy ban kiểm toán.....	44
Điều 39. Cuộc họp của Ủy ban kiểm toán	44
Điều 40. Báo cáo hoạt động của thành viên độc lập Hội đồng quản trị trong Ủy ban kiểm toán tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông thường niên	44
X. TRÁCH NHIỆM CỦA THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, TỔNG GIÁM ĐỐC VÀ NGƯỜI ĐIỀU HÀNH KHÁC	45
Điều 41. Trách nhiệm trung thực và tránh các xung đột về quyền lợi.....	45
Điều 42. Trách nhiệm về thiệt hại và bồi thường	46
XI. QUYỀN TRA CỨU SỔ SÁCH VÀ HỒ SƠ CÔNG TY.....	47
Điều 43. Quyền tra cứu sổ sách và hồ sơ	47
XII. CÔNG NHÂN VIÊN VÀ CÔNG ĐOÀN	48
Điều 44. Công nhân viên và công đoàn.....	48
XIII. PHÂN PHỐI LỢI NHUẬN.....	48
Điều 45. Phân phối lợi nhuận	48
XIV. TÀI KHOẢN NGÂN HÀNG, NĂM TÀI CHÍNH VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN.....	49
Điều 46. Tài khoản ngân hàng.....	49
Điều 47. Năm tài chính	49

Điều 48. Chế độ kế toán	49
XV. BÁO CÁO TÀI CHÍNH, BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN VÀ TRÁCH NHIỆM CÔNG BỐ THÔNG TIN.....	49
Điều 49. Báo cáo tài chính năm, bán niên và quý	49
Điều 50. Báo cáo thường niên	50
XVI. KIỂM TOÁN CÔNG TY.....	50
Điều 51. Kiểm toán	50
XVII. DẤU CỦA DOANH NGHIỆP	50
Điều 52. Dấu của doanh nghiệp	50
XVIII. GIẢI THỂ CÔNG TY	50
Điều 53. Giải thể công ty	50
Điều 54. Gia hạn hoạt động	51
Điều 55. Thanh lý	51
XIX. GIẢI QUYẾT TRANH CHẤP NỘI BỘ	51
Điều 56. Giải quyết tranh chấp nội bộ	51
XX. BỔ SUNG VÀ SỬA ĐỔI ĐIỀU LỆ	52
Điều 57. Điều lệ công ty	52
XXI. NGÀY HIỆU LỰC	52
Điều 58. Ngày hiệu lực	52

PHẦN MỞ ĐẦU

Điều lệ này được thông qua theo Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông Công ty cổ phần Đầu tư và Thương mại TNG ngày 20 tháng 04 năm 2025.

I. ĐỊNH NGHĨA CÁC THUẬT NGỮ TRONG ĐIỀU LỆ

Điều 1. Giải thích thuật ngữ

1. Trong Điều lệ này, những thuật ngữ dưới đây được hiểu như sau:

a) *Vốn điều lệ* là tổng mệnh giá cổ phần đã bán hoặc được đăng ký mua khi thành lập công ty cổ phần và theo quy định tại Điều 6 Điều lệ này;

b) *Vốn có quyền biểu quyết* là vốn cổ phần, theo đó người sở hữu có quyền biểu quyết về những vấn đề thuộc thẩm quyền quyết định của Đại hội đồng cổ đông;

c) *Luật Doanh nghiệp* là Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 được Quốc hội nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 17 tháng 6 năm 2020;

d) *Luật Chứng khoán* là Luật Chứng khoán số 54/2019/QH14 được Quốc hội nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 26 tháng 11 năm 2019;

đ) *Việt Nam* là nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam;

e) *Ngày thành lập* là ngày Công ty được cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp (Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh và các giấy tờ có giá trị tương đương) lần đầu;

g) *Người điều hành doanh nghiệp* là Tổng giám đốc, Phó tổng giám đốc, Kế toán trưởng, Giám đốc các Chi nhánh, Trưởng Văn phòng Đại diện và người điều hành khác được Hội đồng quản trị bổ nhiệm;

h) *Người quản lý doanh nghiệp* là người quản lý công ty, bao gồm Chủ tịch Hội đồng quản trị, thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc và cá nhân giữ chức danh quản lý khác theo quy định tại Điều lệ công ty;

i) *Người có liên quan* là cá nhân, tổ chức được quy định tại khoản 46 Điều 4 Luật Chứng khoán;

k) *Cổ đông* là cá nhân, tổ chức sở hữu ít nhất một cổ phần của công ty cổ phần;

l) *Cổ đông sáng lập* là cổ đông sở hữu ít nhất một cổ phần phổ thông và ký tên trong danh sách cổ đông sáng lập công ty cổ phần;

m) *Cổ đông lớn* là cổ đông được quy định tại khoản 18 Điều 4 Luật Chứng khoán;

n) *Thời hạn hoạt động* là thời gian hoạt động của Công ty được quy định tại Điều 2 Điều lệ này và thời gian gia hạn (nếu có) được Đại hội đồng cổ đông của Công ty thông qua;

o) *Sở giao dịch chứng khoán* là Sở giao dịch chứng khoán Việt Nam và các công ty con.

2. Trong Điều lệ này, các tham chiếu tới một hoặc một số quy định hoặc văn bản khác bao gồm cả những sửa đổi, bổ sung hoặc văn bản thay thế.

3. Các tiêu đề (Mục, Điều của Điều lệ này) được sử dụng nhằm thuận tiện cho việc hiểu nội dung và không ảnh hưởng tới nội dung của Điều lệ này.

II. TÊN, HÌNH THỨC, TRỤ SỞ, CHI NHÁNH, VĂN PHÒNG ĐẠI DIỆN, ĐỊA ĐIỂM KINH DOANH, THỜI HẠN HOẠT ĐỘNG VÀ NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT CỦA CÔNG TY

Điều 2. Tên, hình thức, trụ sở, chi nhánh, văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh và thời hạn hoạt động của Công ty

1. Tên Công ty

- Tên Công ty viết bằng tiếng Việt: CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ THƯƠNG MẠI TNG

- Tên Công ty viết bằng tiếng nước ngoài: TNG INVESTMENT AND TRADING JOINT STOCK COMPANY

- Tên Công ty viết tắt: TNG

2. Công ty là công ty cổ phần có tư cách pháp nhân phù hợp với pháp luật hiện hành của Việt Nam.

3. Trụ sở đăng ký của Công ty:

- Địa chỉ trụ sở chính: Số 434/1, đường Bắc Kạn, Phường Hoàng Văn Thụ, Thành phố Thái Nguyên, Tỉnh Thái Nguyên, Việt Nam

- Điện thoại: 02803854462 - 855617

- Fax: 0280- 3852 060

- E-mail: info@tng.vn

- Website: <http://www.tng.vn>

4. Công ty có thể thành lập chi nhánh và văn phòng đại diện tại địa bàn kinh doanh để thực hiện các mục tiêu hoạt động của Công ty phù hợp với quyết định của Hội đồng quản trị và trong phạm vi luật pháp cho phép.

5. Trừ khi chấm dứt hoạt động trước thời hạn quy định tại khoản 2 Điều 53 hoặc gia hạn hoạt động theo quy định tại Điều 54 Điều lệ này, thời hạn hoạt động của Công ty là vô thời hạn kể từ ngày thành lập.

Điều 3. Người đại diện theo pháp luật của Công ty

1. Công ty có [01] người đại diện theo pháp luật là Chủ tịch Hội đồng quản trị.

2. Quyền hạn và nghĩa vụ của người đại diện theo pháp luật: Người đại diện theo pháp luật của Công ty có quyền và trách nhiệm theo quy định của pháp luật và Điều lệ này.

III. MỤC TIÊU, PHẠM VI KINH DOANH VÀ HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY

Điều 4. Mục tiêu hoạt động của Công ty

1. Ngành, nghề kinh doanh của Công ty:

STT	Tên ngành, nghề kinh doanh	Mã ngành
1	Sản xuất khác chưa được phân vào đâu Chi tiết: Sản xuất trang thiết bị bảo vệ an toàn như: Sản xuất quần áo chống cháy và bảo vệ an toàn; Sản xuất quần áo amiăng (như bộ bảo vệ chống cháy; Sản xuất quần áo bảo vệ và quần áo chống lửa).	3290
2	Bán buôn chuyên doanh khác chưa được phân vào đâu Chi tiết: Bán buôn đồ bảo hộ lao động; Bán buôn trang thiết bị PCCC. <i>(Trừ các hàng hóa mà tổ chức kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài không được quyền xuất khẩu, nhập khẩu, phân phối theo quy định của pháp luật)</i>	4669
3	Bán buôn tổng hợp <i>(Trừ các hàng hóa mà tổ chức kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài không được quyền xuất khẩu, nhập khẩu, phân phối theo quy định của pháp luật)</i>	4690
4	Bán lẻ hàng hóa khác mới trong các cửa hàng chuyên doanh Chi tiết: - Bán lẻ đồ bảo hộ lao động; Bán lẻ trang thiết bị PCCC (Trừ các hàng hóa mà tổ chức kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài không được quyền xuất khẩu, nhập khẩu, phân phối theo quy định của pháp luật). - Bán lẻ máy móc, thiết bị ngành dệt, may và da.	4773
5	Bán lẻ theo yêu cầu đặt hàng qua bưu điện hoặc internet <i>(Trừ các hàng hóa mà tổ chức kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài không được quyền xuất khẩu, nhập khẩu, phân phối theo quy định của pháp luật)</i>	4791
6	Bán lẻ hình thức khác chưa được phân vào đâu <i>(Trừ các hàng hóa mà tổ chức kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài không được quyền xuất khẩu, nhập khẩu, phân phối theo quy định của pháp luật)</i>	4799
7	Dịch vụ hỗ trợ tổng hợp	8110
8	Dịch vụ chăm sóc và duy trì cảnh quan	8130
9	Hoạt động của các công viên vui chơi và công viên theo chủ đề	9321
10	Hoạt động thể thao khác	9319

7 |-----
Văn bản này được công bố đồng thời bằng tiếng Việt và tiếng Anh. Trong trường hợp có sự khác biệt hoặc có cách hiểu khác giữa văn bản tiếng Việt và tiếng Anh thì văn bản bằng tiếng Việt sẽ được ưu tiên.

11	Hoạt động của các câu lạc bộ thể thao	9312
12	Hoạt động vui chơi giải trí khác chưa được phân vào đâu	9329
13	Dịch vụ lưu trú ngắn ngày	5510
14	Cơ sở lưu trú khác	5590
15	Tư vấn, môi giới, đấu giá bất động sản, đấu giá quyền sử dụng đất (Không bao gồm đấu giá bất động sản, đấu giá quyền sử dụng đất.) Chi tiết: - Việc cung cấp các hoạt động kinh doanh bất động sản trên cơ sở phí hoặc hợp đồng bao gồm các dịch vụ liên quan đến bất động sản như: + Hoạt động của các đại lý kinh doanh bất động sản và môi giới. + Trung gian trong việc mua, bán hoặc cho thuê bất động sản trên cơ sở phí hoặc hợp đồng. + Quản lý bất động sản trên cơ sở phí hoặc hợp đồng. + Dịch vụ quản lý, vận hành nhà chung cư. + Sàn giao dịch bất động sản.	6820
16	Khai thác, xử lý và cung cấp nước	3600
17	Xây dựng công trình cấp, thoát nước	4222
18	Hoạt động của các cơ sở thể thao	9311
19	Sản xuất thiết bị, dụng cụ y tế, nha khoa, chỉnh hình và phục hồi chức năng Chi tiết: Sản xuất trang thiết bị y tế	3250
20	Giáo dục khác chưa được phân vào đâu (đào tạo nghề may công nghiệp, dạy ngoại ngữ);	8559
21	Khai thác đá, cát, sỏi, đất sét	0810
22	Sản xuất hàng dệt sẵn (trừ trang phục)	1392
23	Hoạt động của các trung tâm, đại lý tư vấn, giới thiệu và môi giới lao động, việc làm (Trừ dịch vụ đưa người lao động đi làm việc ở nước ngoài theo hợp đồng như quy định tại khoản 6 Mục A, Phụ lục I của Nghị định 31/2021/NĐ-CP do Chính Phủ ban hành ngày 26/03/2021)	7810
24	Bán buôn đồ dùng khác cho gia đình (Trừ: - Các hàng hóa mà tổ chức kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài không được quyền xuất khẩu, nhập khẩu, phân phối theo quy định của pháp luật - Các hàng hóa thuộc danh mục hàng hóa thực hiện độc quyền nhà nước trong lĩnh vực thương mại)	4649
25	Bán lẻ thuốc, dụng cụ y tế, mỹ phẩm và vật phẩm vệ sinh trong các cửa hàng chuyên doanh	4772

	(Trừ: - Các hàng hóa mà tổ chức kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài không được quyền xuất khẩu, nhập khẩu, phân phối theo quy định của pháp luật. - Các hàng hóa thuộc danh mục hàng hóa thực hiện độc quyền nhà nước trong lĩnh vực thương mại)	
26	Giặt là, làm sạch các sản phẩm dệt và lông thú Chi tiết: Giặt, là công nghiệp các sản phẩm may mặc.	9620
27	May trang phục (trừ trang phục từ da lông thú)	1410 (Chính)
28	Sản xuất trang phục dệt kim, đan móc	1430
29	Sản xuất giấy nhãn, bì nhãn, bao bì từ giấy và bì (sản xuất bao bì giấy);	1702
30	Sản xuất sản phẩm từ plastic (sản xuất nhựa làm túi nilon, áo mưa nilon và nguyên phụ liệu hàng may mặc);	2220
31	Bán buôn vải, hàng may sẵn, giày dép	4641
32	Bán lẻ hàng may mặc, giày dép, hàng da và giả da trong các cửa hàng chuyên doanh	4771
33	In ấn (in trực tiếp lên vải dệt, nhựa, bao bì carton, túi PE);	1811
34	Hoàn thiện sản phẩm dệt Chi tiết: In trên lụa (bao gồm in nhiệt) trên trang phục);	1313
35	Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê (Trừ Đầu tư xây dựng hạ tầng nghĩa trang, nghĩa địa để chuyển nhượng quyền sử dụng đất gắn với hạ tầng” thuộc Mục A.7 Nghị định 31/2021/NĐ-CP”	6810
36	Xuất bản phần mềm	5820
37	Lập trình máy vi tính	6201
38	Tư vấn máy vi tính và quản trị hệ thống máy vi tính	6202
39	Hoạt động dịch vụ công nghệ thông tin và dịch vụ khác liên quan đến máy vi tính Chi tiết: - Khắc phục các sự cố máy vi tính và cài đặt phần mềm; - Hoạt động tư vấn máy tính; - Dịch vụ thực hiện phần mềm;	6209

	<p>- Hoạt động công nghiệp phần mềm (hoạt động thiết kế, sản xuất và cung cấp sản phẩm và dịch vụ phần mềm):</p> <ul style="list-style-type: none"> + Sản xuất phần mềm đóng gói; + Sản xuất phần mềm theo đơn đặt hàng; + Sản xuất phần mềm nhúng; + Hoạt động gia công phần mềm; + Hoạt động cung cấp, thực hiện các dịch vụ phần mềm (trừ dịch vụ tư vấn định giá phần mềm): Dịch vụ quản trị, bảo hành, bảo trì hoạt động của phần mềm và hệ thống thông tin; Dịch vụ tư vấn, đánh giá, thẩm định chất lượng phần mềm; Dịch vụ tư vấn, xây dựng dự án phần mềm; Dịch vụ chuyển giao công nghệ phần mềm; Dịch vụ tích hợp hệ thống; Dịch vụ bảo đảm an toàn, an ninh cho sản phẩm phần mềm, hệ thống thông tin; Dịch vụ cho thuê phần mềm; Các dịch vụ phần mềm khác. 	
40	<p>Xử lý dữ liệu, cho thuê và các hoạt động liên quan (Trừ:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Kinh doanh sản phẩm, dịch vụ trung gian dữ liệu. - Kinh doanh sản phẩm, dịch vụ phân tích, tổng hợp dữ liệu. - Kinh doanh dịch vụ sàn dữ liệu) 	6311
41	Hoạt động kiến trúc và tư vấn kỹ thuật có liên quan	7110
42	<p>Kiểm tra và phân tích kỹ thuật Chi tiết:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Kiểm tra, thử nghiệm cơ, lý, hóa, các sản phẩm dệt may, da giày; - Giám định, chứng nhận các sản phẩm dệt may, da giày; - Kiểm tra kỹ thuật các thiết bị, máy móc ngành dệt, may và da. - Kiểm định, hiệu chuẩn các thiết bị đo lường dùng trong: + Kiểm tra, thử nghiệm cơ, lý, hóa, giám định các sản phẩm dệt may, da giày; + Kiểm tra kỹ thuật các thiết bị, máy móc ngành dệt, may và da; - Phân tích lỗi đối với: + Các sản phẩm dệt may, da giày; + Các thiết bị, máy móc ngành dệt, may và da. - Dịch vụ kiểm định, hiệu chuẩn, thử nghiệm phương tiện đo, chuẩn đo lường. 	7120
43	Sản xuất sản phẩm khác bằng kim loại chưa được phân vào đâu	2599
44	Sản xuất linh kiện điện tử	2610
45	Sản xuất thiết bị đo lường, kiểm tra, định hướng và điều khiển	2651
46	Sản xuất thiết bị điện chiếu sáng	2740
47	Sản xuất máy thông dụng khác	2819

48	Sản xuất máy cho ngành dệt, may và da	2826
49	Sản xuất máy chuyên dụng khác	2829
50	Sửa chữa các sản phẩm kim loại đúc sẵn	3311
51	Sửa chữa máy móc, thiết bị	3312
52	Sửa chữa thiết bị điện tử và quang học	3313
53	Sửa chữa thiết bị điện	3314
54	Sửa chữa thiết bị khác	3319
55	Lắp đặt máy móc và thiết bị công nghiệp	3320
56	Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khác <i>(Trừ các hàng hóa tổ chức kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài không được thực hiện quyền xuất khẩu, quyền nhập khẩu, quyền phân phối theo quy định của pháp luật).</i>	4659
57	Sao chép bản ghi các loại	1820
58	Hoạt động chuyên môn, khoa học và công nghệ khác chưa được phân vào đâu <i>(Trừ thẩm định giá)</i>	7490
59	Cho thuê máy móc, thiết bị và đồ dùng hữu hình khác không kèm người điều khiển Chi tiết: Cho thuê máy móc, thiết bị ngành dệt may	7730
60	Cho thuê tài sản vô hình phi tài chính	7740
61	Sản xuất vải dệt kim, vải đan móc và vải không dệt khác Chi tiết: Thêu gia công trên vải, thêu các sản phẩm may mặc khác (trừ thêu trang phục)	1391
62	Sản xuất điện Chi tiết: Điện mặt trời	3511
63	Thoát nước và xử lý nước thải	3700
64	Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng khác	4299
65	Hoạt động tư vấn quản lý	7020

2. Mục tiêu hoạt động của Công ty:

- Trở thành công ty toàn cầu về sản xuất các sản phẩm thời trang và nhượng quyền thương mại các nhãn hiệu thời trang quốc tế.
- Sản xuất và Xuất khẩu trực tiếp các sản phẩm may mặc.
- Cung cấp các giải pháp quản trị trong ngành dệt may, da giày.
- Sản xuất và phân phối máy móc, thiết bị trong ngành dệt may, da giày.

Điều 5. Phạm vi kinh doanh và hoạt động của Công ty

Công ty được phép tiến hành hoạt động kinh doanh theo các ngành nghề quy định tại Điều lệ này đã đăng ký, thông báo thay đổi nội dung đăng ký với cơ quan đăng ký kinh doanh và đã công bố trên Cổng thông tin đăng ký doanh nghiệp quốc gia [Trường hợp Công ty kinh doanh ngành nghề đầu tư kinh doanh có điều kiện, Công ty phải đáp ứng đủ điều kiện kinh doanh theo quy định của Luật đầu tư, pháp luật chuyên ngành liên quan].

IV. VỐN ĐIỀU LỆ, CỔ PHẦN, CỔ ĐÔNG SÁNG LẬP**Điều 6. Vốn điều lệ, cổ phần, cổ đông sáng lập**

1. Vốn điều lệ của Công ty là [1.226.012.060.000] đồng (bằng chữ: Một nghìn hai trăm hai mươi sáu tỷ không trăm mười hai triệu không trăm sáu mươi nghìn đồng)

Tổng số vốn điều lệ của Công ty được chia thành [122.601.206] cổ phần phổ thông với mệnh giá là [10.000] đồng/cổ phần.

2. Công ty có thể thay đổi vốn điều lệ khi được Đại hội đồng cổ đông thông qua và phù hợp với các quy định của pháp luật. Vốn điều lệ của Công ty được góp bằng tiền Việt Nam đồng, ngoại tệ tự do chuyển đổi, vàng, giá trị quyền sử dụng đất, giá trị quyền sở hữu trí tuệ, công nghệ, bí quyết kỹ thuật, các tài sản khác được hội đồng định giá của Công ty xác định và đánh giá qui về tiền đồng Việt Nam để làm cơ sở xác định cổ phần và hạch toán của Công ty

3. Các cổ phần của Công ty vào ngày thông qua Điều lệ này bao gồm cổ phần phổ thông và cổ phần ưu đãi (nếu có). Các quyền và nghĩa vụ của cổ đông nắm giữ từng loại cổ phần được quy định tại Điều 12, Điều 13 Điều lệ này.

4. Công ty có thể phát hành các loại cổ phần ưu đãi khác sau khi có sự chấp thuận của Đại hội đồng cổ đông và phù hợp với các quy định của pháp luật.

Công ty có thể phát hành cổ phần với giá trả góp thành nhiều đợt. Kỳ hạn trả góp và số tiền trả định kỳ phải được xác định tại thời điểm phát hành cổ phiếu.

5. Tên, địa chỉ, số lượng cổ phần và các thông tin khác về cổ đông sáng lập theo quy định của Luật Doanh nghiệp.

Cổ phần phổ thông phải được ưu tiên chào bán cho các cổ đông hiện hữu theo tỷ lệ tương ứng với tỷ lệ sở hữu cổ phần phổ thông của họ trong Công ty, trừ trường hợp Đại hội đồng cổ đông quyết định khác, Công ty phải thông báo việc chào bán số cổ phần, trong thông báo phải nêu rõ số cổ phần được chào bán và thời hạn đăng ký mua phù hợp (tối thiểu 90 ngày) để cổ đông có thể đăng ký mua, số cổ phần cổ đông không đăng ký mua hết sẽ do Hội đồng quản trị của Công ty quyết định. Hội đồng quản trị có thể phân phối số cổ phần đó cho cổ đông và người khác với điều kiện không thuận lợi hơn so với những điều kiện đã chào bán cho các cổ đông hiện hữu trừ trường hợp Đại hội đồng cổ đông có chấp thuận khác.

6. Công ty có thể mua lại cổ phần do chính Công ty đã phát hành theo những cách thức được quy định trong Điều lệ này và pháp luật hiện hành. Sau khi mua lại cổ phần, Công ty thực hiện các thủ tục cần thiết theo quy định của pháp luật.

7. Công ty có thể phát hành các loại chứng khoán khác theo quy định của pháp luật.

Điều 7. Chứng nhận cổ phiếu

1. Cổ đông của Công ty được cấp chứng nhận cổ phiếu tương ứng với số cổ phần và loại cổ phần sở hữu, trừ trường hợp quy định tại Khoản 6 Điều 7

2. Cổ phiếu là loại chứng khoán xác nhận quyền và lợi ích hợp pháp của người sở hữu đối với một phần vốn cổ phần của tổ chức phát hành. Cổ phiếu phải có đầy đủ các nội dung theo quy định tại khoản 1 Điều 121 Luật Doanh nghiệp. Trường hợp chỉ chuyển nhượng một số cổ phần ghi danh trong một chứng chỉ cổ phiếu ghi danh, chứng chỉ cũ sẽ bỏ.

3. Trong thời hạn [30] kể từ ngày nộp đầy đủ hồ sơ đề nghị chuyển quyền sở hữu cổ phần theo quy định của Công ty hoặc trong thời hạn [30] kể từ ngày thanh toán đầy đủ tiền mua cổ phần theo quy định tại phương án phát hành cổ phiếu của Công ty (hoặc thời hạn khác theo điều khoản phát hành quy định), người sở hữu số cổ phần được cấp chứng nhận cổ phiếu. Người sở hữu cổ phần không phải trả cho Công ty chi phí in chứng nhận cổ phiếu.

4. Trường hợp cổ phiếu bị mất, bị hư hỏng hoặc bị hủy hoại dưới hình thức khác thì cổ đông được Công ty cấp lại cổ phiếu theo đề nghị của cổ đông đó và cổ đông thanh toán mọi chi phí liên quan cho Công ty. Đề nghị của cổ đông phải bao gồm các nội dung sau đây:

a) Thông tin về cổ phiếu đã bị mất, bị hư hỏng hoặc bị hủy hoại dưới hình thức khác;

b) Cam kết chịu trách nhiệm về những tranh chấp phát sinh từ việc cấp lại cổ phiếu mới.

5. Người sở hữu chứng chỉ cổ phiếu vô danh phải tự chịu trách nhiệm về việc bảo quản chứng chỉ và Công ty sẽ không chịu trách nhiệm trong các trường hợp chứng chỉ này bị mất cắp hoặc bị sử dụng với mục đích lừa đảo.

6. Công ty có thể phát hành cổ phần ghi danh không theo hình thức chứng chỉ. Hội đồng quản trị có thể ban hành văn bản quy định cho phép các cổ phần ghi danh (theo hình thức chứng chỉ hoặc không chứng chỉ) được chuyển nhượng mà không bắt buộc phải có văn bản chuyển nhượng. Hội đồng quản trị có thể ban hành các quy định về chứng chỉ và chuyển nhượng cổ phần theo các quy định của Luật doanh nghiệp, pháp luật về chứng khoán và thị trường chứng khoán và Điều lệ này

Điều 8. Chứng chỉ chứng khoán khác

Chứng chỉ trái phiếu hoặc chứng chỉ chứng khoán khác của Công ty được phát hành có chữ ký của người đại diện theo pháp luật và dấu của Công ty trừ trường hợp mà các điều khoản và điều kiện phát hành quy định khác

Điều 9. Chuyển nhượng cổ phần

1. Tất cả các cổ phần được tự do chuyển nhượng trừ trường hợp pháp luật có quy định khác, Điều lệ này hoặc Đại hội đồng cổ đông hoặc Hội đồng quản trị có quy định về hạn chế chuyển nhượng cổ phần. Cổ phiếu niêm yết, đăng ký giao dịch trên Sở giao dịch chứng khoán được chuyển nhượng theo các quy định của pháp luật về chứng khoán và thị trường chứng khoán.
2. Cổ phần chưa được thanh toán đầy đủ không được chuyển nhượng và hưởng các quyền lợi liên quan như quyền nhận cổ tức, quyền nhận cổ phiếu phát hành để tăng vốn cổ phần từ nguồn vốn chủ sở hữu, quyền mua cổ phiếu mới chào bán và các quyền lợi khác theo quy định của pháp luật.

Điều 10. Thu hồi cổ phần

1. Trường hợp cổ đông không thanh toán đầy đủ và đúng hạn số tiền phải trả để mua cổ phiếu, Hội đồng quản trị thông báo và có quyền yêu cầu cổ đông đó thanh toán số tiền còn lại và chịu trách nhiệm tương ứng với tổng mệnh giá cổ phần đã đăng ký mua đối với nghĩa vụ tài chính của Công ty phát sinh do việc không thanh toán đầy đủ. Trường hợp cổ đông vay tiền của Công ty để mua cổ phiếu mà không thanh toán đầy đủ, đúng hạn số tiền vay theo cam kết thì Hội đồng quản trị gửi thông báo yêu cầu thanh toán số tiền gốc và lãi suất, cộng với những chi phí phát sinh do việc không thanh toán này gây ra. Trong trường hợp cổ đông gặp khó khăn không thanh toán được đúng thời hạn thì phải làm đơn xin gia hạn gửi HĐQT hoặc xin bán lại cổ phần cho Công ty. Trong thời gian 30 ngày HĐQT phải xem xét trả lời có đồng ý cho gia hạn hoặc mua lại hay không, thời gian cho gia hạn tối đa là 60 ngày
2. Thông báo thanh toán nêu trên phải ghi rõ thời hạn thanh toán mới (tối thiểu là [07 ngày] kể từ ngày gửi thông báo), địa điểm thanh toán và thông báo phải ghi rõ trường hợp không thanh toán theo đúng yêu cầu, số cổ phần chưa thanh toán hết sẽ bị thu hồi.
3. Hội đồng quản trị có quyền thu hồi các cổ phần chưa thanh toán đầy đủ và đúng hạn trong trường hợp các yêu cầu trong thông báo nêu trên không được thực hiện.
4. Cổ phần bị thu hồi được coi là các cổ phần được quyền chào bán quy định tại khoản 3 Điều 112 Luật Doanh nghiệp. Hội đồng quản trị có thể trực tiếp hoặc ủy quyền bán, tái phân phối theo những điều kiện và cách thức mà Hội đồng quản trị thấy là phù hợp.
5. Cổ đông nắm giữ cổ phần bị thu hồi phải từ bỏ tư cách cổ đông đối với những cổ phần đó, nhưng vẫn phải chịu trách nhiệm tương ứng với tổng mệnh giá cổ phần đã đăng ký mua đối với nghĩa vụ tài chính của Công ty phát sinh vào thời điểm thu hồi theo quyết định của Hội đồng quản trị kể từ ngày thu hồi cho đến ngày thực hiện thanh toán. Hội đồng quản trị có toàn quyền quyết định việc cưỡng chế thanh toán toàn bộ giá trị cổ phiếu vào thời điểm thu hồi hoặc có thể miễn giảm thanh toán một phần hoặc toàn bộ số tiền đó.

6. Thông báo thu hồi được gửi đến người nắm giữ cổ phần bị thu hồi trước thời điểm thu hồi. Việc thu hồi vẫn có hiệu lực kể cả trong trường hợp có sai sót hoặc bất cẩn trong việc gửi thông báo.

7. Trong trường hợp một cổ đông qua đời, Công ty chấp nhận những người sau đây có quyền sở hữu một phần hoặc toàn bộ cổ phần của người đã mất:

7.1- Người thừa kế theo di chúc, người thừa kế theo pháp luật.

7.2- Trường hợp có nhiều người cùng được thừa kế, Công ty không giải quyết các tranh chấp giữa những người thừa kế.

7.3- Khi được quyền thừa kế hợp pháp, người được quyền thừa kế được đăng ký làm chủ sở hữu các cổ phần được thừa kế, trở thành cổ đông mới và được hưởng mọi quyền lợi và nghĩa vụ của cổ đông.

V. CƠ CẤU TỔ CHỨC, QUẢN TRỊ VÀ KIỂM SOÁT

Điều 11. Cơ cấu tổ chức, quản trị và kiểm soát

Cơ cấu tổ chức quản lý, quản trị và kiểm soát của Công ty bao gồm:

1. Đại hội đồng cổ đông.
2. Hội đồng quản trị, Ủy ban kiểm toán trực thuộc Hội đồng quản trị.
3. Tổng giám đốc.

VI. CỔ ĐÔNG VÀ ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG

Điều 12. Quyền của cổ đông

1. Cổ đông phổ thông có các quyền sau:

a) Tham dự, phát biểu trong cuộc họp Đại hội đồng cổ đông và thực hiện quyền biểu quyết trực tiếp hoặc thông qua người đại diện theo ủy quyền hoặc hình thức khác do Điều lệ công ty, pháp luật quy định. Mỗi cổ phần phổ thông có một phiếu biểu quyết;

b) Nhận cổ tức với mức theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông;

c) Ưu tiên mua cổ phần mới tương ứng với tỷ lệ sở hữu cổ phần phổ thông của từng cổ đông trong Công ty;

d) Tự do chuyển nhượng cổ phần của mình cho người khác, trừ trường hợp quy định tại khoản 3 Điều 120, khoản 1 Điều 127 Luật Doanh nghiệp và quy định khác của pháp luật có liên quan;

đ) Xem xét, tra cứu và trích lục thông tin về tên và địa chỉ liên lạc trong danh sách cổ đông có quyền biểu quyết; yêu cầu sửa đổi thông tin không chính xác của mình;

- e) Xem xét, tra cứu, trích lục hoặc sao chụp Điều lệ công ty, biên bản họp Đại hội đồng cổ đông và Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông;
- g) Khi Công ty giải thể hoặc phá sản, được nhận một phần tài sản còn lại tương ứng với tỷ lệ sở hữu cổ phần tại Công ty;
- h) Yêu cầu Công ty mua lại cổ phần trong các trường hợp quy định tại Điều 132 Luật Doanh nghiệp;
- i) Được đối xử bình đẳng. Mỗi cổ phần của cùng một loại đều tạo cho cổ đông sở hữu các quyền, nghĩa vụ và lợi ích ngang nhau. Trường hợp Công ty có các loại cổ phần ưu đãi, các quyền và nghĩa vụ gắn liền với các loại cổ phần ưu đãi phải được Đại hội đồng cổ đông thông qua và công bố đầy đủ cho cổ đông;
- k) Được tiếp cận đầy đủ thông tin định kỳ và thông tin bất thường do Công ty công bố theo quy định của pháp luật;
- l) Được bảo vệ các quyền, lợi ích hợp pháp của mình; đề nghị đình chỉ, hủy bỏ nghị quyết, quyết định của Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị theo quy định của Luật Doanh nghiệp;
- m) Các quyền khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ này.

2. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông sở hữu từ [05%] tổng số cổ phần phổ thông trở lên có các quyền sau:

- a) Yêu cầu Hội đồng quản trị thực hiện việc triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo các quy định tại khoản 3 Điều 115 và Điều 140 Luật Doanh nghiệp;
- b) Xem xét, tra cứu, trích lục số biên bản và nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị, báo cáo tài chính bán niên và hằng năm, hợp đồng, giao dịch phải thông qua Hội đồng quản trị và tài liệu khác, trừ tài liệu liên quan đến bí mật thương mại, bí mật kinh doanh của Công ty;
- c) Kiến nghị vấn đề đưa vào chương trình họp Đại hội đồng cổ đông. Kiến nghị phải bằng văn bản và được gửi đến Công ty chậm nhất là [03 ngày] làm việc trước ngày khai mạc. Kiến nghị phải ghi rõ tên cổ đông, số lượng từng loại cổ phần của cổ đông, vấn đề kiến nghị đưa vào chương trình họp;
- d) Các quyền khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ này.

3. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông sở hữu từ [10%] tổng số cổ phần phổ thông trở lên có quyền đề cử người vào Hội đồng quản trị theo quy định tại Điều 25 Điều lệ này.

Điều 13. Nghĩa vụ của cổ đông

Cổ đông phổ thông có các nghĩa vụ sau:

- 1. Thanh toán đủ và đúng thời hạn số cổ phần cam kết mua. Cung cấp địa chỉ chính xác khi đăng ký mua cổ phần

2. Không được rút vốn đã góp bằng cổ phần phổ thông ra khỏi Công ty dưới mọi hình thức, trừ trường hợp được Công ty hoặc người khác mua lại cổ phần. Trường hợp có cổ đông rút một phần hoặc toàn bộ vốn cổ phần đã góp trái với quy định tại khoản này thì cổ đông đó và người có lợi ích liên quan trong Công ty phải cùng liên đới chịu trách nhiệm về các khoản nợ và nghĩa vụ tài sản khác của Công ty trong phạm vi giá trị cổ phần đã bị rút và các thiệt hại xảy ra.
3. Tuân thủ Điều lệ công ty và Quy chế quản lý nội bộ của Công ty.
4. Chấp hành Nghị quyết, quyết định của Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị.
5. Bảo mật các thông tin được Công ty cung cấp theo quy định tại Điều lệ công ty và pháp luật; chỉ sử dụng thông tin được cung cấp để thực hiện và bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của mình; nghiêm cấm phát tán hoặc sao, gửi thông tin được Công ty cung cấp cho tổ chức, cá nhân khác.
6. Tham dự cuộc họp Đại hội đồng cổ đông và thực hiện quyền biểu quyết thông qua các hình thức sau:
 - a) Tham dự và biểu quyết trực tiếp tại cuộc họp;
 - b) Ủy quyền cho cá nhân, tổ chức khác tham dự và biểu quyết tại cuộc họp;
 - c) Tham dự và biểu quyết thông qua hội nghị trực tuyến, bỏ phiếu điện tử hoặc hình thức điện tử khác;
 - d) Gửi phiếu biểu quyết đến cuộc họp thông qua thư, fax, thư ;
 - đ) Gửi phiếu biểu quyết bằng [phương tiện khác] theo quy định trong Điều lệ công ty.
7. Chịu trách nhiệm cá nhân khi nhân danh Công ty dưới mọi hình thức để thực hiện một trong các hành vi sau đây:
 - a) Vi phạm pháp luật;
 - b) Tiến hành kinh doanh và các giao dịch khác để tư lợi hoặc phục vụ lợi ích của tổ chức, cá nhân khác;
 - c) Thanh toán các khoản nợ chưa đến hạn trước các rủi ro tài chính đối với Công ty.
8. Hoàn thành các nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật hiện hành.

Điều 14. Đại hội đồng cổ đông

1. Đại hội đồng cổ đông gồm tất cả cổ đông có quyền biểu quyết, là cơ quan quyết định cao nhất của Công ty. Đại hội đồng cổ đông họp thường niên mỗi năm một lần và trong thời hạn bốn (04) tháng kể từ ngày kết thúc năm tài chính. Trừ trường hợp Điều lệ công ty có quy định khác, Hội đồng quản trị quyết định gia hạn họp Đại hội đồng cổ đông thường niên trong trường hợp cần thiết, nhưng không quá 06 tháng kể từ ngày kết thúc năm tài chính. Ngoài cuộc họp

thường niên, Đại hội đồng cổ đông có thể họp bất thường. Địa điểm họp Đại hội đồng cổ đông được xác định là nơi chủ tọa tham dự họp và phải ở trên lãnh thổ Việt Nam.

2. Hội đồng quản trị triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông thường niên và lựa chọn địa điểm phù hợp. Đại hội đồng cổ đông thường niên quyết định những vấn đề theo quy định của pháp luật và Điều lệ công ty, đặc biệt thông qua báo cáo tài chính năm được kiểm toán. Trường hợp Báo cáo kiểm toán báo cáo tài chính năm của Công ty có các khoản ngoại trừ trọng yếu, ý kiến kiểm toán trái ngược hoặc từ chối, Công ty phải mời đại diện tổ chức kiểm toán được chấp thuận thực hiện kiểm toán báo cáo tài chính của Công ty dự họp Đại hội đồng cổ đông thường niên và đại diện tổ chức kiểm toán được chấp thuận nêu trên có trách nhiệm tham dự họp Đại hội đồng cổ đông thường niên của Công ty.

3. Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông bất thường trong các trường hợp sau:

a) Hội đồng quản trị xét thấy cần thiết vì lợi ích của Công ty;

b) Số lượng thành viên Hội đồng quản trị còn lại ít hơn số lượng thành viên tối thiểu theo quy định của pháp luật;

c) Theo yêu cầu của cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại khoản 2 Điều 115 của Luật Doanh nghiệp; yêu cầu triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông phải được thể hiện bằng văn bản, trong đó nêu rõ lý do và mục đích cuộc họp, có đủ chữ ký của các cổ đông liên quan hoặc văn bản yêu cầu được lập thành nhiều bản và tập hợp đủ chữ ký của các cổ đông có liên quan;

d) Bảng cân đối kế toán hàng năm, các báo cáo quý hoặc nửa năm hoặc báo cáo kiểm toán của năm tài chính phản ánh vốn điều lệ đã bị mất một nửa

đ. Các trường hợp khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ này.

4. Triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông bất thường

a) Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông trong thời hạn [30] ngày kể từ ngày số thành viên Hội đồng quản trị, thành viên độc lập Hội đồng quản trị còn lại như quy định tại điểm b khoản 3 Điều này hoặc nhận được yêu cầu quy định tại điểm c và điểm d khoản 3 Điều này;

b) Trường hợp Hội đồng quản trị không triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại điểm a khoản 4 Điều này thì trong thời hạn 30 ngày tiếp theo thì cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại điểm c khoản 3 Điều này có quyền yêu cầu đại diện Công ty triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại Luật Doanh nghiệp;

[Trong trường hợp này, cổ đông hoặc nhóm cổ đông triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông có thể đề nghị Cơ quan đăng ký kinh doanh giám sát trình tự, thủ tục triệu tập, tiến hành họp và ra quyết định của Đại hội đồng cổ đông. Tất cả chi phí cho việc triệu tập và tiến hành họp Đại hội đồng cổ đông được Công ty hoàn lại. Chi phí này không bao gồm những chi phí do cổ đông chi tiêu khi tham dự cuộc họp Đại hội đồng cổ đông, kể cả chi phí ăn ở và đi lại.]

d) Thủ tục để tổ chức họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại khoản 5 Điều 140 Luật Doanh nghiệp.

Điều 15. Quyền và nghĩa vụ của Đại hội đồng cổ đông

1. Đại hội đồng cổ đông có quyền và nghĩa vụ sau:

- a) Thông qua định hướng phát triển của Công ty;
- b) Quyết định loại cổ phần và tổng số cổ phần của từng loại được quyền chào bán; quyết định mức cổ tức hằng năm của từng loại cổ phần
- c) Bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị;
- d) Quyết định đầu tư hoặc bán số tài sản có giá trị từ [35%] tổng giá trị tài sản trở lên được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất của Công ty, [trừ trường hợp Điều lệ công ty quy định một tỷ lệ hoặc một giá trị khác];
- đ) Quyết định sửa đổi, bổ sung Điều lệ công ty;
- e) Thông qua báo cáo tài chính hằng năm;
- g) Quyết định mua lại trên 10% tổng số cổ phần đã bán của mỗi loại;
- h) Xem xét, xử lý vi phạm của thành viên Hội đồng quản trị gây thiệt hại cho Công ty và cổ đông Công ty;
- i) Quyết định tổ chức lại, giải thể Công ty;
- k) Quyết định ngân sách hoặc tổng mức thù lao, thưởng và lợi ích khác cho Hội đồng quản trị;
- l) Phê duyệt Quy chế quản trị nội bộ; Quy chế hoạt động Hội đồng quản trị;
- m) Phê duyệt danh sách công ty kiểm toán được chấp thuận; quyết định công ty kiểm toán được chấp thuận thực hiện kiểm tra hoạt động của Công ty, bãi miễn kiểm toán viên được chấp thuận khi xét thấy cần thiết;
- n) Quyền và nghĩa vụ khác theo quy định pháp luật.

2. Đại hội đồng cổ đông thảo luận và thông qua các vấn đề sau:

- a) Kế hoạch kinh doanh hằng năm của Công ty;
- b) Báo cáo tài chính hằng năm đã được kiểm toán;
- c) Báo cáo của Hội đồng quản trị về quản trị và kết quả hoạt động của Hội đồng quản trị và từng thành viên Hội đồng quản trị; báo cáo tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông thường niên theo quy định tại Điều 284 Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán;
- d) Mức cổ tức đối với mỗi cổ phần của từng loại; Mức cổ tức này không cao hơn mức mà Hội đồng quản trị đề nghị sau khi đã tham khảo ý kiến các cổ đông tại Đại hội đồng cổ đông

- e) Số lượng thành viên Hội đồng quản trị;
 - g) Bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị;
 - h) Quyết định ngân sách hoặc tổng mức thù lao, thưởng và lợi ích khác đối với Hội đồng quản trị;
 - i) Phê duyệt danh sách công ty kiểm toán được chấp thuận; quyết định công ty kiểm toán được chấp thuận thực hiện kiểm tra các hoạt động của công ty khi xét thấy cần thiết;
 - k) Bổ sung và sửa đổi Điều lệ công ty;
 - l) Loại cổ phần và số lượng cổ phần mới được phát hành đối với mỗi loại cổ phần và việc chuyển nhượng cổ phần của thành viên sáng lập trong vòng 03 năm đầu tiên kể từ ngày thành lập;
 - m) Chia, tách, hợp nhất, sáp nhập hoặc chuyển đổi Công ty;
 - o) Tổ chức lại và giải thể (thanh lý) Công ty và chỉ định người thanh lý;
 - p) Quyết định đầu tư hoặc bán số tài sản có giá trị từ [35%] tổng giá trị tài sản trở lên được ghi trong Báo cáo tài chính gần nhất của Công ty [trừ trường hợp Điều lệ công ty quy định tỷ lệ hoặc giá trị khác];
 - q) Quyết định mua lại trên 10% tổng số cổ phần đã bán của mỗi loại;
 - r) Công ty ký kết hợp đồng, giao dịch với những đối tượng được quy định tại khoản 1 Điều 167 Luật Doanh nghiệp với giá trị bằng hoặc lớn hơn 35% tổng giá trị tài sản của Công ty được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất;
 - s) Chấp thuận các giao dịch quy định tại khoản 4 Điều 293 Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán;
 - t) Phê duyệt Quy chế nội bộ về quản trị công ty, Quy chế hoạt động Hội đồng quản trị;
 - u) Kiểm tra và xử lý các vi phạm của Hội đồng quản trị gây thiệt hại cho Công ty và các cổ đông của Công ty và các vấn đề khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ này.
3. Cổ đông không được tham gia bỏ phiếu trong các trường hợp sau đây:
- a. Các hợp đồng quy định tại Điều 14.2 Điều lệ này khi cổ đông đó hoặc người có liên quan tới cổ đông đó là một bên của hợp đồng;
 - b. Việc mua cổ phần của cổ đông đó hoặc của người có liên quan tới cổ đông đó.
4. Tất cả các nghị quyết và các vấn đề đã được đưa vào chương trình họp phải được đưa ra thảo luận và biểu quyết tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông.

Điều 16. Ủy quyền tham dự họp Đại hội đồng cổ đông

1. Cổ đông, người đại diện theo ủy quyền của cổ đông là tổ chức có thể trực tiếp tham dự họp hoặc ủy quyền cho một hoặc một số cá nhân, tổ chức khác dự họp hoặc dự họp thông qua một trong các hình thức quy định tại khoản 3 Điều 144 Luật Doanh nghiệp.

2. Việc ủy quyền cho cá nhân, tổ chức đại diện dự họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại khoản 1 Điều này phải lập thành văn bản. Văn bản ủy quyền được lập theo quy định của pháp luật về dân sự và phải nêu rõ tên cá nhân, tổ chức được ủy quyền và số lượng cổ phần được ủy quyền.

Người được ủy quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông phải nộp văn bản ủy quyền khi đăng ký dự họp. Trường hợp ủy quyền lại thì người tham dự họp phải xuất trình thêm văn bản ủy quyền ban đầu của cổ đông, người đại diện theo ủy quyền của cổ đông là tổ chức (nếu trước đó chưa đăng ký với Công ty).

3. Phiếu biểu quyết của người được ủy quyền dự họp trong phạm vi được ủy quyền vẫn có hiệu lực khi xảy ra một trong các trường hợp sau đây trừ trường hợp:

a) Người ủy quyền đã chết, bị hạn chế năng lực hành vi dân sự hoặc bị mất năng lực hành vi dân sự;

b) Người ủy quyền đã hủy bỏ việc chỉ định ủy quyền;

c) Người ủy quyền đã hủy bỏ thẩm quyền của người thực hiện việc ủy quyền.

Điều khoản này không áp dụng trong trường hợp Công ty nhận được thông báo về một trong các sự kiện trên trước giờ khai mạc cuộc họp Đại hội đồng cổ đông hoặc trước khi cuộc họp được triệu tập lại.

Điều 17. Thay đổi các quyền

1. Việc thay đổi hoặc hủy bỏ các quyền đặc biệt gắn liền với một loại cổ phần ưu đãi có hiệu lực khi được cổ đông đại diện từ 65% tổng số phiếu biểu quyết trở lên của tất cả cổ đông dự họp thông qua. Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông về nội dung làm thay đổi bất lợi quyền và nghĩa vụ của cổ đông sở hữu cổ phần ưu đãi chỉ được thông qua nếu được số cổ đông ưu đãi cùng loại dự họp sở hữu từ 75% tổng số cổ phần ưu đãi loại đó trở lên tán thành hoặc được các cổ đông ưu đãi cùng loại sở hữu từ 75% tổng số cổ phần ưu đãi loại đó trở lên tán thành trong trường hợp thông qua nghị quyết dưới hình thức lấy ý kiến bằng văn bản.

2. Việc tổ chức cuộc họp của các cổ đông nắm giữ một loại cổ phần ưu đãi để thông qua việc thay đổi quyền nêu trên chỉ có giá trị khi có tối thiểu 02 cổ đông (hoặc đại diện theo ủy quyền của họ) và nắm giữ tối thiểu 1/3 giá trị mệnh giá của các cổ phần loại đó đã phát hành. Trường hợp không có đủ số đại biểu như nêu trên thì cuộc họp được tổ chức lại trong thời hạn 30 ngày tiếp theo và những người nắm giữ cổ phần thuộc loại đó (không phụ thuộc vào số lượng người và số cổ phần) có mặt trực tiếp hoặc thông qua đại diện theo ủy quyền đều được coi là đủ số lượng đại biểu yêu cầu. Tại các cuộc họp của cổ đông nắm giữ cổ phần ưu đãi nêu trên, những

người nắm giữ cổ phần thuộc loại đó có mặt trực tiếp hoặc qua người đại diện có thể yêu cầu bỏ phiếu kín. Mỗi cổ phần cùng loại có quyền biểu quyết ngang bằng nhau tại các cuộc họp nêu trên.

3. Thủ tục tiến hành các cuộc họp riêng biệt như vậy được thực hiện tương tự với các quy định tại Điều 19, 20 và 21 Điều lệ này.

4. Trừ khi các điều khoản phát hành cổ phần quy định khác, các quyền đặc biệt gắn liền với các loại cổ phần có quyền ưu đãi đối với một số hoặc tất cả các vấn đề liên quan đến việc phân phối lợi nhuận hoặc tài sản của Công ty không bị thay đổi khi Công ty phát hành thêm các cổ phần cùng loại.

Điều 18. Triệu tập họp, chương trình họp và thông báo mời họp Đại hội đồng cổ đông

1. Hội đồng quản trị triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông thường niên và bất thường. Hội đồng quản trị triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông bất thường theo các trường hợp quy định tại khoản 3 Điều 14 Điều lệ này.

2. Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông phải thực hiện các công việc sau đây:

a) Chuẩn bị danh sách cổ đông đủ điều kiện tham gia và biểu quyết tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông. Danh sách cổ đông có quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông được lập không quá [10 ngày] trước ngày gửi thông báo mời họp Đại hội đồng cổ đông [nếu Điều lệ công ty không quy định thời hạn ngắn hơn]. Công ty phải công bố thông tin về việc lập danh sách cổ đông có quyền tham dự họp Đại hội đồng cổ đông tối thiểu 20 ngày trước ngày đăng ký cuối cùng;

b) Chuẩn bị chương trình, nội dung đại hội;

c) Chuẩn bị tài liệu cho đại hội;

d) Dự thảo nghị quyết Đại hội đồng cổ đông theo nội dung dự kiến của cuộc họp;

đ) Xác định thời gian và địa điểm tổ chức đại hội;

e) Thông báo và gửi thông báo họp Đại hội đồng cổ đông cho tất cả các cổ đông có quyền dự họp;

g) Các công việc khác phục vụ đại hội.

3. Thông báo mời họp Đại hội đồng cổ đông được gửi cho tất cả các cổ đông bằng phương thức để bảo đảm đến được địa chỉ liên lạc của cổ đông, đồng thời công bố trên trang thông tin điện tử của Công ty và Ủy ban Chứng khoán Nhà nước, Sở giao dịch chứng khoán nơi cổ phiếu của Công ty niêm yết hoặc đăng ký giao dịch. Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông phải gửi thông báo mời họp đến tất cả các cổ đông trong Danh sách cổ đông có quyền dự họp chậm nhất [21 ngày] trước ngày khai mạc cuộc họp [nếu Điều lệ công ty không quy định thời hạn dài hơn] (tính từ ngày mà thông báo được gửi hoặc chuyển đi một cách hợp lệ). Chương trình họp Đại hội đồng cổ đông, các tài liệu liên quan đến các vấn đề sẽ được biểu quyết tại đại hội được gửi cho các cổ đông hoặc/và đăng trên trang thông tin điện tử của Công ty. Trong

trường hợp tài liệu không được gửi kèm thông báo họp Đại hội đồng cổ đông, thông báo mời họp phải nêu rõ đường dẫn đến toàn bộ tài liệu họp để các cổ đông có thể tiếp cận, bao gồm:

- a) Chương trình họp, các tài liệu sử dụng trong cuộc họp;
- b) Danh sách và thông tin chi tiết của các ứng viên trong trường hợp bầu thành viên Hội đồng quản trị;
- c) Phiếu biểu quyết;
- d) Dự thảo nghị quyết đối với từng vấn đề trong chương trình họp.

4. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông theo quy định tại khoản 2 Điều 12 Điều lệ này có quyền kiến nghị vấn đề đưa vào chương trình họp Đại hội đồng cổ đông. Kiến nghị phải bằng văn bản và phải được gửi đến Công ty chậm nhất [03 ngày] làm việc trước ngày khai mạc cuộc họp. Kiến nghị phải ghi rõ tên cổ đông, số lượng từng loại cổ phần của cổ đông, vấn đề kiến nghị đưa vào chương trình họp.

5. Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông có quyền từ chối kiến nghị quy định tại khoản 4 Điều này nếu thuộc một trong các trường hợp sau:

- a) Kiến nghị được gửi đến không đúng quy định tại khoản 4 Điều này;
- b) Vào thời điểm kiến nghị, cổ đông hoặc nhóm cổ đông không nắm giữ đủ từ [5%] cổ phần phổ thông trở lên theo quy định tại khoản 2 Điều 12 Điều lệ này;
- c) Vấn đề kiến nghị không thuộc phạm vi thẩm quyền quyết định của Đại hội đồng cổ đông;
- d) Các trường hợp khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ này.

6. Hội đồng quản trị phải chuẩn bị dự thảo nghị quyết cho từng vấn đề trong chương trình họp.

7. Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông phải chấp nhận và đưa kiến nghị quy định tại khoản 4 Điều này vào dự kiến chương trình và nội dung cuộc họp, trừ trường hợp quy định tại khoản 5 Điều này; kiến nghị được chính thức bổ sung vào chương trình và nội dung cuộc họp nếu được Đại hội đồng cổ đông chấp thuận.

Điều 19. Các điều kiện tiến hành họp Đại hội đồng cổ đông

1. Cuộc họp Đại hội đồng cổ đông được tiến hành khi có số cổ đông dự họp đại diện trên [50%] tổng số phiếu biểu quyết.

2. Trường hợp cuộc họp lần thứ nhất không đủ điều kiện tiến hành theo quy định tại khoản 1 Điều này thì thông báo mời họp lần thứ hai được gửi trong thời hạn [30 ngày], kể từ ngày dự định họp lần thứ nhất. Cuộc họp Đại hội đồng cổ đông lần thứ hai được tiến hành khi có số cổ đông dự họp đại diện từ [33%] tổng số phiếu biểu quyết trở lên.

3. Trường hợp cuộc họp lần thứ hai không đủ điều kiện tiến hành theo quy định tại khoản 2 Điều này thì thông báo mời họp lần thứ ba phải được gửi trong thời hạn [20] ngày kể từ ngày

dự định họp lần thứ hai. Cuộc họp Đại hội đồng cổ đông lần thứ ba được tiến hành không phụ thuộc vào tổng số phiếu biểu quyết của các cổ đông dự họp.

4. Chương trình và nội dung cuộc họp lần thứ hai và/hoặc lần thứ ba vẫn giữ nguyên như chương trình và nội dung cuộc họp đã được chuẩn bị cho lần họp thứ nhất.

Điều 20. Thể thức tiến hành họp và biểu quyết tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông

1. Trước khi khai mạc cuộc họp, Công ty phải tiến hành thủ tục đăng ký cổ đông và phải thực hiện việc đăng ký cho đến khi các cổ đông có quyền dự họp có mặt đăng ký hết theo trình tự sau:

a) Khi tiến hành đăng ký cổ đông, Công ty cấp cho từng cổ đông hoặc đại diện theo ủy quyền có quyền biểu quyết một thẻ biểu quyết, trên đó ghi số đăng ký, họ và tên của cổ đông, họ và tên đại diện theo ủy quyền và số phiếu biểu quyết của cổ đông đó. Đại hội đồng cổ đông thảo luận và biểu quyết theo từng vấn đề trong nội dung chương trình. Việc biểu quyết được tiến hành bằng biểu quyết tán thành, không tán thành và không có ý kiến. Tại Đại hội, số thẻ tán thành nghị quyết được thu trước, số thẻ không tán thành nghị quyết được thu sau, cuối cùng đếm tổng số phiếu tán thành hoặc không tán thành để quyết định. Kết quả kiểm phiếu được Chủ tọa công bố ngay trước khi bế mạc cuộc họp. Đại hội bầu những người chịu trách nhiệm kiểm phiếu hoặc giám sát kiểm phiếu theo đề nghị của Chủ tọa. Số thành viên của ban kiểm phiếu do Đại hội đồng cổ đông quyết định căn cứ đề nghị của Chủ tọa cuộc họp;

b) Cổ đông, người đại diện theo ủy quyền của cổ đông là tổ chức hoặc người được ủy quyền đến sau khi cuộc họp đã khai mạc có quyền đăng ký ngay và sau đó có quyền tham gia và biểu quyết tại đại hội ngay sau khi đăng ký. Chủ tọa không có trách nhiệm dừng đại hội để cho cổ đông đến muộn đăng ký và hiệu lực của những nội dung đã được biểu quyết trước đó không thay đổi.

2. Việc bầu chủ tọa, thư ký và ban kiểm phiếu được quy định như sau:

a) Chủ tịch Hội đồng quản trị làm chủ tọa hoặc ủy quyền cho thành viên Hội đồng quản trị khác làm chủ tọa cuộc họp Đại hội đồng cổ đông do Hội đồng quản trị triệu tập. Trường hợp Chủ tịch vắng mặt hoặc tạm thời mất khả năng làm việc thì các thành viên Hội đồng quản trị còn lại bầu một người trong số họ làm chủ tọa cuộc họp theo nguyên tắc đa số. Trường hợp không bầu được người làm chủ tọa, thành viên Hội đồng quản trị chức vụ cao nhất có mặt sẽ điều hành để Đại hội đồng cổ đông bầu chủ tọa cuộc họp trong số những người dự họp và người có phiếu bầu cao nhất làm chủ tọa cuộc họp;

b) Trừ trường hợp quy định tại điểm a khoản này, người ký tên triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông điều hành để Đại hội đồng cổ đông bầu chủ tọa cuộc họp và người có số phiếu bầu cao nhất làm chủ tọa cuộc họp;

c) Chủ tọa cử một hoặc một số người làm thư ký cuộc họp;

d) Đại hội đồng cổ đông bầu một hoặc một số người vào ban kiểm phiếu theo đề nghị của chủ tọa cuộc họp.

3. Chương trình và nội dung cuộc họp phải được Đại hội đồng cổ đông thông qua trong phiên khai mạc. Chương trình phải xác định rõ và chi tiết thời gian đối với từng vấn đề trong nội dung chương trình họp.

4. Chủ tọa đại hội có quyền thực hiện các biện pháp cần thiết và hợp lý để điều hành cuộc họp Đại hội đồng cổ đông một cách có trật tự, đúng theo chương trình đã được thông qua và phản ánh được mong muốn của đa số người dự họp.

a) Bố trí chỗ ngồi tại địa điểm họp Đại hội đồng cổ đông;

b) Bảo đảm an toàn cho mọi người có mặt tại các địa điểm họp;

c) Tạo điều kiện cho cổ đông tham dự (hoặc tiếp tục tham dự) đại hội. Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông có toàn quyền thay đổi những biện pháp nêu trên và áp dụng tất cả các biện pháp cần thiết. Các biện pháp áp dụng có thể là cấp giấy vào cửa hoặc sử dụng những hình thức lựa chọn khác.

5. Đại hội đồng cổ đông thảo luận và biểu quyết theo từng vấn đề trong nội dung chương trình. Việc biểu quyết được tiến hành bằng biểu quyết tán thành, không tán thành và không có ý kiến. Kết quả kiểm phiếu được chủ tọa công bố ngay trước khi bế mạc cuộc họp.

6. Cổ đông hoặc người được ủy quyền dự họp đến sau khi cuộc họp đã khai mạc vẫn được đăng ký và có quyền tham gia biểu quyết ngay sau khi đăng ký; trong trường hợp này, hiệu lực của những nội dung đã được biểu quyết trước đó không thay đổi.

7. Người triệu tập họp hoặc chủ tọa cuộc họp Đại hội đồng cổ đông có quyền sau đây:

a) Yêu cầu tất cả người dự họp chịu sự kiểm tra hoặc các biện pháp an ninh hợp pháp, hợp lý khác;

b) Yêu cầu cơ quan có thẩm quyền duy trì trật tự cuộc họp; trục xuất những người không tuân thủ quyền điều hành của chủ tọa, cố ý gây rối trật tự, ngăn cản tiến triển bình thường của cuộc họp hoặc không tuân thủ các yêu cầu về kiểm tra an ninh ra khỏi cuộc họp Đại hội đồng cổ đông.

8. Chủ tọa có quyền hoãn cuộc họp Đại hội đồng cổ đông đã có đủ số người đăng ký dự họp tối đa không quá 03 ngày làm việc kể từ ngày cuộc họp dự định khai mạc và chỉ được hoãn cuộc họp hoặc thay đổi địa điểm họp trong trường hợp sau đây:

a) Địa điểm họp không có đủ chỗ ngồi thuận tiện cho tất cả người dự họp;

b) Phương tiện thông tin tại địa điểm họp không bảo đảm cho cổ đông dự họp tham gia, thảo luận và biểu quyết;

c) Có người dự họp cản trở, gây rối trật tự, có nguy cơ làm cho cuộc họp không được tiến hành một cách công bằng và hợp pháp.

9. Trường hợp chủ tọa hoãn hoặc tạm dừng họp Đại hội đồng cổ đông trái với quy định tại khoản 8 Điều này, Đại hội đồng cổ đông bầu một người khác trong số những người dự họp để thay thế chủ tọa điều hành cuộc họp cho đến lúc kết thúc; tất cả nghị quyết được thông qua tại cuộc họp đó đều có hiệu lực thi hành.

10. Phương thức tổ chức họp Đại hội đồng cổ đông:

Cuộc họp Đại hội đồng cổ đông được tổ chức bằng một trong các phương thức sau:

- a) Tổ chức họp trực tiếp tại địa điểm tổ chức họp;
- b) Tổ chức họp trực tuyến;
- c) Tổ chức họp trực tiếp tại địa điểm tổ chức họp kết hợp họp trực tuyến.

Trường hợp Công ty áp dụng công nghệ hiện đại để tổ chức Đại hội đồng cổ đông thông qua họp trực tuyến, Công ty có trách nhiệm đảm bảo để cổ đông tham dự, biểu quyết bằng hình thức bỏ phiếu điện tử hoặc hình thức điện tử khác theo quy định tại Điều 144 Luật Doanh nghiệp và khoản 3 Điều 273 Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán.

Điều 21. Điều kiện để Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông được thông qua

1. Nghị quyết về nội dung sau đây được thông qua nếu được số cổ đông đại diện từ [65%] tổng số phiếu biểu quyết trở lên của tất cả cổ đông tham dự và biểu quyết tại cuộc họp tán thành, trừ trường hợp quy định tại các khoản 3, 4 và 6 Điều 148 Luật Doanh nghiệp:

- a) Loại cổ phần và tổng số cổ phần của từng loại;
- b) Thay đổi ngành, nghề và lĩnh vực kinh doanh;
- c) Thay đổi cơ cấu tổ chức quản lý Công ty;
- d) Dự án đầu tư hoặc bán tài sản có giá trị từ 35% tổng giá trị tài sản trở lên được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất của Công ty, trừ trường hợp Điều lệ công ty quy định tỷ lệ hoặc giá trị khác;

đ) Tổ chức lại, giải thể Công ty;

2. Các nghị quyết được thông qua khi được số cổ đông sở hữu trên [50%] tổng số phiếu biểu quyết của tất cả cổ đông tham dự và biểu quyết tại cuộc họp tán thành, trừ trường hợp quy định tại các khoản 1 Điều này và khoản 3, 4 và 6 Điều 148 Luật Doanh nghiệp.

3. Việc biểu quyết bầu thành viên Hội đồng quản trị phải thực hiện theo phương thức bầu dồn phiếu, theo đó mỗi cổ đông có tổng số phiếu biểu quyết tương ứng với tổng số cổ phần sở hữu nhân với số thành viên được bầu của Hội đồng quản trị và cổ đông có quyền dồn hết hoặc một phần tổng số phiếu bầu của mình cho một hoặc một số ứng cử viên. Người trúng cử thành viên Hội đồng quản trị được xác định theo số phiếu bầu tính từ cao xuống thấp, bắt đầu từ ứng cử viên có số phiếu bầu cao nhất cho đến khi đủ số thành viên quy định tại Điều lệ công ty.

Trường hợp có từ 02 ứng cử viên trở lên đạt cùng số phiếu bầu như nhau cho thành viên cuối cùng của Hội đồng quản trị thì sẽ tiến hành bầu lại trong số các ứng cử viên có số phiếu bầu ngang nhau hoặc lựa chọn theo tiêu chí quy định tại quy chế bầu cử hoặc Điều lệ công ty.

Trường hợp muốn biểu quyết bầu thành viên Hội đồng quản trị bằng phương thức khác phương thức bầu dồn phiếu thì việc biểu quyết bằng phương thức đó phải được Đại hội đồng cổ đông biểu quyết thông qua với tỷ lệ quy định tại khoản 2 Điều này trước khi tiến hành bầu thành viên Hội đồng quản trị.

4. Các Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông được thông qua bằng 100% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết là hợp pháp và có hiệu lực ngay cả khi trình tự, thủ tục triệu tập họp và thông qua nghị quyết đó vi phạm quy định của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ công ty.

Điều 22. Thẩm quyền và thể thức lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản để thông qua Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông

Thẩm quyền và thể thức lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản để thông qua Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông được thực hiện theo quy định sau đây:

1. Hội đồng quản trị có quyền lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản để thông qua nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông khi xét thấy cần thiết vì lợi ích của Công ty, trừ trường hợp quy định tại khoản 2 Điều 147 Luật Doanh nghiệp.

2. Hội đồng quản trị phải chuẩn bị phiếu lấy ý kiến, dự thảo nghị quyết Đại hội đồng cổ đông, các tài liệu giải trình dự thảo nghị quyết và gửi đến tất cả cổ đông có quyền biểu quyết chậm nhất [10 ngày] trước thời hạn phải gửi lại phiếu lấy ý kiến. Yêu cầu và cách thức gửi phiếu lấy ý kiến và tài liệu kèm theo được thực hiện theo quy định tại khoản 3 Điều 18 Điều lệ này.

3. Phiếu lấy ý kiến phải có các nội dung chủ yếu sau đây:

a) Tên, địa chỉ trụ sở chính, mã số doanh nghiệp;

b) Mục đích lấy ý kiến;

c) Họ, tên, địa chỉ liên lạc, quốc tịch, số giấy tờ pháp lý của cá nhân đối với cổ đông là cá nhân; tên, mã số doanh nghiệp hoặc số giấy tờ pháp lý của tổ chức, địa chỉ trụ sở chính đối với cổ đông là tổ chức hoặc họ, tên, địa chỉ liên lạc, quốc tịch, số giấy tờ pháp lý của cá nhân đối với đại diện của cổ đông là tổ chức; số lượng cổ phần của từng loại và số phiếu biểu quyết của cổ đông;

d) Vấn đề cần lấy ý kiến để thông qua quyết định;

đ) Phương án biểu quyết bao gồm tán thành, không tán thành và không có ý kiến đối với từng vấn đề lấy ý kiến;

e) Thời hạn phải gửi về Công ty phiếu lấy ý kiến đã được trả lời;

g) Họ, tên, chữ ký của Chủ tịch Hội đồng quản trị.

4. Cổ đông có thể gửi phiếu lấy ý kiến đã trả lời đến Công ty bằng hình thức gửi thư, fax hoặc thư điện tử theo quy định sau đây:

a) Trường hợp gửi thư, phiếu lấy ý kiến đã được trả lời phải có chữ ký của cổ đông là cá nhân, của người đại diện theo ủy quyền hoặc người đại diện theo pháp luật của cổ đông là tổ chức. Phiếu lấy ý kiến gửi về Công ty phải được đựng trong phong bì dán kín và không ai được quyền mở trước khi kiểm phiếu;

b) Trường hợp gửi fax hoặc thư điện tử, phiếu lấy ý kiến gửi về Công ty phải được giữ bí mật đến thời điểm kiểm phiếu;

c) Các phiếu lấy ý kiến gửi về Công ty sau thời hạn đã xác định tại nội dung phiếu lấy ý kiến hoặc đã bị mở trong trường hợp gửi thư và bị tiết lộ trong trường hợp gửi fax, thư điện tử là không hợp lệ. Phiếu lấy ý kiến không được gửi về được coi là phiếu không tham gia biểu quyết.

5. Hội đồng quản trị kiểm phiếu và lập biên bản kiểm phiếu dưới sự chứng kiến của cổ đông không nắm giữ chức vụ quản lý Công ty. Biên bản kiểm phiếu phải có các nội dung chủ yếu sau đây:

a) Tên, địa chỉ trụ sở chính, mã số doanh nghiệp;

b) Mục đích và các vấn đề cần lấy ý kiến để thông qua nghị quyết;

c) Số cổ đông với tổng số phiếu biểu quyết đã tham gia biểu quyết, trong đó phân biệt số phiếu biểu quyết hợp lệ và số phiếu biểu quyết không hợp lệ và phương thức gửi phiếu biểu quyết, kèm theo phụ lục danh sách cổ đông tham gia biểu quyết;

d) Tổng số phiếu tán thành, không tán thành và không có ý kiến đối với từng vấn đề;

đ) Vấn đề đã được thông qua và tỷ lệ biểu quyết thông qua tương ứng;

e) Họ, tên, chữ ký của Chủ tịch Hội đồng quản trị, người kiểm phiếu và người giám sát kiểm phiếu.

Các thành viên Hội đồng quản trị, người kiểm phiếu và người giám sát kiểm phiếu phải liên đới chịu trách nhiệm về tính trung thực, chính xác của biên bản kiểm phiếu; liên đới chịu trách nhiệm về các thiệt hại phát sinh từ các quyết định được thông qua do kiểm phiếu không trung thực, không chính xác.

6. Biên bản kiểm phiếu và nghị quyết phải được gửi đến các cổ đông trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày kết thúc kiểm phiếu. Việc gửi biên bản kiểm phiếu và nghị quyết có thể thay thế bằng việc đăng tải trên trang thông tin điện tử của Công ty trong thời hạn 24 giờ, kể từ thời điểm kết thúc kiểm phiếu.

7. Phiếu lấy ý kiến đã được trả lời, biên bản kiểm phiếu, nghị quyết đã được thông qua và tài liệu có liên quan gửi kèm theo phiếu lấy ý kiến đều phải được lưu giữ tại trụ sở chính của Công ty.

8. Nghị quyết được thông qua theo hình thức lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản nếu được số cổ đông sở hữu trên [50%] tổng số phiếu biểu quyết của tất cả cổ đông có quyền biểu quyết tán thành và có giá trị như nghị quyết được thông qua tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông.

Điều 23. Nghị quyết, Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông

1. Cuộc họp Đại hội đồng cổ đông phải được ghi biên bản và có thể ghi âm hoặc ghi và lưu giữ dưới hình thức điện tử khác. Biên bản phải lập bằng tiếng Việt và bằng tiếng Anh, có các nội dung chủ yếu sau đây:

- a) Tên, địa chỉ trụ sở chính, mã số doanh nghiệp;
- b) Thời gian và địa điểm họp Đại hội đồng cổ đông;
- c) Chương trình họp và nội dung cuộc họp;
- d) Họ, tên chủ tọa và thư ký;
- đ) Tóm tắt diễn biến cuộc họp và các ý kiến phát biểu tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông về từng vấn đề trong chương trình họp;
- e) Số cổ đông và tổng số phiếu biểu quyết của các cổ đông dự họp, phụ lục danh sách đăng ký cổ đông, đại diện cổ đông dự họp với số cổ phần và số phiếu bầu tương ứng;
- g) Tổng số phiếu biểu quyết đối với từng vấn đề biểu quyết, trong đó ghi rõ phương thức biểu quyết, tổng số phiếu hợp lệ, không hợp lệ, tán thành, không tán thành và không có ý kiến; tỷ lệ tương ứng trên tổng số phiếu biểu quyết của cổ đông dự họp;
- h) Các vấn đề đã được thông qua và tỷ lệ phiếu biểu quyết thông qua tương ứng;
- i) Họ, tên và chữ ký của chủ tọa và thư ký. Trường hợp chủ tọa, thư ký từ chối ký biên bản họp thì biên bản này có hiệu lực nếu được tất cả thành viên khác của Hội đồng quản trị tham dự họp ký và có đầy đủ nội dung theo quy định tại khoản này. Biên bản họp ghi rõ việc chủ tọa, thư ký từ chối ký biên bản họp.

2. Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông phải được lập xong và thông qua trước khi kết thúc cuộc họp. Chủ tọa và thư ký cuộc họp hoặc người khác ký tên trong biên bản họp phải liên đới chịu trách nhiệm về tính trung thực, chính xác của nội dung biên bản.

3. Biên bản được lập bằng tiếng Việt và tiếng Anh đều có hiệu lực pháp lý như nhau. Trường hợp có sự khác nhau về nội dung giữa biên bản bằng tiếng Việt và bằng tiếng Anh thì nội dung trong biên bản bằng tiếng Việt được áp dụng.

4. Nghị quyết, Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông, phụ lục danh sách cổ đông đăng ký dự họp kèm chữ ký của cổ đông, văn bản ủy quyền tham dự họp, tất cả các tài liệu đính kèm Biên bản (nếu có) và tài liệu có liên quan kèm theo thông báo mời họp phải được công bố thông tin theo quy định pháp luật về công bố thông tin trên thị trường chứng khoán và phải được lưu giữ tại trụ sở chính của Công ty.

Điều 24. Yêu cầu hủy bỏ Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông

Trong thời hạn 90 ngày kể từ ngày nhận được nghị quyết hoặc biên bản họp Đại hội đồng cổ đông hoặc biên bản kết quả kiểm phiếu lấy ý kiến Đại hội đồng cổ đông, cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại khoản 2 Điều 115 Luật Doanh nghiệp có quyền yêu cầu Tòa án hoặc Trọng tài xem xét, hủy bỏ nghị quyết hoặc một phần nội dung nghị quyết Đại hội đồng cổ đông trong các trường hợp sau đây:

1. Trình tự, thủ tục triệu tập họp và ra quyết định của Đại hội đồng cổ đông vi phạm nghiêm trọng quy định của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ công ty, trừ trường hợp quy định tại khoản 3 Điều 21 Điều lệ này.
2. Nội dung nghị quyết vi phạm pháp luật hoặc Điều lệ này.

VII. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Điều 25. Ứng cử, đề cử thành viên Hội đồng quản trị

1. Trường hợp đã xác định được ứng cử viên Hội đồng quản trị, Công ty phải công bố thông tin liên quan đến các ứng cử viên tối thiểu 10 ngày trước ngày khai mạc họp Đại hội đồng cổ đông trên trang thông tin điện tử của Công ty để cổ đông có thể tìm hiểu về các ứng cử viên này trước khi bỏ phiếu. Ứng cử viên Hội đồng quản trị phải có cam kết bằng văn bản về tính trung thực, chính xác của các thông tin cá nhân được công bố và phải cam kết thực hiện nhiệm vụ một cách trung thực, cẩn trọng và vì lợi ích cao nhất của Công ty nếu được bầu làm thành viên Hội đồng quản trị. Thông tin liên quan đến ứng cử viên Hội đồng quản trị được công bố bao gồm:

- a) Họ tên, ngày, tháng, năm sinh;
- b) Trình độ chuyên môn;
- c) Quá trình công tác;
- d) Các chức danh quản lý khác (bao gồm cả chức danh Hội đồng quản trị của công ty khác);
- đ) Lợi ích có liên quan tới Công ty và các bên có liên quan của Công ty;
- e) Các thông tin khác (nếu có) theo quy định tại Điều lệ công ty;
- g) Công ty đại chúng phải có trách nhiệm công bố thông tin về các công ty mà ứng cử viên đang nắm giữ chức vụ thành viên Hội đồng quản trị, các chức danh quản lý khác và các lợi ích có liên quan tới công ty của ứng cử viên Hội đồng quản trị (nếu có).

2. Cổ đông là cá nhân sở hữu từ 10% tổng số cổ phần phổ thông trở lên có quyền tự ứng cử mình làm ứng cử viên Hội đồng quản trị theo quy định của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ công ty. Cổ đông đã tự ứng cử không đồng thời thực hiện quyền đề cử, gộp nhóm đề cử người khác làm ứng cử viên Hội đồng quản trị và ngược lại, cổ đông đã thực hiện quyền đề cử, gộp

nhóm đề cử người khác làm ứng cử viên không đồng thời tự ứng cử mình làm ứng cử viên Hội đồng quản trị.

3. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông sở hữu từ 10% tổng số cổ phần phổ thông trở lên có quyền đề cử ứng cử viên Hội đồng quản trị theo quy định của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ công ty.

4. Việc ứng cử, đề cử, giới thiệu người vào Hội đồng quản trị thực hiện như sau:

a) Trong trường hợp cổ đông thực hiện quyền ứng cử, đề cử ứng cử viên Hội đồng quản trị, cổ đông đó phải sử dụng toàn bộ số cổ phần phổ thông thuộc sở hữu của mình để ứng cử hoặc đề cử cho một ứng cử viên duy nhất, không được phép chia nhỏ tỷ lệ cổ phần sở hữu để ứng cử, đề cử cho nhiều ứng cử viên.

b) Các cổ đông phổ thông hợp thành nhóm để đề cử người vào Hội đồng quản trị phải thông báo về việc hợp nhóm cho các cổ đông dự họp biết trước khi khai mạc Đại hội đồng cổ đông.

c) Cổ đông hoặc nhóm cổ đông thực hiện quyền ứng cử, đề cử phải duy trì cổ phần sở hữu tối thiểu đạt tỷ lệ quy định tại khoản 2, khoản 3 Điều này trong suốt thời hạn kể từ khi ứng cử, đề cử ứng cử viên đến khi Đại hội đồng cổ đông biểu quyết bầu thành viên Hội đồng quản trị.

d) Cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại khoản 2 và khoản 3 Điều này được quyền ứng cử hoặc đề cử một người làm ứng cử viên Hội đồng quản trị. Căn cứ vào số lượng ứng cử viên (đáp ứng đủ điều kiện và tiêu chuẩn) thông qua đề cử và ứng cử của cổ đông hoặc nhóm cổ đông, Hội đồng quản trị đương nhiệm được quyền giới thiệu thêm ứng cử viên với tổng số lượng ứng cử viên bằng hoặc lớn hơn số lượng thành viên Hội đồng quản trị cần bầu. Việc Hội đồng quản trị đương nhiệm giới thiệu thêm ứng cử viên phải được công bố rõ ràng trước khi Đại hội đồng cổ đông biểu quyết bầu thành viên Hội đồng quản trị theo quy định của pháp luật.

e) Thủ tục, hồ sơ, thời hạn ứng cử, đề cử do Hội đồng quản trị quy định và thông báo cho các cổ đông phổ thông để thực hiện theo đúng quy định của pháp luật và Điều lệ công ty.

5. Thành viên Hội đồng quản trị phải đáp ứng các tiêu chuẩn và điều kiện sau:

a) Là cá nhân có đầy đủ năng lực hành vi dân sự;

b) Không thuộc đối tượng quy định tại khoản 2 Điều 17 Luật Doanh nghiệp.

c) Có trình độ chuyên môn, kinh nghiệm trong quản trị kinh doanh hoặc trong lĩnh vực, ngành, nghề kinh doanh của Công ty.

d) Chỉ được đồng thời là thành viên Hội đồng quản trị hoặc Hội đồng thành viên tại tối đa 05 công ty khác.

e) Là cổ đông cá nhân sở hữu ít nhất 0,1% cổ phần phổ thông của Công ty trong thời hạn liên tục tính từ thời điểm lập danh sách cổ đông có quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông thường niên năm liền kề trước đó đến thời điểm được đề cử, ứng cử thành viên Hội đồng quản trị và phải liên tục duy trì sở hữu số cổ phần phổ thông bằng hoặc lớn hơn tỷ lệ tối thiểu này trong

suốt thời hạn từ khi được đề cử, ứng cử cho đến hết nhiệm kỳ của mình. Tiêu chuẩn và điều kiện này không áp dụng đối với thành viên độc lập Hội đồng quản trị.

6. Trừ trường hợp pháp luật về chứng khoán hoặc Điều lệ công ty có quy định khác, ngoài các tiêu chuẩn và điều kiện quy định tại khoản 5 Điều này, thành viên độc lập Hội đồng quản trị còn phải có các tiêu chuẩn và điều kiện sau:

a) Không phải là người đang làm việc cho Công ty, công ty mẹ hoặc công ty con của Công ty; không phải là người đã từng làm việc cho Công ty, công ty mẹ hoặc công ty con của Công ty ít nhất trong 03 năm liền trước đó;

b) Không phải là người đang hưởng lương, thù lao từ Công ty, trừ các khoản phụ cấp mà thành viên Hội đồng quản trị được hưởng theo quy định;

c) Không phải là người có vợ hoặc chồng, bố đẻ, bố nuôi, mẹ đẻ, mẹ nuôi, con đẻ, con nuôi, anh ruột, chị ruột, em ruột là cổ đông lớn của Công ty; là người quản lý của Công ty hoặc công ty con của Công ty;

d) Không phải là người trực tiếp hoặc gián tiếp sở hữu ít nhất 01% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết của Công ty;

đ) Không phải là người đã từng làm thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát của Công ty ít nhất trong 05 năm liền trước đó, trừ trường hợp được bổ nhiệm liên tục 02 nhiệm kỳ.

e) Phải có bằng tốt nghiệp đại học trở lên thuộc một trong các chuyên ngành kinh tế, tài chính, kế toán, kiểm toán, luật, quản trị kinh doanh.

Điều 26. Thành phần và nhiệm kỳ của thành viên Hội đồng quản trị

1. Số lượng thành viên Hội đồng quản trị ít nhất là năm (05) người và nhiều nhất là mười một (11) người.

2. Nhiệm kỳ của thành viên Hội đồng quản trị không quá 05 năm và có thể được bầu lại với số nhiệm kỳ không hạn chế. Một cá nhân chỉ được bầu làm thành viên độc lập Hội đồng quản trị của một công ty không quá 02 nhiệm kỳ liên tục. Thành viên Hội đồng Quản trị được bầu so le để đảm bảo rằng, Hội đồng Quản trị không thể bị thay thế toàn bộ và vào cùng một thời điểm vì bất kể lý do gì. Trong thời hạn 01 năm hoặc giữa hai kỳ Đại hội (tùy theo thời hạn nào dài hơn), Hội đồng Quản trị chỉ có thể thay thế tối đa đến 2 thành viên, trừ trường hợp bầu bổ sung thành viên HĐQT vì lý do thành viên HĐQT từ nhiệm. Trường hợp tất cả thành viên Hội đồng quản trị cùng kết thúc nhiệm kỳ thì các thành viên đó tiếp tục là thành viên Hội đồng quản trị cho đến khi có thành viên mới được bầu thay thế và tiếp quản công việc.

Cách tính thời hạn nhiệm kỳ của thành viên Hội đồng quản trị: Nhiệm kỳ bắt đầu từ thời điểm nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông về việc bầu thành viên Hội đồng quản trị đó được thông qua và kết thúc vào thời điểm bế mạc cuộc họp Đại hội đồng cổ đông thường niên của năm cuối cùng trong nhiệm kỳ, không phụ thuộc vào thời điểm kết thúc nhiệm kỳ này có tròn 365 ngày trên một năm hay không.

3. Cơ cấu thành viên Hội đồng quản trị như sau:

a) Cơ cấu Hội đồng quản trị của công ty đại chúng phải đảm bảo tối thiểu 1/3 tổng số thành viên Hội đồng quản trị là thành viên không điều hành.

b) Tổng số thành viên độc lập Hội đồng quản trị phải đảm bảo quy định sau:

(i) Có tối thiểu 01 thành viên độc lập trong trường hợp công ty có số thành viên Hội đồng quản trị từ 03 đến 05 thành viên;

(ii) Có tối thiểu 02 thành viên độc lập trong trường hợp công ty có số thành viên Hội đồng quản trị từ 06 đến 08 thành viên;

(iii) Có tối thiểu 03 thành viên độc lập trong trường hợp công ty có số thành viên Hội đồng quản trị từ 09 đến 11 thành viên.

4. Thành viên Hội đồng quản trị không còn tư cách thành viên Hội đồng quản trị trong trường hợp bị Đại hội đồng cổ đông miễn nhiệm, bãi nhiệm, thay thế theo quy định tại Điều 160 Luật Doanh nghiệp, cụ thể:

a) Đại hội đồng cổ đông miễn nhiệm thành viên Hội đồng quản trị trong trường hợp sau đây:

(i) Không có đủ tiêu chuẩn và điều kiện theo quy định của pháp luật và Điều lệ công ty.

(ii) Có đơn từ chức và được chấp thuận;

(iii) Không liên tục duy trì sở hữu số cổ phần phổ thông bằng hoặc lớn hơn tỷ lệ tối thiểu quy định tại điểm e khoản 5 Điều 25 Điều lệ cho đến hết nhiệm kỳ của mình;

(iv) Trường hợp khác quy định tại Điều lệ công ty.

b) Đại hội đồng cổ đông bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị trong trường hợp sau đây:

(i) Không tham gia các hoạt động của Hội đồng quản trị trong 06 tháng liên tục, trừ trường hợp bất khả kháng;

(ii) Trường hợp khác quy định tại Điều lệ công ty.

5. Việc bổ nhiệm thành viên Hội đồng quản trị phải được công bố thông tin theo quy định pháp luật về công bố thông tin trên thị trường chứng khoán.

6. Thành viên Hội đồng quản trị phải là cổ đông của Công ty (trừ thành viên độc lập Hội đồng quản trị) và phải duy trì sở hữu số cổ phần phổ thông bằng hoặc lớn hơn tỷ lệ tối thiểu quy định tại điểm e khoản 5 Điều 25 Điều lệ công ty trong suốt nhiệm kỳ của mình.

Điều 27. Quyền hạn và nghĩa vụ của Hội đồng quản trị

1. Hội đồng quản trị là cơ quan quản lý Công ty, có toàn quyền nhân danh Công ty để quyết định, thực hiện quyền và nghĩa vụ của công ty, trừ các quyền và nghĩa vụ thuộc thẩm quyền của Đại hội đồng cổ đông.

2. Quyền và nghĩa vụ của Hội đồng quản trị do luật pháp, Điều lệ công ty và Đại hội đồng cổ đông quy định. Cụ thể, Hội đồng quản trị có những quyền hạn và nghĩa vụ sau:

- a) Quyết định chiến lược, kế hoạch phát triển trung hạn và kế hoạch kinh doanh hàng năm của Công ty;
- b) Kiến nghị loại cổ phần và tổng số cổ phần được quyền chào bán của từng loại;
- c) Quyết định bán cổ phần chưa bán trong phạm vi số cổ phần được quyền chào bán của từng loại; quyết định huy động thêm vốn theo hình thức khác;
- d) Quyết định giá bán cổ phần và trái phiếu của Công ty;
- đ) Quyết định mua lại cổ phần theo quy định tại khoản 1 và khoản 2 Điều 133 Luật Doanh nghiệp;
- e) Quyết định phương án đầu tư và dự án đầu tư trong thẩm quyền và giới hạn theo quy định của pháp luật;
- g) Quyết định giải pháp phát triển thị trường, tiếp thị và công nghệ;
- h) Thông qua hợp đồng mua, bán, vay, cho vay và hợp đồng, giao dịch khác có giá trị từ [35%] tổng giá trị tài sản trở lên được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất của Công ty, trừ hợp đồng, giao dịch thuộc thẩm quyền quyết định của Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại điểm d khoản 2 Điều 138, khoản 1 và khoản 3 Điều 167 Luật Doanh nghiệp;
- i) Bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm Chủ tịch Hội đồng quản trị; bổ nhiệm, miễn nhiệm, ký kết hợp đồng, chấm dứt hợp đồng đối với Tổng giám đốc và người quản lý quan trọng khác do Điều lệ công ty quy định; quyết định tiền lương, thù lao, thưởng và lợi ích khác của những người quản lý đó; cử người đại diện theo ủy quyền tham gia Hội đồng thành viên hoặc Đại hội đồng cổ đông ở công ty khác, quyết định mức thù lao và quyền lợi khác của những người đó;
- k) Giám sát, chỉ đạo Tổng giám đốc và người quản lý khác trong điều hành công việc kinh doanh hàng ngày của Công ty;
- l) Quyết định cơ cấu tổ chức, quy chế quản lý nội bộ của Công ty; quyết định thành lập, chia, tách, hợp nhất, sáp nhập hoặc chuyển đổi loại hình và giải thể công ty con; quyết định thành lập, chấm dứt hoạt động của chi nhánh, văn phòng đại diện và việc góp vốn, mua cổ phần của doanh nghiệp khác hoặc bán cổ phần, phân vốn góp tại doanh nghiệp khác;
- m) Duyệt chương trình, nội dung tài liệu phục vụ họp Đại hội đồng cổ đông, triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông hoặc lấy ý kiến đề Đại hội đồng cổ đông thông qua nghị quyết;
- n) Trình báo cáo tài chính hàng năm đã được kiểm toán lên Đại hội đồng cổ đông;
- o) Kiến nghị mức cổ tức được trả; quyết định thời hạn và thủ tục trả cổ tức hoặc xử lý lỗ phát sinh trong quá trình kinh doanh;
- p) Kiến nghị việc tổ chức lại, giải thể Công ty; yêu cầu phá sản Công ty;

q) Quyết định ban hành Quy chế hoạt động Hội đồng quản trị, Quy chế nội bộ về quản trị công ty sau khi được Đại hội đồng cổ đông thông qua; quyết định ban hành Quy chế hoạt động của Ủy ban kiểm toán trực thuộc Hội đồng quản trị, Quy chế về công bố thông tin của công ty;

s) Quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của Luật Doanh nghiệp, Luật Chứng khoán, quy định khác của pháp luật và Điều lệ công ty.

3. Hội đồng quản trị phải báo cáo Đại hội đồng cổ đông kết quả hoạt động của Hội đồng quản trị theo quy định tại Điều 280 Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán.

Điều 28. Thù lao, thưởng và lợi ích khác của thành viên Hội đồng quản trị

1. Công ty có quyền trả thù lao, thưởng cho thành viên Hội đồng quản trị theo kết quả và hiệu quả kinh doanh.

2. Thành viên Hội đồng quản trị được hưởng thù lao công việc và thưởng. Thù lao công việc được tính theo số ngày công cần thiết hoàn thành nhiệm vụ của thành viên Hội đồng quản trị và mức thù lao mỗi ngày. Hội đồng quản trị dự tính mức thù lao cho từng thành viên theo nguyên tắc nhất trí. Tổng mức thù lao và thưởng của Hội đồng quản trị do Đại hội đồng cổ đông quyết định tại cuộc họp thường niên.

3. Thù lao của từng thành viên Hội đồng quản trị được tính vào chi phí kinh doanh của Công ty theo quy định của pháp luật về thuế thu nhập doanh nghiệp, được thể hiện thành mục riêng trong báo cáo tài chính hằng năm của Công ty và phải báo cáo Đại hội đồng cổ đông tại cuộc họp thường niên.

4. Thành viên Hội đồng quản trị nắm giữ chức vụ điều hành hoặc thành viên Hội đồng quản trị làm việc tại các tiểu ban của Hội đồng quản trị hoặc thực hiện những công việc khác ngoài phạm vi nhiệm vụ thông thường của một thành viên Hội đồng quản trị, có thể được trả thêm thù lao dưới dạng một khoản tiền công trọn gói theo từng lần, lương, hoa hồng, phần trăm lợi nhuận hoặc dưới hình thức khác theo quyết định của Hội đồng quản trị.

5. Thành viên Hội đồng quản trị có quyền được thanh toán tất cả các chi phí đi lại, ăn, ở và các khoản chi phí hợp lý khác mà họ đã phải chi trả khi thực hiện trách nhiệm thành viên Hội đồng quản trị của mình, bao gồm cả các chi phí phát sinh trong việc tới tham dự các cuộc họp Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị hoặc các tiểu ban của Hội đồng quản trị.

6. Thành viên Hội đồng quản trị có thể được Công ty mua bảo hiểm trách nhiệm sau khi có sự chấp thuận của Đại hội đồng cổ đông. Bảo hiểm này không bao gồm bảo hiểm cho những trách nhiệm của thành viên Hội đồng quản trị liên quan đến việc vi phạm pháp luật và Điều lệ công ty.

Điều 29. Chủ tịch Hội đồng quản trị, Phó Chủ tịch Hội đồng quản trị

1. Chủ tịch Hội đồng quản trị và Phó Chủ tịch Hội đồng quản trị do Hội đồng quản trị bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm trong số các thành viên Hội đồng quản trị.

2. Chủ tịch Hội đồng quản trị không được kiêm Tổng giám đốc.

3. Chủ tịch Hội đồng quản trị có quyền và nghĩa vụ sau đây:

a) Lập chương trình, kế hoạch hoạt động của Hội đồng quản trị;

b) Chuẩn bị chương trình, nội dung, tài liệu phục vụ cuộc họp; triệu tập, chủ trì và làm chủ tọa cuộc họp Hội đồng quản trị;

c) Tổ chức việc thông qua nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị;

d) Giám sát quá trình tổ chức thực hiện các nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị;

đ) Chủ tọa cuộc họp Đại hội đồng cổ đông;

e) Quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của Luật Doanh nghiệp, Điều lệ Công ty và các nghị quyết, quyết định của Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị.

4. Bầu Chủ tịch Hội đồng quản trị:

Chủ tịch Hội đồng quản trị do Hội đồng quản trị bầu trong số các thành viên Hội đồng quản trị. Trong thời hạn 03 (ba) tháng kể từ ngày được Hội đồng quản trị bầu, Chủ tịch Hội đồng quản trị phải sở hữu ít nhất 18% cổ phần phổ thông của Công ty và liên tục duy trì sở hữu số cổ phần phổ thông bằng hoặc lớn hơn tỷ lệ tối thiểu này cho đến hết nhiệm kỳ của mình.

5. Miễn nhiệm, bãi nhiệm Chủ tịch Hội đồng quản trị:

a) Hội đồng quản trị miễn nhiệm Chủ tịch Hội đồng quản trị trong trường hợp sau đây:

(i) Không có đủ tiêu chuẩn và điều kiện làm thành viên Hội đồng quản trị theo quy định của pháp luật và Điều lệ công ty;

(ii) Có đơn từ chức;

(iii) Trường hợp phải bầu thành viên khác giữ chức Chủ tịch Hội đồng quản trị theo quy định tại khoản 7 Điều này;

(iv) Không đáp ứng điều kiện về tỷ lệ sở hữu cổ phần theo quy định tại khoản 4 Điều này.

(v) Không liên tục duy trì sở hữu số cổ phần phổ thông bằng hoặc lớn hơn tỷ lệ tối thiểu quy định tại khoản 4 Điều này cho đến khi hết nhiệm kỳ của mình.

(vi) Trường hợp khác quy định tại Điều lệ công ty.

b) Hội đồng quản trị bãi nhiệm Chủ tịch Hội đồng quản trị trong trường hợp sau đây:

(i) Không tham gia các hoạt động của Hội đồng quản trị trong 06 tháng liên tục, trừ trường hợp bất khả kháng;

(ii) Trường hợp khác quy định tại Điều lệ công ty.

6. Trường hợp Chủ tịch Hội đồng quản trị có đơn từ chức hoặc bị miễn nhiệm, bãi nhiệm, Hội đồng quản trị phải bầu người thay thế trong thời hạn [10 ngày] kể từ ngày nhận đơn từ chức hoặc bị miễn nhiệm, bãi nhiệm.

7. Trường hợp Chủ tịch Hội đồng quản trị vắng mặt hoặc không thể thực hiện được nhiệm vụ của mình thì phải ủy quyền bằng văn bản cho một thành viên khác thực hiện quyền và nghĩa vụ của Chủ tịch Hội đồng quản trị [theo nguyên tắc quy định tại Điều lệ công ty]. Trường hợp không có người được ủy quyền hoặc Chủ tịch Hội đồng quản trị chết, mất tích, bị tạm giam, đang chấp hành hình phạt tù, đang chấp hành biện pháp xử lý hành chính tại cơ sở cai nghiện bắt buộc, cơ sở giáo dục bắt buộc, trốn khỏi nơi cư trú, bị hạn chế hoặc mất năng lực hành vi dân sự, có khó khăn trong nhận thức, làm chủ hành vi, bị Tòa án cấm đảm nhiệm chức vụ, cấm hành nghề hoặc làm công việc nhất định thì các thành viên còn lại bầu một người trong số các thành viên giữ chức Chủ tịch Hội đồng quản trị theo nguyên tắc đa số thành viên còn lại tán thành cho đến khi có quyết định mới của Hội đồng quản trị.

8. Phó chủ tịch Hội đồng quản trị có quyền và nghĩa vụ sau đây:

a) Thực hiện các công việc, nhiệm vụ theo phân công, ủy quyền của Hội đồng quản trị, Chủ tịch Hội đồng quản trị.

b) Quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của Luật Doanh nghiệp, Điều lệ Công ty và các nghị quyết, quyết định của Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị.

9. Miễn nhiệm, bãi nhiệm Phó Chủ tịch Hội đồng quản trị:

a) Hội đồng quản trị miễn nhiệm Phó Chủ tịch Hội đồng quản trị trong trường hợp sau đây:

(i) Không có đủ tiêu chuẩn và điều kiện làm thành viên Hội đồng quản trị theo quy định của pháp luật và Điều lệ công ty;

(ii) Có đơn từ chức;

(iii) Trường hợp khác theo quyết định tán thành của đa số thành viên Hội đồng quản trị;

(iv) Trường hợp khác quy định tại Điều lệ công ty.

b) Hội đồng quản trị bãi nhiệm Phó Chủ tịch Hội đồng quản trị trong trường hợp sau đây:

(i) Không tham gia các hoạt động của Hội đồng quản trị trong 06 tháng liên tục, trừ trường hợp bất khả kháng;

(ii) Trường hợp khác quy định tại Điều lệ công ty.

Điều 30. Cuộc họp của Hội đồng quản trị

1. Chủ tịch Hội đồng quản trị được bầu trong cuộc họp đầu tiên của Hội đồng quản trị trong thời hạn 07 ngày làm việc kể từ ngày kết thúc bầu cử Hội đồng quản trị đó. Cuộc họp này do thành viên có số phiếu bầu cao nhất hoặc tỷ lệ phiếu bầu cao nhất triệu tập và chủ trì. Trường hợp có nhiều hơn một thành viên có số phiếu bầu hoặc tỷ lệ phiếu bầu cao nhất và ngang nhau thì các thành viên bầu theo nguyên tắc đa số để chọn 01 người trong số họ triệu tập họp Hội đồng quản trị.

2. Hội đồng quản trị phải họp ít nhất mỗi quý 01 lần và có thể họp bất thường để thông qua nghị quyết, quyết định tại cuộc họp hoặc có thể thông qua nghị quyết, quyết định bằng hình thức lấy ý kiến bằng văn bản hoặc bằng hình thức lấy ý kiến thông qua phương tiện điện tử.

3. Chủ tịch Hội đồng quản trị triệu tập họp Hội đồng quản trị trong trường hợp sau đây:

- a) Có đề nghị của thành viên độc lập Hội đồng quản trị;
- b) Có đề nghị của Tổng giám đốc hoặc ít nhất 05 người quản lý khác;
- c) Có đề nghị của ít nhất 02 thành viên Hội đồng quản trị;
- d) Có đề nghị của đa số thành viên Ủy Ban kiểm toán.

4. Đề nghị quy định tại khoản 3 Điều này phải được lập thành văn bản, trong đó nêu rõ mục đích, vấn đề cần thảo luận và quyết định thuộc thẩm quyền của Hội đồng quản trị.

5. Chủ tịch Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Hội đồng quản trị trong thời hạn 07 ngày làm việc kể từ ngày nhận được đề nghị quy định tại khoản 3 Điều này. Trường hợp không triệu tập họp Hội đồng quản trị theo đề nghị thì Chủ tịch Hội đồng quản trị phải chịu trách nhiệm về những thiệt hại xảy ra đối với Công ty; người đề nghị có quyền thay thế Chủ tịch Hội đồng quản trị triệu tập họp Hội đồng quản trị.

6. Chủ tịch Hội đồng quản trị hoặc người triệu tập họp Hội đồng quản trị phải gửi thông báo mời họp chậm nhất là [03 ngày] làm việc trước ngày họp. Trường hợp do tính cấp thiết của vấn đề cần thảo luận, thông báo mời họp có thể được gửi chậm hơn thời hạn này với điều kiện phải được 3/4 tổng số thành viên trở lên dự họp. Trường hợp cuộc họp được triệu tập theo hạn gửi thông báo mời họp rút ngắn này, nếu không đủ số thành viên dự họp thì áp dụng thủ tục triệu tập họp lần thứ hai quy định tại khoản 7 Điều này.

Thông báo mời họp phải xác định cụ thể thời gian và địa điểm họp, hình thức họp (hội nghị trực tiếp, hội nghị trực tuyến hoặc hội nghị trực tiếp kết hợp với trực tuyến), chương trình, các vấn đề thảo luận và quyết định. Thông báo mời họp phải kèm theo tài liệu sử dụng tại cuộc họp và phiếu biểu quyết của thành viên.

Thông báo mời họp Hội đồng quản trị có thể gửi bằng giấy mời, điện thoại, fax, phương tiện điện tử hoặc phương thức khác do Điều lệ công ty quy định và bảo đảm đến được địa chỉ liên lạc của từng thành viên Hội đồng quản trị được đăng ký tại Công ty.

7. Cuộc họp Hội đồng quản trị được tiến hành khi có từ 3/4 tổng số thành viên trở lên dự họp. Trường hợp cuộc họp được triệu tập theo quy định tại khoản này không đủ số thành viên dự họp theo quy định thì được triệu tập lần thứ hai trong thời hạn [07 ngày] kể từ ngày dự định họp lần thứ nhất. Trường hợp này, cuộc họp được tiến hành nếu có hơn một nửa số thành viên Hội đồng quản trị dự họp.

8. Thành viên Hội đồng quản trị được coi là tham dự và biểu quyết tại cuộc họp trong trường hợp sau đây, tùy vào hình thức họp được nêu trong thông báo mời họp:

- a) Tham dự và biểu quyết trực tiếp tại cuộc họp;
- b) Ủy quyền cho người khác đến dự họp và biểu quyết theo quy định tại khoản 11 Điều này;
- c) Tham dự và biểu quyết thông qua hội nghị trực tuyến, bỏ phiếu điện tử hoặc hình thức điện tử khác;
- d) Gửi phiếu biểu quyết đến cuộc họp thông qua thư, fax, thư điện tử;
- đ) Gửi phiếu biểu quyết bằng phương tiện khác.

9. Trường hợp gửi phiếu biểu quyết đến cuộc họp thông qua thư, phiếu biểu quyết phải đựng trong phong bì dán kín và phải được chuyển đến Chủ tịch Hội đồng quản trị chậm nhất là 01 giờ trước khi khai mạc. Phiếu biểu quyết chỉ được mở trước sự chứng kiến của tất cả những người dự họp. Trường hợp gửi fax hoặc thư điện tử thì phải gửi trước khi kết thúc kiểm phiếu.

10. Thành viên phải tham dự đầy đủ các cuộc họp Hội đồng quản trị. Thành viên được ủy quyền cho người khác dự họp và biểu quyết nếu được đa số thành viên Hội đồng quản trị chấp thuận.

11. [Trừ trường hợp Điều lệ công ty có quy định tỷ lệ khác cao hơn], nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị được thông qua nếu được đa số thành viên dự họp tán thành; trường hợp số phiếu ngang nhau thì quyết định cuối cùng thuộc về phía có ý kiến của Chủ tịch Hội đồng quản trị.

Nghị quyết, quyết định theo hình thức lấy ý kiến bằng văn bản hoặc lấy ý kiến biểu quyết thông qua phương tiện điện tử được thông qua trên cơ sở ý kiến tán thành của đa số thành viên Hội đồng quản trị có quyền biểu quyết, trường hợp số phiếu ngang nhau thì quyết định cuối cùng thuộc về phía có ý kiến của Chủ tịch Hội đồng quản trị. Nghị quyết này có hiệu lực và giá trị như thông qua tại cuộc họp.

12. Biểu quyết.

a. Trừ quy định tại Khoản 12b Điều 30, mỗi thành viên Hội đồng quản trị hoặc người được ủy quyền trực tiếp có mặt với tư cách cá nhân tại cuộc họp Hội đồng quản trị sẽ có một phiếu biểu quyết;

b. Thành viên Hội đồng quản trị không được biểu quyết về các hợp đồng, các giao dịch hoặc đề xuất mà thành viên đó hoặc người liên quan tới thành viên đó có lợi ích và lợi ích đó mâu thuẫn hoặc có thể mâu thuẫn với lợi ích của Công ty theo quy định của pháp luật và Điều lệ công ty. Một thành viên Hội đồng sẽ không được tính vào số lượng đại biểu tối thiểu cần thiết có mặt để có thể tổ chức một cuộc họp Hội đồng quản trị về những quyết định mà thành viên đó không có quyền biểu quyết;

c. Khi có vấn đề phát sinh trong một cuộc họp của Hội đồng quản trị liên quan đến mức độ lợi ích của thành viên Hội đồng quản trị hoặc liên quan đến quyền biểu quyết một thành viên mà những vấn đề đó không được giải quyết bằng sự tự nguyện từ bỏ quyền biểu quyết của thành

viên Hội đồng quản trị đó, những vấn đề phát sinh đó sẽ được chuyển tới chủ tọa cuộc họp và phán quyết của chủ tọa liên quan đến tất cả các thành viên Hội đồng quản trị khác sẽ có giá trị là quyết định cuối cùng, trừ trường hợp tính chất hoặc phạm vi lợi ích của thành viên Hội đồng quản trị liên quan chưa được công bố một cách thích đáng;

13. Công khai lợi ích. Thành viên Hội đồng quản trị trực tiếp hoặc gián tiếp được hưởng lợi từ một hợp đồng hoặc giao dịch đã được ký kết hoặc đang dự kiến ký kết với Công ty và biết là mình có lợi ích trong đó, sẽ phải công khai bản chất, nội dung của quyền lợi đó trong cuộc họp mà Hội đồng quản trị lần đầu tiên xem xét vấn đề ký kết hợp đồng hoặc giao dịch này. Hoặc thành viên này có thể công khai điều đó tại cuộc họp đầu tiên của Hội đồng quản trị được tổ chức sau khi thành viên này biết rằng mình có lợi ích hoặc sẽ có lợi ích trong giao dịch hoặc hợp đồng liên quan.

Điều 31. Các tiểu ban thuộc Hội đồng quản trị

1. Hội đồng quản trị có thể thành lập tiểu ban trực thuộc để phụ trách về chính sách phát triển, nhân sự, lương thưởng, kiểm toán nội bộ, quản lý rủi ro. Số lượng thành viên của tiểu ban do Hội đồng quản trị quyết định có tối thiểu là [03 người] bao gồm thành viên của Hội đồng quản trị và thành viên bên ngoài. Hoạt động của tiểu ban phải tuân thủ theo quy định của Hội đồng quản trị. Nghị quyết của tiểu ban chỉ có hiệu lực khi có đa số thành viên tham dự và biểu quyết thông qua tại cuộc họp của tiểu ban.

2. Việc thực thi quyết định của Hội đồng quản trị, hoặc của tiểu ban trực thuộc Hội đồng quản trị phải phù hợp với các quy định pháp luật hiện hành và quy định tại Điều lệ công ty, Quy chế nội bộ về quản trị công ty.

Điều 32. Người phụ trách quản trị công ty

1. Hội đồng quản trị của Công ty phải bổ nhiệm ít nhất 01 người phụ trách quản trị công ty để hỗ trợ công tác quản trị công ty tại doanh nghiệp. Người phụ trách quản trị công ty có thể kiêm nhiệm làm Thư ký công ty theo quy định tại khoản 5 Điều 156 Luật Doanh nghiệp.

2. Người phụ trách quản trị công ty không được đồng thời làm việc cho tổ chức kiểm toán được chấp thuận đang thực hiện kiểm toán các báo cáo tài chính của Công ty. Người phụ trách quản trị công ty phải đáp ứng các tiêu chuẩn sau:

a) Có hiểu biết về pháp luật;

b) Các tiêu chuẩn khác theo quy định của pháp luật, Điều lệ này và quyết định của Hội đồng quản trị

3. Người phụ trách quản trị công ty có quyền và nghĩa vụ sau:

a) Tư vấn Hội đồng quản trị trong việc tổ chức họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định và các công việc liên quan giữa Công ty và cổ đông;

- b) Chuẩn bị các cuộc họp Hội đồng quản trị và Đại hội đồng cổ đông theo yêu cầu của Hội đồng quản trị;
- c) Tư vấn về thủ tục của các cuộc họp;
- d) Tham dự các cuộc họp;
- đ) Tư vấn thủ tục lập các nghị quyết của Hội đồng quản trị phù hợp với quy định của pháp luật;
- e) Cung cấp các thông tin tài chính, bản sao biên bản họp Hội đồng quản trị và các thông tin khác cho thành viên Hội đồng quản trị;
- g) Giám sát và báo cáo Hội đồng quản trị về hoạt động công bố thông tin của Công ty;
- h) Là đầu mối liên lạc với các bên có quyền lợi liên quan;
- i) Bảo mật thông tin theo các quy định của pháp luật và Điều lệ công ty;
- k) Các quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật và [Điều lệ công ty].

VIII. TỔNG GIÁM ĐỐC VÀ NGƯỜI ĐIỀU HÀNH KHÁC

Điều 33. Tổ chức bộ máy quản lý

Hệ thống quản lý của Công ty phải đảm bảo bộ máy quản lý chịu trách nhiệm trước Hội đồng quản trị và chịu sự giám sát, chỉ đạo của Hội đồng quản trị trong công việc kinh doanh hằng ngày của Công ty. Công ty có Tổng giám đốc, các Phó Tổng giám đốc, Kế toán trưởng. Việc bổ nhiệm miễn nhiệm, bãi nhiệm các chức danh nêu trên phải được thông qua bằng nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị. Giám đốc các đơn vị thành viên do Hội đồng quản trị lựa chọn, ký kết Hợp đồng thuê Giám đốc, tuân thủ Điều lệ này. Giám đốc các đơn vị thành viên là người đứng đầu, quản lý và chịu trách nhiệm trước Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc Công ty về toàn bộ hoạt động của đơn vị.

Điều 34. Người điều hành Công ty

1. Người điều hành Công ty bao gồm Tổng giám đốc, Phó Tổng giám đốc, Kế toán trưởng và [người điều hành khác theo quy định của Điều lệ công ty].
2. Theo đề nghị của Tổng giám đốc và được sự chấp thuận của Hội đồng quản trị, Công ty được tuyển dụng người điều hành khác với số lượng và tiêu chuẩn phù hợp với cơ cấu và quy chế quản lý của Công ty do Hội đồng quản trị quy định. Người điều hành doanh nghiệp phải có trách nhiệm để hỗ trợ Công ty đạt được các mục tiêu đề ra trong hoạt động và tổ chức.
3. Tổng giám đốc được trả lương và thưởng. Tiền lương và thưởng của Tổng giám đốc do Hội đồng quản trị quyết định.
4. Tiền lương của người điều hành được tính vào chi phí kinh doanh của Công ty theo quy định của pháp luật về thuế thu nhập doanh nghiệp, được thể hiện thành mục riêng trong báo

cáo tài chính hằng năm của Công ty và phải báo cáo Đại hội đồng cổ đông tại cuộc họp thường niên.

Điều 35. Bổ nhiệm, miễn nhiệm, nhiệm vụ và quyền hạn của Tổng giám đốc

1. Hội đồng quản trị bổ nhiệm 01 thành viên Hội đồng quản trị hoặc thuê người khác làm Tổng giám đốc.

Mức lương, thù lao, lợi ích, quyền lợi, nghĩa vụ và trách nhiệm của Tổng Giám đốc được quy định chi tiết trong Hợp đồng thuê quản lý. Thông tin về mức lương, trợ cấp, quyền lợi của Tổng giám đốc điều hành phải được báo cáo trong Đại hội đồng cổ đông thường niên và được nêu trong báo cáo thường niên của Công ty.

2. Tổng giám đốc là người điều hành công việc kinh doanh hằng ngày của Công ty; chịu sự giám sát của Hội đồng quản trị; chịu trách nhiệm trước Hội đồng quản trị và trước pháp luật về việc thực hiện quyền, nghĩa vụ được giao.

3. Nhiệm kỳ của Tổng giám đốc không quá 05 năm và có thể được bổ nhiệm lại với số nhiệm kỳ không hạn chế. Tổng giám đốc phải đáp ứng các tiêu chuẩn, điều kiện theo quy định của pháp luật và [Điều lệ công ty].

4. Tổng giám đốc có các quyền và nghĩa vụ sau:

a) Quyết định các vấn đề liên quan đến công việc kinh doanh hằng ngày của Công ty mà không thuộc thẩm quyền của Hội đồng quản trị;

b) Tổ chức thực hiện các nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị;

c) Tổ chức thực hiện kế hoạch kinh doanh và phương án đầu tư của Công ty theo nghị quyết, quyết định của cấp có thẩm quyền;

d) Kiến nghị phương án cơ cấu tổ chức, quy chế quản lý nội bộ của Công ty;

đ) Bổ nhiệm, miễn nhiệm, bãi nhiệm các chức danh quản lý trong Công ty, trừ các chức danh thuộc thẩm quyền của Hội đồng quản trị;

e) Quyết định tiền lương và lợi ích khác đối với người lao động trong Công ty, kể cả người quản lý thuộc thẩm quyền bổ nhiệm của Tổng giám đốc phù hợp với phân cấp quyền hạn của Hội đồng quản trị;

g) Tuyển dụng lao động theo phân cấp quyền hạn của Hội đồng quản trị;

h) Kiến nghị phương án trả cổ tức hoặc xử lý lỗ trong kinh doanh;

i) Thực hiện các công việc, nhiệm vụ theo phân công, ủy quyền của Hội đồng quản trị.

k) Quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật, [Điều lệ công ty và nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị].

Tổng giám đốc thực hiện các quyền và nghĩa vụ của mình trong phạm vi phù hợp với nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị và quy chế, quy định do Hội đồng quản trị ban hành.

Tổng giám đốc phải điều hành công việc kinh doanh hằng ngày của Công ty theo đúng quy định của pháp luật, Điều lệ công ty, hợp đồng thuê ký với Công ty, nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị.

5. Hội đồng quản trị có thể miễn nhiệm Tổng giám đốc khi đa số thành viên Hội đồng quản trị có quyền biểu quyết dự họp tán thành và bổ nhiệm Tổng giám đốc mới thay thế trong trường hợp sau:

- a) Không có đủ tiêu chuẩn và điều kiện làm Tổng giám đốc.
- b) Có đơn từ chức/từ nhiệm;
- c) Không tham gia các hoạt động điều hành Công ty trong 06 tháng liên tục, trừ trường hợp bất khả kháng;
- d) Vi phạm nghĩa vụ của Tổng giám đốc, trách nhiệm của người quản lý Công ty mà gây thiệt hại cho Công ty.
- đ) Trường hợp khác theo quyết định tán thành của đa số thành viên Hội đồng quản trị.
- e) Trường hợp khác quy định tại Điều lệ công ty.

Trường hợp Tổng Giám đốc bị chấm dứt Hợp đồng lao động/thuê quản lý trước thời hạn hoặc bị miễn nhiệm trước thời hạn bởi đa số phiếu của thành viên Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc sẽ được đền bù một khoản tiền bằng 50 lần tiền lương cho thời gian còn lại theo Hợp đồng hoặc nhiệm kỳ (tiền lương được tính là bình quân 6 tháng trước khi thôi giữ chức vụ).

IX. ỦY BAN KIỂM TOÁN TRỰC THUỘC HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Điều 36. Ứng cử, đề cử thành viên Ủy ban kiểm toán

1. Chủ tịch Ủy ban kiểm toán và các thành viên khác của Ủy ban kiểm toán do Hội đồng quản trị đề cử và không phải là người điều hành Công ty.
2. Việc bổ nhiệm Chủ tịch Ủy ban kiểm toán và các thành viên khác trong Ủy ban kiểm toán phải được Hội đồng quản trị thông qua tại cuộc họp Hội đồng quản trị.

Điều 37. Thành phần Ủy ban Kiểm toán

1. Ủy ban kiểm toán có từ 02 thành viên trở lên. Chủ tịch Ủy ban kiểm toán phải là thành viên Hội đồng quản trị độc lập. Các thành viên khác của Ủy ban kiểm toán phải là các thành viên Hội đồng quản trị không điều hành.
2. Thành viên Ủy ban kiểm toán phải có kiến thức về kế toán, kiểm toán, có hiểu biết chung về pháp luật và hoạt động của Công ty và không thuộc các trường hợp sau:
 - a) Làm việc trong bộ phận kế toán, tài chính của Công ty;
 - b) Là thành viên hay nhân viên của tổ chức kiểm toán được chấp thuận thực hiện kiểm toán các báo cáo tài chính của công ty trong 03 năm liền trước đó.

3. Chủ tịch Ủy ban kiểm toán phải có bằng tốt nghiệp đại học trở lên thuộc một trong các chuyên ngành kinh tế, tài chính, kế toán, kiểm toán, luật, quản trị kinh doanh.

Điều 38. Quyền và nghĩa vụ của Ủy ban kiểm toán

Ủy ban kiểm toán có các quyền, nghĩa vụ theo quy định tại Điều 161 Luật Doanh nghiệp, Điều lệ công ty và các quyền, nghĩa vụ sau:

1. Được quyền tiếp cận các tài liệu liên quan đến tình hình hoạt động của Công ty, trao đổi với các thành viên Hội đồng quản trị khác, Tổng giám đốc, Kế toán trưởng và cán bộ quản lý khác để thu thập thông tin phục vụ hoạt động của Ủy ban kiểm toán.
2. Có quyền yêu cầu đại diện tổ chức kiểm toán được chấp thuận tham dự và trả lời các vấn đề liên quan báo cáo tài chính kiểm toán tại các cuộc họp của Ủy ban kiểm toán.
3. Sử dụng dịch vụ tư vấn pháp luật, kế toán hoặc các tư vấn khác bên ngoài khi cần thiết.
4. Xây dựng và trình Hội đồng quản trị các chính sách phát hiện và quản lý rủi ro; đề xuất với Hội đồng quản trị các giải pháp xử lý rủi ro phát sinh trong hoạt động của Công ty.
5. Lập báo cáo bằng văn bản gửi đến Hội đồng quản trị khi phát hiện thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc và người quản lý khác không thực hiện đầy đủ trách nhiệm theo quy định tại Luật Doanh nghiệp và Điều lệ công ty.
6. Xây dựng Quy chế hoạt động của Ủy ban kiểm toán và trình Hội đồng quản trị thông qua.

Điều 39. Cuộc họp của Ủy ban kiểm toán

1. Ủy ban kiểm toán phải họp ít nhất 02 lần trong một năm. Biên bản họp được lập chi tiết, rõ ràng và phải được lưu giữ đầy đủ. Người ghi biên bản và các thành viên Ủy ban kiểm toán tham dự họp phải ký tên vào biên bản cuộc họp.
2. Ủy ban kiểm toán thông qua quyết định bằng biểu quyết tại cuộc họp, lấy ý kiến bằng văn bản hoặc hình thức khác do Quy chế hoạt động Ủy ban kiểm toán quy định. Mỗi thành viên Ủy ban kiểm toán có một phiếu biểu quyết. Trừ trường hợp Quy chế hoạt động Ủy ban kiểm toán có quy định tỷ lệ khác cao hơn, quyết định của Ủy ban kiểm toán được thông qua nếu được đa số thành viên dự họp tán thành; trường hợp số phiếu ngang nhau thì quyết định cuối cùng thuộc về phía có ý kiến của Chủ tịch Ủy ban kiểm toán.

Điều 40. Báo cáo hoạt động của thành viên độc lập Hội đồng quản trị trong Ủy ban kiểm toán tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông thường niên

1. Thành viên Hội đồng quản trị độc lập trong Ủy ban kiểm toán có trách nhiệm báo cáo hoạt động tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông thường niên.
2. Báo cáo hoạt động của thành viên Hội đồng quản trị độc lập trong Ủy ban kiểm toán tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông thường niên phải đảm bảo có các nội dung sau:

- a) Thù lao, chi phí hoạt động và các lợi ích khác của Ủy ban kiểm toán và từng thành viên Ủy ban kiểm toán theo quy định tại Luật Doanh nghiệp và [Điều lệ công ty];
- b) Tổng kết các cuộc họp của Ủy ban kiểm toán và các kết luận, kiến nghị của Ủy ban kiểm toán;
- c) Kết quả giám sát đối với báo cáo tài chính, tình hình hoạt động, tình hình tài chính của Công ty;
- d) Báo cáo đánh giá về giao dịch giữa Công ty, công ty con, công ty khác do Công ty nắm quyền kiểm soát trên 50% trở lên vốn điều lệ với thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc, người điều hành khác của doanh nghiệp và những người có liên quan của đối tượng đó; giao dịch giữa Công ty với công ty trong đó thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc, người điều hành khác của doanh nghiệp là thành viên sáng lập hoặc là người quản lý doanh nghiệp trong thời gian 03 năm gần nhất trước thời điểm giao dịch;
- đ) Kết quả đánh giá về hệ thống kiểm soát nội bộ và quản lý rủi ro của Công ty;
- e) Kết quả giám sát đối với Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc và người điều hành khác của doanh nghiệp;
- g) Kết quả đánh giá sự phối hợp hoạt động giữa Ủy ban kiểm toán với Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc và các cổ đông;

X. TRÁCH NHIỆM CỦA THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, TỔNG GIÁM ĐỐC VÀ NGƯỜI ĐIỀU HÀNH KHÁC

Thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc và người điều hành khác có trách nhiệm thực hiện các nhiệm vụ của mình, kể cả những nhiệm vụ với tư cách thành viên các tiểu ban của Hội đồng quản trị, một cách trung thực, cẩn trọng vì lợi ích của Công ty.

Điều 41. Trách nhiệm trung thực và tránh các xung đột về quyền lợi

1. Thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc và người quản lý khác phải công khai các lợi ích có liên quan theo quy định của Luật Doanh nghiệp và các văn bản pháp luật liên quan.
2. Thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc, người quản lý khác và những người có liên quan của các thành viên này chỉ được sử dụng những thông tin có được nhờ chức vụ của mình để phục vụ lợi ích của Công ty.
3. Thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc và người quản lý khác có nghĩa vụ thông báo bằng văn bản cho Hội đồng quản trị, Ủy Ban kiểm toán về các giao dịch giữa Công ty, công ty con, công ty khác do Công ty đại chúng nắm quyền kiểm soát trên 50% trở lên vốn điều lệ với chính đối tượng đó hoặc với những người có liên quan của đối tượng đó theo quy định của pháp luật. Đối với các giao dịch nêu trên Đại hội đồng cổ đông hoặc Hội đồng quản trị chấp thuận, Công ty phải thực hiện công bố thông tin về các nghị quyết này theo quy định của pháp luật chứng khoán về công bố thông tin.

4. Thành viên Hội đồng quản trị không được biểu quyết đối với giao dịch mang lại lợi ích cho thành viên đó hoặc người có liên quan của thành viên đó theo quy định của Luật Doanh nghiệp và [Điều lệ công ty].

5. Thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ủy Ban kiểm toán, Tổng giám đốc, người quản lý khác và những người có liên quan của các đối tượng này không được sử dụng hoặc tiết lộ cho người khác các thông tin nội bộ để thực hiện các giao dịch có liên quan.

6. Giao dịch giữa Công ty với một hoặc nhiều thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc, người điều hành khác và các cá nhân, tổ chức có liên quan đến các đối tượng này không bị vô hiệu trong các trường hợp sau đây:

a) Đối với giao dịch có giá trị nhỏ hơn hoặc bằng [35%] tổng giá trị tài sản được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất, những nội dung quan trọng của hợp đồng hoặc giao dịch cũng như các mối quan hệ và lợi ích của thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc, người điều hành khác đã được báo cáo Hội đồng quản trị và được Hội đồng quản trị thông qua bằng đa số phiếu tán thành của những thành viên Hội đồng quản trị không có lợi ích liên quan;

b) Đối với giao dịch có giá trị lớn hơn [35%] hoặc giao dịch dẫn đến giá trị giao dịch phát sinh trong vòng 12 tháng kể từ ngày thực hiện giao dịch đầu tiên có giá trị từ [35%] trở lên tổng giá trị tài sản được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất, những nội dung quan trọng của giao dịch này cũng như mối quan hệ và lợi ích của thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc, người điều hành khác đã được công bố cho các cổ đông và được Đại hội đồng cổ đông thông qua bằng phiếu biểu quyết của các cổ đông không có lợi ích liên quan.

Điều 42. Trách nhiệm về thiệt hại và bồi thường

1. Thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc và người điều hành khác vi phạm nghĩa vụ, trách nhiệm trung thực và cẩn trọng, không hoàn thành nghĩa vụ của mình phải chịu trách nhiệm về những thiệt hại do hành vi vi phạm của mình gây ra.

2. Công ty bồi thường cho những người đã, đang hoặc có thể trở thành một bên liên quan trong các vụ khiếu nại, kiện, khởi tố (bao gồm các vụ việc dân sự, hành chính và không phải là các vụ kiện do Công ty là người khởi kiện) nếu người đó đã hoặc đang là thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc, người điều hành khác, nhân viên hoặc đại diện được Công ty ủy quyền đã hoặc đang thực hiện nhiệm vụ theo ủy quyền của Công ty, hành động trung thực, cẩn trọng vì lợi ích của Công ty trên cơ sở tuân thủ luật pháp và không có bằng chứng xác nhận rằng người đó đã vi phạm trách nhiệm của mình.

3. [Chi phí bồi thường bao gồm chi phí phán quyết, các khoản tiền phạt, các khoản phải thanh toán phát sinh trong thực tế (kể cả phí thuê luật sư) khi giải quyết những vụ việc này trong khuôn khổ luật pháp cho phép. Công ty có thể mua bảo hiểm cho những người này để tránh những trách nhiệm bồi thường nêu trên].

XI. QUYỀN TRA CỨU SỔ SÁCH VÀ HỒ SƠ CÔNG TY

Điều 43. Quyền tra cứu sổ sách và hồ sơ

1. Cổ đông phổ thông có quyền tra cứu sổ sách và hồ sơ, cụ thể như sau:

a) Cổ đông phổ thông có quyền xem xét, tra cứu và trích lục thông tin về tên và địa chỉ liên lạc trong danh sách cổ đông có quyền biểu quyết; yêu cầu sửa đổi thông tin không chính xác của mình; xem xét, tra cứu, trích lục hoặc sao chụp Điều lệ công ty, biên bản họp Đại hội đồng cổ đông và nghị quyết Đại hội đồng cổ đông. Việc xem xét, tra cứu và trích lục thông tin trong danh sách cổ đông có quyền biểu quyết quy định tại khoản này phải được cổ đông hoặc người được ủy quyền của cổ đông thực hiện trực tiếp tại trụ sở chính của Công ty, không được quay phim, chụp ảnh, photo hoặc các phương thức sao chụp/lưu giữ dưới hình thức điện tử hoặc hình thức khác có nguy cơ xâm phạm đến quyền riêng tư và bảo mật thông tin của cổ đông khác.

b) Cổ đông hoặc nhóm cổ đông sở hữu từ [05%] tổng số cổ phần phổ thông trở lên có quyền xem xét, tra cứu, trích lục sổ biên bản và nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị, báo cáo tài chính giữa năm và hằng năm, báo cáo theo quy định tại Điều 284 Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2020, họp đồng, giao dịch phải thông qua Hội đồng quản trị và tài liệu khác, trừ tài liệu liên quan đến bí mật thương mại, bí mật kinh doanh của Công ty.

2. Trường hợp đại diện được ủy quyền của cổ đông và nhóm cổ đông yêu cầu tra cứu sổ sách và hồ sơ thì phải kèm theo giấy ủy quyền của cổ đông và nhóm cổ đông mà người đó đại diện hoặc bản sao công chứng của giấy ủy quyền này.

3. Thành viên Hội đồng quản trị, thành viên ủy ban kiểm toán, Tổng giám đốc và người điều hành khác có quyền tra cứu sổ đăng ký cổ đông của Công ty, danh sách cổ đông, sổ sách và hồ sơ khác của Công ty vì những mục đích liên quan tới chức vụ của mình với điều kiện các thông tin này phải được bảo mật.

4. Công ty phải lưu giữ Điều lệ này và những bản sửa đổi bổ sung Điều lệ, Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, các quy chế, các tài liệu chứng minh quyền sở hữu tài sản, nghị quyết Đại hội đồng cổ đông và Hội đồng quản trị, biên bản họp Đại hội đồng cổ đông và Hội đồng quản trị, các báo cáo của Hội đồng quản trị, các báo cáo của ủy ban kiểm toán, báo cáo tài chính năm, sổ sách kế toán và các tài liệu khác theo quy định của pháp luật tại trụ sở chính hoặc một nơi khác với điều kiện là các cổ đông và Cơ quan đăng ký kinh doanh được thông báo về địa điểm lưu trữ các tài liệu này.

5. Điều lệ công ty phải được công bố trên trang thông tin điện tử của Công ty.

XII. CÔNG NHÂN VIÊN VÀ CÔNG ĐOÀN

Điều 44. Công nhân viên và công đoàn

1. Tổng giám đốc phải lập kế hoạch đề Hội đồng quản trị thông qua các vấn đề liên quan đến việc tuyển dụng, cho người lao động nghỉ việc, tiền lương, bảo hiểm xã hội, phúc lợi, khen thưởng và kỷ luật đối với người lao động và người điều hành doanh nghiệp.
2. Tổng giám đốc phải lập kế hoạch đề Hội đồng quản trị thông qua các vấn đề liên quan đến quan hệ của Công ty với các tổ chức công đoàn theo các chuẩn mực, thông lệ và chính sách quản lý tốt nhất, những thông lệ và chính sách quy định tại Điều lệ này, các quy chế của Công ty và quy định pháp luật hiện hành.

XIII. PHÂN PHỐI LỢI NHUẬN

Điều 45. Phân phối lợi nhuận

1. Đại hội đồng cổ đông quyết định mức chi trả cổ tức và hình thức chi trả cổ tức hàng năm từ lợi nhuận được giữ lại của Công ty.
2. Công ty không thanh toán lãi cho khoản tiền trả cổ tức hay khoản tiền chi trả liên quan tới một loại cổ phiếu.
3. Hội đồng quản trị có thể kiến nghị Đại hội đồng cổ đông thông qua việc thanh toán toàn bộ hoặc một phần cổ tức bằng cổ phiếu và Hội đồng quản trị là cơ quan thực thi quyết định này.
4. Trường hợp cổ tức hay những khoản tiền khác liên quan tới một loại cổ phiếu được chi trả bằng tiền mặt, Công ty phải chi trả bằng tiền đồng Việt Nam. Việc chi trả có thể thực hiện trực tiếp hoặc thông qua các ngân hàng trên cơ sở các thông tin chi tiết về tài khoản ngân hàng do cổ đông cung cấp. Trường hợp Công ty đã chuyển khoản theo đúng các thông tin chi tiết về ngân hàng do cổ đông cung cấp mà cổ đông đó không nhận được tiền, Công ty không phải chịu trách nhiệm về khoản tiền Công ty đã chuyển cho cổ đông này. Việc thanh toán cổ tức đối với các cổ phiếu niêm yết/đăng ký giao dịch tại Sở giao dịch chứng khoán có thể được tiến hành thông qua công ty chứng khoán hoặc Tổng Công ty lưu ký và bù trừ chứng khoán Việt Nam.
5. Căn cứ Luật Doanh nghiệp, Luật Chứng khoán, Hội đồng quản trị thông qua nghị quyết, quyết định xác định một ngày cụ thể để chốt danh sách cổ đông. Căn cứ theo ngày đó, những người đăng ký với tư cách cổ đông hoặc người sở hữu các chứng khoán khác được quyền nhận cổ tức bằng tiền mặt hoặc cổ phiếu, nhận thông báo hoặc tài liệu khác.
6. Các vấn đề khác liên quan đến phân phối lợi nhuận được thực hiện theo quy định của pháp luật.

XIV. TÀI KHOẢN NGÂN HÀNG, NĂM TÀI CHÍNH VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN

Điều 46. Tài khoản ngân hàng

1. Công ty mở tài khoản tại các ngân hàng Việt Nam hoặc tại các chi nhánh ngân hàng nước ngoài được phép hoạt động tại Việt Nam.
2. Theo sự chấp thuận trước của cơ quan có thẩm quyền, trong trường hợp cần thiết, Công ty có thể mở tài khoản ngân hàng ở nước ngoài theo các quy định của pháp luật.
3. Công ty tiến hành tất cả các khoản thanh toán và giao dịch kế toán thông qua các tài khoản tiền Việt Nam hoặc ngoại tệ tại các ngân hàng mà Công ty mở tài khoản.

Điều 47. Năm tài chính

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 hằng năm và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 hằng năm. Năm tài chính đầu tiên bắt đầu từ ngày cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2003

Điều 48. Chế độ kế toán

1. Chế độ kế toán Công ty sử dụng là chế độ kế toán doanh nghiệp hoặc chế độ kế toán đặc thù được cơ quan có thẩm quyền ban hành, chấp thuận.
2. Công ty lập sổ sách kế toán bằng tiếng Việt và lưu giữ hồ sơ kế toán theo quy định pháp luật về kế toán và pháp luật liên quan. Những hồ sơ này phải chính xác, cập nhật, có hệ thống và phải đủ để chứng minh và giải trình các giao dịch của Công ty.
3. Công ty sử dụng đơn vị tiền tệ trong kế toán là đồng Việt Nam. Trường hợp Công ty có các nghiệp vụ kinh tế phát sinh chủ yếu bằng một loại ngoại tệ thì được tự chọn ngoại tệ đó làm đơn vị tiền tệ trong kế toán, chịu trách nhiệm về lựa chọn đó trước pháp luật và thông báo cho cơ quan quản lý thuế trực tiếp.

XV. BÁO CÁO TÀI CHÍNH, BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN VÀ TRÁCH NHIỆM CÔNG BỐ THÔNG TIN

Điều 49. Báo cáo tài chính năm, bán niên và quý

1. Công ty phải lập báo cáo tài chính năm và báo cáo tài chính năm phải được kiểm toán theo quy định của pháp luật. Công ty công bố báo cáo tài chính năm đã được kiểm toán theo quy định của pháp luật về công bố thông tin trên thị trường chứng khoán và nộp cho cơ quan nhà nước có thẩm quyền.
2. Báo cáo tài chính năm phải bao gồm đầy đủ các báo cáo, phụ lục, thuyết minh theo quy định pháp luật về kế toán doanh nghiệp. Báo cáo tài chính năm phải phản ánh một cách trung thực và khách quan tình hình hoạt động của Công ty.

3. Công ty phải lập và công bố các báo cáo tài chính bán niên đã soát xét và báo cáo tài chính quý theo quy định pháp luật về công bố thông tin trên thị trường chứng khoán và nộp cho cơ quan nhà nước có thẩm quyền.

Điều 50. Báo cáo thường niên

Công ty phải lập và công bố Báo cáo thường niên theo các quy định của pháp luật về chứng khoán và thị trường chứng khoán.

XVI. KIỂM TOÁN CÔNG TY

Điều 51. Kiểm toán

1. Đại hội đồng cổ đông chỉ định một công ty kiểm toán độc lập hoặc thông qua danh sách các công ty kiểm toán độc lập và ủy quyền cho Hội đồng quản trị quyết định lựa chọn một trong số các đơn vị này tiến hành kiểm toán báo cáo tài chính của Công ty cho năm tài chính tiếp theo dựa trên những điều khoản và điều kiện thỏa thuận với Hội đồng quản trị.

2. Báo cáo kiểm toán được đính kèm báo cáo tài chính năm của Công ty.

3. Kiểm toán viên độc lập thực hiện việc kiểm toán báo cáo tài chính của Công ty được tham dự các cuộc họp Đại hội đồng cổ đông và được quyền nhận các thông báo và các thông tin khác liên quan đến cuộc họp Đại hội đồng cổ đông và được phát biểu ý kiến tại đại hội về các vấn đề có liên quan đến việc kiểm toán báo cáo tài chính của Công ty.

XVII. DẤU CỦA DOANH NGHIỆP

Điều 52. Dấu của doanh nghiệp

1. Dấu bao gồm dấu được làm tại cơ sở khắc dấu hoặc dấu dưới hình thức chữ ký số theo quy định của pháp luật về giao dịch điện tử.

2. Hội đồng quản trị quyết định loại dấu, số lượng, hình thức và nội dung dấu của Công ty, chi nhánh, văn phòng đại diện của Công ty (nếu có).

3. Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc sử dụng và quản lý dấu theo quy định của pháp luật hiện hành.

XVIII. GIẢI THỂ CÔNG TY

Điều 53. Giải thể công ty

1. Công ty có thể bị giải thể trong những trường hợp sau:

a) Kết thúc thời hạn hoạt động đã ghi trong Điều lệ công ty mà không có quyết định gia hạn;

b) Theo nghị quyết, quyết định của Đại hội đồng cổ đông;

c) Bị thu hồi Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, trừ trường hợp Luật Quản lý thuế có quy định khác;

d) Các trường hợp khác theo quy định của pháp luật.

2. Việc giải thể Công ty trước thời hạn (kể cả thời hạn đã gia hạn) do Đại hội đồng cổ đông quyết định, Hội đồng quản trị thực hiện. Quyết định giải thể này phải được thông báo hoặc phải được chấp thuận bởi cơ quan có thẩm quyền (nếu bắt buộc) theo quy định.

Điều 54. Gia hạn hoạt động

1. Hội đồng quản trị triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông ít nhất [7 tháng] trước khi kết thúc thời hạn hoạt động để cổ đông có thể biểu quyết về việc gia hạn hoạt động của Công ty theo đề nghị của Hội đồng quản trị.

2. Thời hạn hoạt động được gia hạn khi có số cổ đông đại diện từ 65% trở lên tổng số phiếu biểu quyết của tất cả cổ đông dự họp Đại hội đồng cổ đông tán thành.

Điều 55. Thanh lý

1. Tối thiểu [06 tháng] trước khi kết thúc thời hạn hoạt động của Công ty hoặc sau khi có quyết định giải thể Công ty, Hội đồng quản trị phải thành lập Ban thanh lý gồm 03 thành viên, trong đó 02 thành viên do Đại hội đồng cổ đông chỉ định và 01 thành viên do Hội đồng quản trị chỉ định từ 01 công ty kiểm toán độc lập. Ban thanh lý chuẩn bị các quy chế hoạt động của mình. Các thành viên của Ban thanh lý có thể được lựa chọn trong số nhân viên của Công ty hoặc chuyên gia độc lập. Tất cả các chi phí liên quan đến thanh lý được Công ty ưu tiên thanh toán trước các khoản nợ khác của Công ty.

2. Ban thanh lý có trách nhiệm báo cáo cho Cơ quan đăng ký kinh doanh về ngày thành lập và ngày bắt đầu hoạt động. Kể từ thời điểm đó, Ban thanh lý thay mặt Công ty trong tất cả các công việc liên quan đến thanh lý Công ty trước Tòa án và các cơ quan hành chính.

3. Tiền thu được từ việc thanh lý được thanh toán theo thứ tự sau:

a) Các chi phí thanh lý;

b) Các khoản nợ lương, trợ cấp thôi việc, bảo hiểm xã hội và các quyền lợi khác của người lao động theo thỏa ước lao động tập thể và hợp đồng lao động đã ký kết;

c) Nợ thuế;

d) Các khoản nợ khác của Công ty;

đ) Phần còn lại sau khi đã thanh toán tất cả các khoản nợ từ mục (a) đến (d) trên đây được chia cho các cổ đông. Các cổ phần ưu đãi được ưu tiên thanh toán trước.

XIX. GIẢI QUYẾT TRANH CHẤP NỘI BỘ

Điều 56. Giải quyết tranh chấp nội bộ

1. Trường hợp phát sinh tranh chấp, khiếu nại liên quan tới hoạt động của Công ty, quyền và nghĩa vụ của các cổ đông theo quy định tại Luật Doanh nghiệp, Điều lệ công ty, các quy định pháp luật khác hoặc thỏa thuận giữa:

- a) Cổ đông với Công ty;
- b) Cổ đông với Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát, Giám đốc (Tổng giám đốc) hay người điều hành khác;

Các bên liên quan cố gắng giải quyết tranh chấp đó thông qua thương lượng và hòa giải. Trường hợp tranh chấp liên quan tới Hội đồng quản trị hoặc Chủ tịch Hội đồng quản trị, Chủ tịch Hội đồng quản trị chủ trì việc giải quyết tranh chấp và yêu cầu từng bên trình bày các thông tin liên quan đến tranh chấp trong vòng [10 ngày] làm việc kể từ ngày tranh chấp phát sinh. Trường hợp tranh chấp liên quan tới Hội đồng quản trị hay Chủ tịch Hội đồng quản trị, bất cứ bên nào cũng có thể yêu cầu [...] chỉ định một chuyên gia độc lập làm trung gian hòa giải cho quá trình giải quyết tranh chấp.

2. Trường hợp không đạt được quyết định hòa giải trong vòng [06 tuần] từ khi bắt đầu quá trình hòa giải hoặc nếu quyết định của trung gian hòa giải không được các bên chấp nhận, một bên có thể đưa tranh chấp đó ra Trọng tài hoặc Tòa án.

3. Các bên tự chịu chi phí có liên quan tới thủ tục thương lượng và hòa giải. Việc thanh toán các chi phí của Tòa án được thực hiện theo phán quyết của Tòa án.

XX. BỔ SUNG VÀ SỬA ĐỔI ĐIỀU LỆ

Điều 57. Điều lệ công ty

1. Việc sửa đổi, bổ sung Điều lệ này phải được Đại hội đồng cổ đông xem xét, quyết định.
2. Trường hợp pháp luật có quy định liên quan đến hoạt động của Công ty chưa được đề cập trong bản Điều lệ này hoặc trường hợp có quy định pháp luật mới khác với điều khoản trong Điều lệ này thì áp dụng những quy định đó để điều chỉnh hoạt động của Công ty.

XXI. NGÀY HIỆU LỰC

Điều 58. Ngày hiệu lực

1. Bản điều lệ này gồm [21 mục, 58 điều] được Đại hội đồng cổ đông Công ty cổ phần Đầu tư và Thương mại TNG thông qua ngày 20 tháng 4 năm 2025 tại phiên họp Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2025 và cùng chấp thuận hiệu lực toàn văn của Điều lệ này.
2. Điều lệ được lập thành 01 bản và phải được lưu giữ tại trụ sở chính của Công ty.
3. Điều lệ này là duy nhất và chính thức của Công ty.
4. Các bản sao hoặc trích lục Điều lệ công ty có giá trị khi có chữ ký của Chủ tịch Hội đồng quản trị hoặc tối thiểu 1/2 tổng số thành viên Hội đồng quản trị.

CÔNG TY CP ĐẦU TƯ VÀ THƯƠNG MẠI TNG

(Người đại diện theo pháp luật)

NGUYỄN VĂN THỜI